

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NGUYỄN HOÀNG TÚ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG
ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG
TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, Năm 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

NGUYỄN HOÀNG TỬ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG
ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG
TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 62.34.04.10

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học

- 1. PGS.TS BÙI XUÂN NHÀN**
- 2. TS. HÀ VĂN SIÊU**

Hà Nội, Năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận án



LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành luận án, bên cạnh sự cố gắng của bản thân là sự hướng dẫn nhiệt tình của quý Thầy Cô, sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của nhất của cơ quan nơi tôi công tác cũng như sự động viên ủng hộ hết mực của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp trong suốt thời gian học tập nghiên cứu và thực hiện luận án tiến sĩ.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và kính trọng đến toàn thể quý Thầy, Cô giáo trong Ban Giám hiệu Trường Đại học Thương mại, khoa Khách sạn Du lịch, đặc biệt là PGS.TS Bùi Xuân Nhàn và TS. Hà Văn Siêu đã trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành luận án. Với sự nhiệt tình và đầy trách nhiệm, với những lời chỉ dẫn, những tài liệu và những lời động viên của quý Thầy đã giúp tôi vượt qua những khó khăn về kiến thức, kinh nghiệm và tuổi tác để thực hiện luận án này.

Xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến UBND các tỉnh, huyện, xã; các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Trung tâm xúc tiến du lịch, các Công ty du lịch, các khách sạn, các cơ sở đào tạo, các nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung (những nơi tôi đã đến) đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt thời gian thực hiện luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận án

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ	ix
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU	11
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ ĐỀ CỦA LUẬN ÁN	11
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	18
1.1. Một số khái niệm cơ bản về phát triển du lịch bền vững.....	18
1.1.1. Phát triển bền vững.....	18
1.1.2. Phát triển du lịch bền vững.....	21
1.1.3. Đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch	27
1.1.4. Các bên tham gia trong phát triển du lịch bền vững	31
1.2. Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững	35
1.2.1. Đặc điểm của quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững	35
1.2.2. Vai trò của quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.....	37
1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.....	39
1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.....	44
1.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững của một số địa phương trong và ngoài nước, bài học kinh nghiệm rút ra cho một số tỉnh miền Trung Việt Nam	47
1.3.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới.....	47

1.3.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước.....	54
1.3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho một số tỉnh miền Trung Việt Nam	57
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG GIAI ĐOẠN 2010- 2015	59
2.1. Khái quát về tình hình kinh tế xã hội và phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010 - 2015	59
2.1.1. Tổng quan về các tỉnh miền Trung.....	59
2.1.2. Tình hình kinh tế xã hội các tỉnh miền Trung	64
2.1.3. Tình hình phát triển du lịch các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010 - 2015.....	65
2.1.4. Một số nhận xét về sự phát triển du lịch bền vững của các tỉnh miền Trung	71
2.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung	73
2.2.1. Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch.....	73
2.2.2. Xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững.....	79
2.2.3. Quản lý tài nguyên và phát triển sản phẩm du lịch bền vững	89
2.2.4. Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch	93
2.2.5. Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch.....	98
2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam	100
2.3.1. Ưu điểm và nguyên nhân.....	100
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân.....	103
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030	108
3.1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung	108

3.1.1. Quan điểm phát triển du lịch	108
3.1.2. Mục tiêu phát triển du lịch các tỉnh miền Trung.....	109
3.1.3. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững.....	112
3.1.4. Định hướng phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung Việt Nam	115
3.2. Một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.....	120
3.2.1. Cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của miền Trung.....	120
3.2.2. Hoàn thiện quy hoạch, chính sách, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch.....	124
3.2.3. củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, nghiên cứu hình thành các thể chế quản lý phát triển du lịch bền vững hiệu quả	133
3.2.4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực	137
3.2.5. Tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch của tỉnh	140
3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung	148
3.3. Một số kiến nghị.....	150
3.3.1. Đối với Chính phủ.....	150
3.3.2. Đối với Hiệp hội du lịch Việt Nam.....	153
KẾT LUẬN	155
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	157
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	158

DANH MỤC VIẾT TẮT

A. Tiếng Việt

STT	Từ viết tắt	Viết đầy đủ
1	CS	Chính sách
2	CSVN-KT	Cơ sở vật chất - kỹ thuật
3	DL	Du lịch
4	DV	Dịch vụ
5	ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
6	KCHT	Kết cấu hạ tầng
7	KT-XH	Kinh tế xã hội
8	LSVH	Lịch sử văn hóa
9	PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
10	PTBV	Phát triển bền vững
11	QLNN	Quản lý nhà nước
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
13	UBND	Ủy ban nhân dân
14	VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
15	VH	Văn hóa
16	VHTT-DL	Văn hóa thể thao và du lịch
17	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

B. Tiếng Anh

STT	Từ viết tắt	Viết đầy đủ	Nghĩa Tiếng Việt
1	ASEAN	Association of South-East Asian Nations	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
2	EWEC	East-West Economic Corridor	Hành lang kinh tế Đông - Tây
3	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
4	TAT	Tourism Authority of Thailand	Tổng cục du lịch Thái Lan
5	UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc
6	UNWTO	World Tourism Organization	Tổ chức du lịch Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 1.1: Du lịch bền vững và du lịch không bền vững	23
2	Bảng 1.2: Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững	28
3	Bảng 1.3: Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch	29
4	Bảng 1.4: Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch	30
5	Bảng 2.1: Số doanh nghiệp hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Trung năm 2015	66
6	Bảng 2.2: Kết quả khảo sát các cơ sở đào tạo về du lịch	94
7	Bảng 3.1: Dự báo tổng lượt khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung	112
8	Bảng 3.2: Dự báo khách du lịch nội địa đến các tỉnh miền Trung	112
9	Bảng 3.3: Mức chi tiêu trung bình của khách du lịch	112
10	Bảng 3.4: Tổng thu từ du lịch của miền Trung	113
11	Bảng 3.5: Nhu cầu cơ sở lưu trú của miền Trung	114

DANH MỤC CÁC HÌNH, BIỂU ĐỒ

STT	Tên hình, biểu đồ	Trang
1	Hình 1.1: Quan niệm về phát triển bền vững	19
2	Hình 1.2: Các bên liên quan tham gia vào hoạt động du lịch	34
3	Biểu đồ 2.1: Số lượng cơ sở lưu trú đã xếp hạng tại 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa	67
4	Biểu đồ 2.2: Số lượng khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung (2010 - 2015)	69
5	Biểu đồ 2.3: Số lượng khách nội địa đến các tỉnh miền Trung (2010 - 2015)	70
7	Biểu đồ 2.4: Kết quả khảo sát về chiến lược phát triển du lịch bền vững	80
8	Biểu đồ 2.5: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước về thực trạng quy hoạch phát triển du lịch bền vững	82
9	Biểu đồ 2.6: Kết quả khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch về thực trạng quy hoạch phát triển du lịch bền vững	83
10	Biểu đồ 2.7: Kết quả khảo sát về chính sách phát triển du lịch bền vững	85
11	Biểu đồ 2.8: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước về phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ sở dịch vụ	88
12	Biểu đồ 2.9: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp về phát triển sản phẩm du lịch và dịch vụ	92
13	Biểu đồ 2.10: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp về phát triển nguồn nhân lực du lịch	95

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, trên thế giới du lịch trở thành hiện tượng kinh tế - xã hội (KT-XH) phổ biến, là cầu nối tình hữu nghị, là phương tiện gìn giữ hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc. Ở nhiều quốc gia, du lịch là một trong những ngành kinh tế hàng đầu, phát triển với tốc độ cao, đem lại những lợi ích về KT-XH trong phát triển. Phát triển du lịch bền vững đang trở thành chủ đề ngày càng nhiều quốc gia quan tâm. Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý và khai thác tất cả các dạng tài nguyên để có thể đáp ứng các nhu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường. Mục tiêu của du lịch bền vững là phát triển, gia tăng sự đóng góp của du lịch vào kinh tế và môi trường, cải thiện tính công bằng xã hội trong phát triển, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng bản địa, đáp ứng nhu cầu của du khách và duy trì chất lượng môi trường lâu dài.

Ở Việt Nam, sau 30 năm đổi mới, ngành du lịch đã có nhiều khởi sắc, thay đổi diện mạo và từng bước khẳng định tầm vóc của ngành trong nền kinh tế quốc dân, góp phần phát triển KT-XH, thúc đẩy giao lưu văn hóa làm cho nhân dân thế giới hiểu biết thêm về đất nước con người Việt Nam, tranh thủ được sự thiện cảm và sự đồng tình ủng hộ quốc tế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Có thể nói rằng không có ngành kinh tế nào đi tắt đón đầu đuổi kịp trình độ phát triển của các nước trong khu vực, rút ngắn khoảng cách và chống tụt hậu về kinh tế nhanh bằng ngành du lịch. Chính vì vậy, những năm qua Đảng và Nhà nước ta có sự quan tâm đặc biệt đến ngành này. Công tác quản lý nhà nước (QLNN) đối với ngành du lịch luôn được tăng cường, đổi mới, từng bước hoàn thiện để phù hợp với điều kiện phát triển du lịch trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế sâu hơn, đầy đủ hơn với khu vực và thế giới.

Từ cuối những năm 90 đến nay, điều kiện hạ tầng các tỉnh miền Trung được cải thiện, đầu tư mở rộng... du lịch trở thành một ngành dịch vụ quan trọng, chiếm tỉ trọng lớn trong GDP. Du lịch là một trong những ngành kinh tế có tốc độ phát triển

nhanh nhất, tạo nguồn thu nhập đáng kể, thúc đẩy bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc, bảo vệ và phát triển môi trường tự nhiên, xã hội. Du lịch cũng kích thích các ngành nghề khác phát triển như: giao thông vận tải, y tế, xây dựng...

Miền Trung được đánh giá là một trong ba trung tâm du lịch lớn của cả nước với thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp phong phú, nền văn hóa lâu đời, lối sống và sinh hoạt độc đáo của các dân tộc, nhiều phong vị ẩm thực hấp dẫn... Những năm gần đây, các tỉnh miền Trung đã và đang nỗ lực khai thác các tiềm năng từ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn để phát triển du lịch một cách hữu hiệu và bền vững. Nhờ đó, hoạt động du lịch của các tỉnh miền Trung đã có những bước phát triển mới. Lượng du khách đến miền Trung vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao qua các năm.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 phân định duyên hải miền Trung thành vùng du lịch Bắc Trung Bộ (gồm 6 tỉnh từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên Huế) và vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ (gồm 8 tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận). Nét tương đồng và đặc trưng cơ bản của duyên hải miền Trung là du lịch biển, đảo gắn liền với các di sản văn hoá đặc sắc và hệ sinh thái đa dạng. Ngành du lịch của nhiều tỉnh như Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa đã khẳng định vị trí then chốt của mình trong cơ cấu kinh tế địa phương. Các tỉnh khác cũng định hướng du lịch là ngành kinh tế quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, du lịch miền Trung mà đặc biệt ở các tỉnh còn lại vẫn là một ngành chậm phát triển, chưa thực sự khai thác hết tiềm năng lợi thế so sánh vốn có của từng địa phương và liên kết vùng. Trong quá trình triển khai thực hiện, sự phối hợp giữa các cấp, ngành trong quản lý, khai thác du lịch trên địa bàn và mối liên kết với các tỉnh còn nhiều hạn chế. Cán bộ có trình độ nghiệp vụ chuyên ngành du lịch còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển trong giai đoạn mới, tính chuyên nghiệp trong tổ chức, hoạt động du lịch chưa cao.

Thực tế trong những năm qua, ngành du lịch Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa đã có những đổi mới, có những bước phát triển đang dần trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc

làm cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng các mối quan hệ, hợp tác của tỉnh, làm thay đổi hình ảnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa trong nhận thức của bạn bè trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, những kết quả đã đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Điều cần quan tâm hơn nữa là du lịch miền Trung đang ẩn chứa những nguy cơ của sự phát triển không bền vững. Hiện tượng trái đất ấm lên, kèm theo đó là việc nước biển dâng, cùng với phát triển thủy điện nắn dòng chảy gây xói mòn, dịch chuyển bãi biển, chưa được tính đến một cách nghiêm túc trong các quy hoạch phát triển du lịch; nhiều địa phương chạy theo số lượng khách dẫn đến sự quá mức chịu đựng sức chứa của các điểm du lịch; một vài địa phương như Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa thời gian gần đây phát triển quá phụ thuộc vào một thị trường khách dẫn đến sự phát triển du lịch không ổn định; việc tham gia của cộng đồng cư dân địa phương cả vào định hướng phát triển du lịch địa phương lẫn đầu tư vào kinh doanh du lịch tại chỗ chưa được quan tâm đúng mức.

Với áp lực của việc phát triển nhanh chóng du lịch trong vùng, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế địa phương, tại các tỉnh miền Trung, nguy cơ của sự phát triển du lịch không bền vững là hiện hữu. Trong 4 chủ thể chủ yếu tham gia vào hoạt động du lịch, nhà nước với chức năng và quyền lực của mình là chủ thể có trách nhiệm và có khả năng nhất trong việc tạo nên sự hài hòa giữa nhu cầu phát triển trước mắt và giữ gìn cho sự khai thác lâu dài.

Từ thực trạng trên, việc nghiên cứu một cách khoa học và có hệ thống để tìm ra những giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là quản lý nhà nước địa phương) đối với phát triển du lịch bền vững là một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn và mang tính cấp thiết. Trong các tỉnh miền Trung, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, là ba địa phương có quy mô và tốc độ tăng trưởng nguồn khách thuộc loại cao nhất khu vực trong thời gian qua. Đây cũng là ba địa phương tiềm ẩn nguy cơ cao của sự phát triển du lịch không bền vững. Cả ba địa phương này đều đặt ra các mục tiêu và yêu cầu cao với tốc độ phát triển du lịch, đều đang phát triển du lịch chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên du lịch tự

nhiên nhạy cảm tiềm ẩn nhiều yếu tố có nguy cơ làm cho du lịch phát triển không bền vững, cần có sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương cấp tỉnh. Đối với tỉnh Quảng Bình, bên cạnh du lịch biển, điểm du lịch nổi bật là hệ thống hang động Phong Nha, một loại hang động Karst cần phải được bảo vệ tốt nằm trong Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đòi hỏi có chế độ bảo vệ nghiêm ngặt. Đối với thành phố Đà Nẵng bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu của khách du lịch thông qua các dịch vụ của các doanh nghiệp cung ứng và các khu vui chơi, giải trí chung còn phải tập trung giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu sử dụng bãi biển cho cộng đồng cư dân địa phương và cho các dự án thu hút vốn đầu tư xây dựng resort cao cấp, các khu du lịch mới đều nằm ở khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa và Rừng đặc dụng Bán đảo Sơn Trà. Đối với tỉnh Khánh Hòa, phát triển du lịch hiện đang dựa trên hệ thống tài nguyên du lịch biển đảo khá nhạy cảm với sự gia tăng lượng khách và hoạt động kinh doanh du lịch khá nóng dễ dẫn đến tình trạng giảm chất lượng dịch vụ và làm mất tính bền vững trong phát triển du lịch.

Tăng cường sự quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp tỉnh nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch một số tỉnh miền Trung Việt Nam bền vững, để ngành này thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai gần, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung Việt Nam là yêu cầu và nhiệm vụ cấp thiết. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: "Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam" làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, nhiệm vụ đặt ra cho quá trình thực hiện đề tài là:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với phát triển du lịch bền vững.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch và quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững của một số tỉnh miền Trung được chọn điển hình nhằm tìm ra những ưu điểm và hạn chế, đồng thời xác định các nguyên nhân của thực trạng đó làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị tăng cường quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung quản lý nhà nước của chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu một số lý luận về quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững; các tiêu chí, mô hình và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững; mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch với tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, với doanh nghiệp du lịch, cơ sở du lịch, với đời sống cộng đồng dân cư, hoạt động của du khách, quản lý xã hội, an ninh an toàn, vệ sinh môi trường, các nội dung cơ bản của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững của các địa phương trong khu vực.

Phạm vi về không gian: Miền Trung trải dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận Thuận, gồm 14 tỉnh, có điều kiện và tài nguyên phát triển du lịch khác nhau. Do giới hạn về nguồn lực và thời gian, để khảo sát sâu hơn về thực trạng Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững, đề tài luận án lựa chọn 3 địa phương gồm Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hoà để nghiên cứu điển hình như các đại diện cho các tỉnh miền Trung.

Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu, thu thập dữ liệu thứ cấp từ 2010 - 2015, các giải pháp định hướng đến 2020 và những năm tiếp theo.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: Đề tài được tiếp cận dưới góc độ quản lý kinh tế đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam, dựa vào các chỉ số vĩ mô từ các yếu tố tác động của hoạt động du lịch tới kinh tế, xã hội và môi trường; dựa vào các chính sách quản lý nhà nước về hoạt động du lịch; dựa vào các chỉ số vi mô của sản phẩm du lịch, loại hình du lịch; dựa vào nhận định từ nhu cầu để định hướng phát triển du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận chung: Sử dụng phương pháp hệ thống - logic - lịch sử để nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch bền vững.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Thu thập dữ liệu thứ cấp về phát triển du lịch bền vững bao gồm cơ sở lý thuyết từ các giáo trình, sách chuyên khảo, đề tài NCKH các cấp, các báo cáo khoa học, bài báo có liên quan tại các thư viện và một số trang website chính thức trong nước và nước ngoài để có tài liệu cơ bản ban đầu.

Dữ liệu thứ cấp về thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn các tỉnh thành miền Trung gồm các nguồn tài liệu như: số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, Bộ VHTT&DL; các báo cáo và số liệu thống kê của UBND 3 tỉnh thành miền Trung, Sở VHTT&DL 3 tỉnh thành miền Trung và Trung tâm xúc tiến du lịch 3 tỉnh thành miền Trung từ năm 2010-2015. Những tài liệu thứ cấp đã thu thập như: thống kê về lao động, hạ tầng du lịch, lượng khách, ngày khách, chi tiêu trung bình và doanh thu du lịch 3 tỉnh thành miền Trung từ năm 2010-2015; những báo cáo tổng kết các mặt hoạt động du lịch giai đoạn 2010-2015; các văn bản, chính sách liên quan đến phát triển du lịch 3 tỉnh thành

miền Trung giai đoạn 2010-2015 và các báo cáo tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh 3 tỉnh thành miền Trung giai đoạn 2010-2015.

- Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

NCS tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp qua khảo sát bằng phiếu và kết hợp với phỏng vấn.

Trên cơ sở xác định mục tiêu khảo sát xã hội học, NCS đã xác định đối tượng khảo sát, phạm vi khảo sát, thiết kế bảng hỏi và phiếu khảo sát, lựa chọn cách thức và thời điểm khảo sát gồm:

Các đối tượng khảo sát gồm các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; khách du lịch; các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp hoạt động du lịch và cơ sở dịch vụ khác trên địa bàn 3 tỉnh thành là Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Để có thêm thông tin nhằm phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung, cùng với dữ liệu thứ cấp, NCS đã thu thập thêm các dữ liệu sơ cấp. Trong quá trình khảo sát điển hình tại ba tỉnh nghiên cứu là Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa bằng bảng câu hỏi (xem phụ lục 4,5,6) và tiến hành khảo sát về thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa cho các đối tượng là các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; khách du lịch; các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp hoạt động du lịch và cơ sở dịch vụ khác trên địa bàn.

Về quy mô mẫu, theo kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu cho rằng, nếu sử dụng phương pháp ước lượng thì kích thước mẫu tối thiểu phải từ 100-150 (Hair & ctg, 1998). Ngoài ra, kích thước mẫu tối thiểu là 5 mẫu cho 1 tham số cần ước lượng (Bollen, 1989). Tuy nhiên, kích thước mẫu phụ thuộc vào phương pháp phân tích. Để xác định cỡ mẫu cho phân tích thì kích thước mẫu tối thiểu là 5 lần số biến trong phân tích. Phiếu khảo sát cơ quan quản lý nhà nước này có 12 biến quan sát (xem phụ lục 13), vì thế kích thước mẫu tối thiểu phải đảm bảo lớn hơn 60 mẫu. Tương tự với phiếu khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch và khách du lịch.

Khảo sát cơ quan quản lý nhà nước: NCS tiến hành phát 150 phiếu điều tra cho cơ quan quản lý nhà nước một số tỉnh miền Trung, chọn mẫu phân tầng bao

gồm: UBND cấp tỉnh/thành, UBND cấp thị xã/thị trấn, UBND cấp quận/huyện, UBND cấp xã/phường, các chuyên gia du lịch đại diện từ Sở VH TT&DL, BQL các điểm khu du lịch, phòng VH TT&DL, Trung tâm Thông tin du lịch. Thời gian khảo sát: từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 và được chia làm nhiều đợt.

Khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch: NCS tiến hành phát 500 phiếu khảo sát cho các doanh nghiệp hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung, chọn mẫu theo cụm gồm các: DN lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng và cơ sở DV khác trên địa bàn 3 tỉnh thành miền Trung. Thời gian khảo sát: từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 và được chia làm nhiều đợt.

Khảo sát khách du lịch: NCS khảo sát 1.000 khách gồm khách nội địa và khách quốc tế đến du lịch tại một số tỉnh miền Trung, chọn mẫu theo chùm bao gồm khách Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Pháp, Mỹ, Đức, Úc, Anh, Nga và một số nước khác. Thời gian khảo sát: việc phát và thu phiếu được tiến hành liên tục trong 6 tháng từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 và việc khảo sát thông qua các công ty lữ hành trên địa bàn 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Ngoài khảo sát trực tiếp, NCS còn tiến hành thu thập thêm các ý kiến của khách du lịch qua Diễn đàn TripAdvisor và một số trang mạng xã hội.

- Phương pháp xử lý và phân tích thông tin, dữ liệu

Các thông tin và dữ liệu thu thập được sẽ được phân loại, chọn lọc, mã hoá riêng nhập vào máy tính trong đó có sử dụng phần mềm excel để phân tích dữ liệu khảo sát. Sử dụng các mô hình, sơ đồ, biểu đồ, thống kê để phân tích, đánh giá, nhận xét các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp đã thu thập được.

- Phương pháp phân tích hệ thống

Được sử dụng trong nghiên cứu đề tài nhằm nghiên cứu quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với tài nguyên du lịch, quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp hoạt động du lịch và quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với cộng đồng dân cư, du khách.

- Phương pháp chuyên gia

NCS đã gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với 3 nhóm đối tượng: các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp hoạt động du lịch và cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Mục đích nhằm kiểm chứng kết quả khảo sát, đồng thời làm rõ hơn các ý kiến trong phiếu khảo sát. Đồng thời, sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: trừu tượng hóa khoa học, lôgics-lịch sử, phân tích tổng hợp, thống kê, mô hình hóa, phỏng vấn sâu, điều tra khảo sát...

5. Những đóng góp mới của luận án

Nghiên cứu lý luận chung về phát triển du lịch bền vững; ý nghĩa, sự khác nhau giữa du lịch bền vững và du lịch không bền vững; đặc điểm, vai trò và nội dung quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững; những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững; kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững của một số địa phương trong và ngoài nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

Nghiên cứu và xác định được những vấn đề cơ bản liên quan đến vai trò, nội dung quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn một số tỉnh miền Trung Việt Nam bao gồm: tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch; xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững; công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch; thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch... Từ đó, khái quát được những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

Đề xuất các giải pháp đồng bộ và cụ thể đã được nghiên cứu bao gồm: Giải pháp tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật về du lịch cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cán bộ, nhân dân trong tỉnh; giải pháp đẩy mạnh công tác quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch; giải pháp củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến cơ sở; giải pháp đẩy mạnh cải cách

các thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững; giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; giải pháp tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch; giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch trên địa bàn; giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch nhằm phát huy những lợi thế, khắc phục những hạn chế bất cập, hoàn thiện QLNN địa phương đối với phát triển du lịch bền vững trên địa một số tỉnh miền Trung Việt Nam thời gian tới.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo. Nội dung luận án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung giai đoạn 2010-2015.

Chương 3: Một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ ĐỀ CỦA LUẬN ÁN

Tổng quan các công trình trong nước

Trong suốt 55 năm hình thành và phát triển, du lịch Việt Nam đã có những bước tiến đáng khích lệ và đã trở thành một ngành kinh tế có vị trí xứng đáng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, việc khai thác các tài nguyên phục vụ phát triển du lịch bên cạnh những tác động tích cực cũng dần bộc lộ những ảnh hưởng tiêu cực: vô tình đã góp phần làm suy thoái chất lượng tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái, đe dọa sự tồn tại của các hệ sinh thái tự nhiên đặc hữu, thay đổi tập quán sinh hoạt của loài... Phát triển du lịch bền vững chính là giải pháp duy nhất khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường, hạn chế khả năng làm suy thoái tài nguyên, duy trì tính đa dạng sinh học.

Tiềm năng du lịch của Việt Nam rất phong phú. Phát triển du lịch đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập, khôi phục nhiều truyền thống văn hoá, tôn tạo một số cảnh quan và di tích lịch sử, văn hoá. Song mặt khác, nó cũng làm ảnh hưởng đến phát triển bền vững như: Các khách sạn, công trình phục vụ du lịch và giải trí "bung ra" thiếu sự quy hoạch thận trọng, nhiều trường hợp phá hoại các di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên; một số hệ sinh thái nhạy cảm, có đa dạng sinh học cao như các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, vùng ven biển... bị xâm phạm và gây biến đổi mạnh.

Vấn đề QLNN đối với phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững ở phạm vi cả nước nói chung và từng địa phương nói riêng là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, các nhà lãnh đạo và quản lý kinh tế.

Nhóm những đề tài nghiên cứu về phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững

- Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “*Khai thác tiềm năng biển, đảo vì sự Phát triển bền vững của Quảng Ngãi và miền Trung*” do UBND tỉnh Quảng Ngãi và Viện khoa học xã hội Việt Nam (tháng 5/2011) đã đánh giá tổng hợp các tiềm năng và lợi

thế về tự nhiên, tài nguyên, kinh tế-xã hội, văn hóa và con người của các tỉnh miền Trung nói chung và Quảng Ngãi nói riêng; đánh giá quá trình thực tiễn khai thác, sử dụng, phát huy tiềm năng và lợi thế của biển, đảo trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2000-2010 của các tỉnh miền Trung. Trong đó, tập trung làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu, những hạn chế và bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn phát triển thời gian qua và đề xuất các định hướng, giải pháp cụ thể nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế của biển, đảo của các tỉnh miền Trung và Quảng Ngãi vì mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

- Nguyễn Đình Hoè (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, đã đề cập đến một số vấn đề như những nguyên tắc của du lịch bền vững; chính sách du lịch bền vững trên thế giới; các biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến sự bền vững; một số mô hình du lịch bền vững như làng du lịch ở Austria, Ecomost - mô hình du lịch bền vững của cộng đồng châu Âu, mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn - Trung Quốc; tổ chức sự tham gia của cộng đồng vào quản lý và tiến hành hoạt động du lịch như tham gia quy hoạch phát triển du lịch, tham gia vào việc lập quyết định liên quan đến phát triển của điểm du lịch, tham gia hoạt động và quản lý hoạt động du lịch ở những vị trí, ngành nghề thích hợp; đánh giá tính bền vững của du lịch như đánh giá hoạt động du lịch dựa vào khả năng tải, dựa vào bộ chỉ thị môi trường của WTO, bộ chỉ thị đánh giá nhanh tính bền vững của một điểm du lịch.

- Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Trần Tiến Dũng (2005), “*Phát triển du lịch bền vững ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng*”, tập trung góp phần tích cực vào việc quản lý, phát triển du lịch bền vững ở Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, đề xuất hệ thống các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng.

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (2000), “*Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*” của Phạm Trung Lương, tập trung hệ thống hoá các vấn đề lý luận về phát triển du lịch bền vững; xác định những vấn đề cơ bản đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững thông qua phân tích thực trạng phát triển du lịch từ năm 1992 đến nay; xác định những vấn đề đặt ra đối với phát triển

du lịch từ góc độ khai thác sử dụng tài nguyên và thực trạng môi trường du lịch; tổng quan một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển du lịch bền vững; nghiên cứu đề xuất hệ thống các giải pháp đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam; thử nghiệm nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển du lịch bền vững ở khu vực cụ thể.

Nhóm những đề tài nghiên cứu tổng quan về du lịch

- Đề tài cấp Bộ (2011) “*Hiện trạng và giải pháp phát triển các khu du lịch biển quốc gia tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ*” do Viện nghiên cứu và phát triển du lịch chủ trì, TS. Nguyễn Thu Hạnh chủ nhiệm. Các tác giả của đề tài đã tập trung nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về du lịch biển và phát triển khu du lịch biển quốc gia. Nêu khái niệm mới về sản phẩm du lịch của khu du lịch biển quốc gia, khẳng định đó là tập hợp tất cả các cảm xúc đơn lẻ đem lại cho du khách ấn tượng đặc trưng nhất về một khu du lịch biển.

- Luận án Tiến sĩ Kinh tế của Trương Sĩ Quý (2002), “*Phương hướng và một số giải pháp để đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch ở Quảng Nam-Đà Nẵng*”, bảo vệ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Luận án hướng vào nghiên cứu hệ thống hóa và phát triển một số vấn đề lý luận cơ bản về đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch.

- Đề tài cấp Bộ (2011) “*Phương hướng phát triển du lịch Nghiên cứu xây dựng tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch ở Việt Nam*” do Viện nghiên cứu và phát triển du lịch chủ trì. Các tác giả của đề tài tập trung nghiên cứu xây dựng các tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch phục vụ công tác đánh giá, công nhận các tuyến, điểm du lịch đang hoạt động và phục vụ việc hình thành các khu, tuyến, điểm du lịch mới trên phạm vi toàn quốc.

Nhóm những đề tài nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch nói chung

- Trịnh Đăng Thanh (2004) “*Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã đưa ra cơ sở lý luận về sự cần thiết phải QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch; phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất

những giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch trước yêu cầu mới. Tuy nhiên, tác giả chưa nghiên cứu toàn diện vấn đề QLNN đối với hoạt động du lịch nói chung và ở từng địa phương nói riêng.

- Nguyễn Minh Đức (2007), “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, du lịch tỉnh Sơn La trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là một công trình nghiên cứu QLNN đối với hoạt động thương mại, du lịch ở một địa phương cụ thể. Luận án đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ; đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm góp phần đổi mới và nâng cao trình độ QLNN về thương mại, du lịch ở tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, tác giả chỉ nghiên cứu QLNN đối với hoạt động thương mại, du lịch thuộc khu vực Tây Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh miền núi, trong đó có tỉnh Sơn La, có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa, tiềm năng phát triển du lịch khác nhiều so với khu vực các tỉnh miền Trung Việt Nam.

Tổng quan các công trình nước ngoài

Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững

- *The Definition and Scope of Tourism*, của nhà kinh tế học Picara-Edmod đưa ra định nghĩa: Du lịch là việc tổng hòa việc tổ chức và chức năng của nó không chỉ về phương diện khách vãng lai mà chính về phương diện giá trị do khách chi ra và của những khách vãng lai mang đến với một núi tiền đầy, tiêu dùng trực tiếp hoặc gián tiếp cho các chi phí của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết và giải trí.

- Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển du lịch bền vững (gọi tắt là Rio+20) Trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về Phát triển bền vững. Rio+20 diễn ra hai sự kiện chính thức bên lề: Hội nghị về “*Đổi mới xanh trong du lịch*” (19/06/2012) và hội nghị về “*Du lịch vì một tương lai bền vững*” (20/06/2012), được đồng tổ chức bởi UNWTO, Bộ Du lịch Brazil và Ủy ban chỉ đạo của Liên Hợp Quốc về phát triển du lịch, hai sự kiện này nhằm nhấn mạnh vai trò của du lịch trên hành trình hướng tới Phát triển bền vững toàn cầu.

- Ecotourism and Sustainable Development: *Who Owns Paradise?* (1998) của Honey, *Sustainable Tourism in Protected Areas: Guidelines for Planning and Management* (2002) của Eagles và cộng sự, *Tourism and Environment* (1998) của Hens đã đề cập đến quan điểm về du lịch bền vững và du lịch không bền vững. Tuy có nhiều khái niệm về du lịch bền vững khác nhau nhưng vẫn tập trung lại nó phải có những nội dung chủ yếu sau đây: Giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Du lịch phải thân thiện với môi trường; đảm bảo lợi ích nhiều mặt của cộng đồng dân cư địa phương. Tăng thu nhập cho địa phương; phải có trách nhiệm về phát triển du lịch hôm nay và cả tương lai.

Các công trình nghiên cứu về vai trò quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững

Lý thuyết về phân bố doanh nghiệp trong phát triển lãnh thổ (Schoon); *Lý thuyết cực phát triển* (Perroux, 1994); *Lý thuyết về điểm trung tâm* (Christaller, 1933): đã tập trung phân tích làm rõ vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, trong đó có sự so sánh giữa vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước. Các lý thuyết đều cho rằng, vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương ngày càng trở nên quan trọng. Trong thực tế, một số quốc gia đã thành công trong việc phát triển kinh tế vùng và đã đem lại những thành công cho vùng và cả quốc gia đó, như đặc khu kinh tế Thẩm Quyển và Hải Nam (Trung Quốc), thành phố Hồng Kông (Trung Quốc), Phuket (Thái Lan), Bali (Indonexia).

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, NCS rút ra một số kết luận sau:

Một là: Một số công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận du lịch: *Phương hướng và một số giải pháp để đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch ở Quảng Nam-Đà Nẵng* (Trương Sỹ Quý, 2002); *Hiện trạng và giải pháp phát triển các khu du lịch biển quốc gia tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ* (Viện nghiên cứu và phát triển du lịch, 2011); *Phương hướng phát triển du lịch; Nghiên cứu xây dựng tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch ở Việt Nam* (Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2011);

Các tác giả tập trung vào một số lý luận cơ bản về đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch, về du lịch và phát triển du lịch quốc gia.

Hai là: Một số công trình đi sâu phát triển khái niệm phát triển du lịch bền vững: *Du lịch bền vững* (Nguyễn Đình Hòe, 2001); *Phát triển du lịch bền vững ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng* (Trần Tiến Dũng, 2005), hệ thống hóa các vấn đề lý luận về phát triển du lịch bền vững: *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam* (Phạm Trung Lương, 2000), tiêu chí phát triển du lịch bền vững: *Carrying capacity and environmental indicators: What tourism managers need to know* (Manning, 1996), đề xuất bộ tiêu chí phát triển bền vững (UNWTO, 2004), nghiên cứu xây dựng các tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch phục vụ công tác đánh giá, công nhận các tuyến, điểm du lịch đang hoạt động và phục vụ việc hình thành các khu, tuyến, điểm du lịch mới trên phạm vi toàn quốc: *Phương hướng phát triển du lịch Nghiên cứu xây dựng tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch ở Việt Nam* (Viện nghiên cứu và phát triển du lịch, 2011).

Ba là: Có một số công trình nghiên cứu đã nghiên cứu khá sâu về quản lý phát triển du lịch nói chung: *Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay* (Trịnh Đăng Thanh, 2004); *Quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, du lịch tỉnh Sơn La trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* (Nguyễn Minh Đức, 2007) và phát triển du lịch bền vững nói riêng: *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình* (Nguyễn Mạnh Cường, 2015) đã đề ra nội dung quản lý, nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý, vai trò của chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, nghiên cứu quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn một số tỉnh miền Trung Việt Nam thì hầu như chưa được nghiên cứu nhiều.

Bốn là: NCS kế thừa kết quả nghiên cứu về phát triển du lịch, phát triển du lịch bền vững và quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch nói chung, du lịch bền vững nói riêng trên cơ sở đó nghiên cứu, vận dụng, phát triển về quản lý nhà nước

của chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam.

Từ một số kết luận rút ra qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, đề tài luận án tập trung nghiên cứu các nội dung sau:

- Hệ thống hóa, phân tích rõ một số khái niệm về phát triển du lịch bền vững, sự khác biệt giữa phát triển du lịch bền vững và phát triển du lịch không bền vững để qua đó thấy rõ vai trò và trách nhiệm của chính quyền các địa phương cấp tỉnh đối với quản lý phát triển du lịch bền vững trên địa bàn; các chỉ tiêu đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch và vai trò của các chủ thể tham gia vào hệ thống du lịch đối với phát triển du lịch bền vững; nội dung cơ bản của quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với phát triển du lịch bền vững và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương trong và ngoài nước đối với quản lý phát triển du lịch bền vững, qua đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho một số tỉnh miền Trung Việt Nam làm cơ sở cho các đề xuất giải pháp, kiến nghị hoàn thiện quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước của chính quyền một số địa phương cấp tỉnh miền Trung giai đoạn 2010-2015 qua đó rút ra các kết luận về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân từ đó có giải pháp khắc phục hạn chế, tăng cường quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các tỉnh miền Trung đối với phát triển du lịch bền vững.

- Từ quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển du lịch các tỉnh miền Trung, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước của chính quyền địa phương một số tỉnh miền Trung đối với phát triển du lịch bền vững.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG



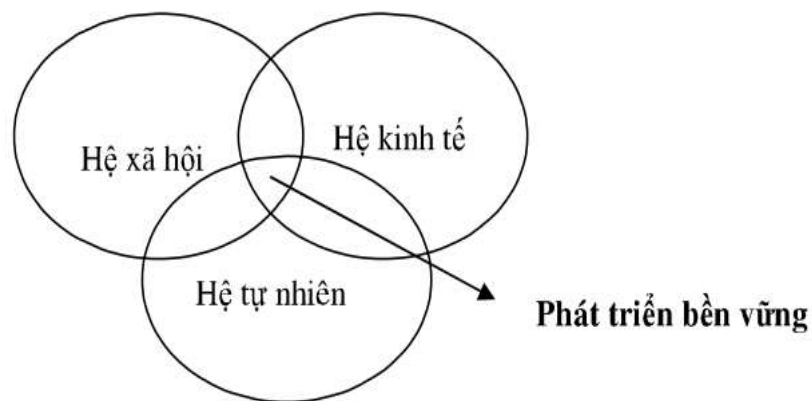
1.1.1. Phát triển bền vững

Từ khoảng hơn mười năm nay, phát triển bền vững đã trở thành một khái niệm tương đối phổ thông. Nói tới phát triển kinh tế và phát triển xã hội, phát triển quốc gia hay phát triển địa phương, phát triển toàn cầu hoặc phát triển khu vực v.v... cụm từ “phát triển” đều được hiểu theo nghĩa “phát triển bền vững”. Phát triển bền vững là hướng đi mà Tổ chức Liên Hợp Quốc, chính phủ các quốc gia, các đoàn thể và công đoàn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quần chúng v.v... đã tán đồng và ủng hộ. Tất cả các quốc gia trên thế giới, dù là quốc gia phát triển hay đang phát triển đều chú trọng đến phát triển bền vững và xây dựng chiến lược cho quốc gia mình để đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững.

Vào đầu thập niên những năm 1980, Liên hiệp Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (Union internationale pour la Conservation de la nature-UICN) là tổ chức đã đề khởi khái niệm phát triển bền vững. Đến năm 1987, khái niệm này đã được Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (Commission mondiale sur l’Environnement et le développement) do bà Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch tiếp thu và định nghĩa như sau trong phúc trình mang tựa “Tương lai của chúng ta” (Notre avenir à tous/Our Common Future): “*Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các yêu cầu hiện tại nhưng không tổn hại cho khả năng của các thế hệ tương lai để đáp ứng yêu cầu của chính họ*”. [69]

Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, đan xen của 3 hệ thống tương tác là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ văn hoá xã hội. Theo quan điểm này, phát triển bền vững là sự tương tác qua lại và sự phụ thuộc lẫn nhau của 3 hệ thống nói trên. Như vậy, phát triển bền vững không cho phép con người vì sự ưu tiên phát triển của hệ này mà gây ra sự suy thoái, tàn phá đối với hệ khác.

Khái niệm phát triển bền vững có một nội dung bao quát, không có phạm vi nhất định, không bị gò bó bởi những chuẩn mực hoặc quy tắc đã định trước và cũng không có tính cụ thể rõ rệt. Phát triển bền vững là một khái niệm co giãn, dễ áp dụng vào điều kiện thực tế và hoàn cảnh xung quanh. Nói chung, phát triển bền vững là một hướng đi dung hòa chủ trương “không tăng trưởng” (*croissance zéro*) và chính sách “phát triển tôn trọng môi sinh” (*éco-développement*).



Hình 1.1: Quan niệm về phát triển bền vững

Như vậy, có thể hiểu phát triển bền vững là sự phát triển của cá nhân này không ảnh hưởng đến sự phát triển của cá nhân khác, cộng đồng này không ảnh hưởng đến cộng đồng khác, quốc gia này không ảnh hưởng đến quốc gia khác và sự phát triển của thế giới hôm nay không làm ảnh hưởng đến lợi ích của thế hệ mai sau.

Nội hàm về phát triển bền vững được tái khẳng định ở Rio - 92 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Johannesburg - 1991: “*Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển. Đó là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*”[57]. Ngoài ba mặt chủ yếu này, có nhiều người còn đề cập tới những khía cạnh khác của phát triển bền vững như chính trị, văn hóa, tinh thần, dân tộc... và đòi hỏi phải tính toán và cân đối chúng trong hoạch định các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế-xã hội cho từng quốc gia, từng địa phương cụ thể.

Một chính sách phát triển bền vững thể hiện tính bền vững về các mặt xã hội, kinh tế, môi trường và chính trị: về mặt xã hội, bền vững có nghĩa xã hội công bằng, cuộc sống an bình. Sự phát triển bền vững cần đề phòng tai biến, không để có người

sống ngoài lề xã hội hoặc bị xã hội ruồng bỏ. Xã hội một nước không thể phát triển bền vững nếu có một tầng lớp xã hội đứng ngoài công cuộc xây dựng và mở mang quốc gia. Thế giới sẽ không có phát triển bền vững về mặt xã hội nếu cuộc sống hoặc tính mạng của một phần nhân loại bị đe dọa vì bệnh tật, đói nghèo, thiên tai, v.v... phát triển bền vững về mặt xã hội còn có nghĩa con người có môi trường sống hài hòa, công bằng và có an sinh; về mặt kinh tế, cần phải phân biệt phát triển với tăng trưởng. Tăng trưởng chú trọng tới vật chất và số lượng, tích lũy và bành trướng trong khi phát triển quan tâm tới tiềm năng, phẩm chất, phục vụ con người một cách toàn diện về vật chất lẫn tinh thần. Phát triển bền vững về mặt kinh tế tỷ lệ nghịch với gia tăng sản xuất không giới hạn, chinh phục thị trường bằng mọi cách, thương mại hóa bất cứ hàng hóa hoặc dịch vụ nào, tìm lợi nhuận tối đa trong mọi hoàn cảnh.

Phát triển bền vững kinh tế đòi hỏi phải cân nhắc ảnh hưởng hiện tại hay tương lai của hoạt động và tăng trưởng sản xuất lên chất lượng cuộc sống, cứu xét xem có gì bị hư hại, bị phí phạm; phát triển bền vững về phương diện môi trường có nghĩa phải bảo vệ khả năng tái sinh của hệ sinh thái, nhịp độ gia tăng sử dụng tài nguyên có khả năng tái sinh phải thấp hơn tốc độ tái sinh, việc sử dụng tài nguyên không có khả năng tái sinh phải tùy thuộc khả năng sáng chế tư liệu thay thế. Sau cùng, mức độ ô nhiễm phải thấp hơn khả năng tái tạo của môi trường, môi sinh. Yêu cầu bền vững về môi trường-môi sinh buộc phải giới hạn sự tăng trưởng kinh tế.

Cần phải thừa nhận rằng kinh tế chỉ là một bộ phận của hệ sinh thái và phát triển kinh tế phải bảo vệ môi trường-môi sinh; về phương diện chính trị, phát triển bền vững có nghĩa hết hợp và dung hòa các vấn đề xã hội, kinh tế và môi trường để hệ thống tổ chức và sinh hoạt chính trị không có căng thẳng, xáo trộn, có thể đi tới rối loạn hoặc đổ vỡ. Các định chế chính trị cần phải tôn trọng và bảo vệ công bằng, khuyến khích các đối tượng thụ hưởng đối thoại và tham gia trong tinh thần phù hợp với các nguyên tắc dân chủ tự do. Tính quan liêu và bòn giầy phải được xóa bỏ vì nó trói buộc con người, đè nén xã hội, cản trở mọi sự đổi thay, tiến bộ. Tôn trọng đạo lý cũng là một yêu cầu rất cần, gần như một bắt buộc.

Tóm lại, có 3 phạm trù cần được phát triển là: con người, nền kinh tế và xã hội. Mặc dù định nghĩa về phát triển bền vững hiện vẫn chưa được rõ ràng nhưng đã có rất nhiều hoạt động và nghiên cứu nhằm xây dựng nên các tiêu chí định lượng cho phát triển bền vững.

1.1.2. Phát triển du lịch bền vững

Trên thực tế, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững đều liên quan đến môi trường. Trong lĩnh vực du lịch, môi trường là môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hoá, chính trị và xã hội; là yếu tố rất quan trọng để tạo nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo. Rõ ràng, nếu không có bảo vệ môi trường thì sự phát triển sẽ suy giảm; nhưng nếu không có phát triển thì việc bảo vệ môi trường sẽ thất bại. Chính vì vậy, chúng ta cần phát triển nhưng không được làm tổn hại đến tài nguyên, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Hay nói cách khác, du lịch bền vững phải là xu thế phát triển của ngành du lịch.

Ngoài sự phát triển thân thiện với môi trường, định nghĩa bền vững còn bao hàm cách tiếp cận du lịch thừa nhận vai trò của cộng đồng địa phương, phương thức đối xử với lao động và mong muốn tối đa hoá lợi ích kinh tế du lịch cho cộng đồng địa phương. Nói cách khác, du lịch bền vững không chỉ có bảo vệ môi trường, mà còn quan tâm tới khả năng duy trì kinh tế dài hạn và công bằng xã hội. Du lịch bền vững không thể tách rời phát triển bền vững.

Hiện nay, trên thế giới vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau về phát triển du lịch bền vững. Khái niệm du lịch bền vững được một số học giả đưa ra như: Machado, 2003 [60] đã định nghĩa du lịch bền vững là: “*Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch, và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương*”. Định nghĩa này tập trung vào tính bền vững của các hình thức du lịch (sản phẩm du lịch) chứ chưa đề cập một cách tổng quát tính bền vững cho toàn ngành du lịch. Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), 1996 thì “*Du lịch bền*

vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai”. Đây là một định nghĩa ngắn gọn dựa trên định nghĩa về sự phát triển bền vững của tổ chức UNWTO. Tuy nhiên, định nghĩa này còn quá chung chung, chỉ đề cập đến sự đáp ứng nhu cầu của du khách hiện tại và tương lai chứ chưa nói đến nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương, đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học... Còn theo Hens L., 1998 [56], thì “*Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hoá, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ đảm bảo sự sống*”. Định nghĩa này mới chỉ chú trọng đến công tác quản lý tài nguyên du lịch để cho du lịch được phát triển bền vững.

Nhiều nghiên cứu tác động của du lịch và so sánh các yếu tố được coi là bền vững với các yếu tố được coi là không bền vững đã chỉ ra tác động của du lịch trên cả ba lĩnh vực kinh tế, môi trường, xã hội và đã đưa ra so sánh các yếu tố được coi là không bền vững và các yếu tố được coi là bền vững trong phát triển du lịch.

Theo tác giả Machado (2003) thì du lịch bền vững khác với du lịch không bền vững ở khái niệm chung, chiến lược phát triển, nguồn lực và khách du lịch. Trong đó, đáng lưu ý là du lịch bền vững không chú trọng vào thu hút số lượng khách đến mà căn cứ vào thu hút theo sức chứa của điểm du lịch để đảm bảo phát triển bền vững (xem bảng 1.1).

Từ các yếu tố của bảng trên, có thể thấy rằng, để quản lý phát triển du lịch bền vững, các địa phương cần quan tâm đến các nội dung sau:

- Phát triển du lịch có kiểm soát; chính quyền địa phương phải trực tiếp kiểm soát được các hoạt động du lịch;
- Quy hoạch trước, triển khai sau; quy mô phát triển du lịch phải phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương;
- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng được các yêu cầu của phát triển du lịch bền vững.

Bảng 1.1: Du lịch bền vững và du lịch không bền vững

	Du lịch kém bền vững hơn	Du lịch bền vững hơn
Khái niệm chung:	Phát triển nhanh	Phát triển chậm
	Phát triển không kiểm soát	Phát triển có kiểm soát
	Quy mô không phù hợp	Quy mô phù hợp
	Mục tiêu ngắn hạn	Mục tiêu dài hạn
	Phương pháp tiếp cận theo số lượng	Phương pháp tiếp cận theo chất lượng
	Tìm kiếm sự tối đa	Tìm kiếm sự cân bằng
	Kiểm soát từ xa	Địa phương kiểm soát
Chiến lược phát triển:	Không lập kế hoạch, triển khai tùy tiện	Quy hoạch trước, triển khai sau
	Kế hoạch theo dự án	Kế hoạch theo quan điểm
	Phương pháp tiếp cận theo lĩnh vực	Phương pháp tiếp cận theo chính luận
	Tập trung vào các trọng điểm	Quan tâm tới cả vùng
	Áp lực và lợi ích tập trung	Phân tán áp lực và lợi ích
	Thời vụ và mùa cao điểm	Quanh năm và cân bằng
	Các nhà thầu bên ngoài	Các nhà thầu địa phương
	Nhân công bên ngoài	Nhân công địa phương
	Kiến trúc theo thị hiếu của khách du lịch	Kiến trúc bản địa
	Xúc tiến marketing tràn lan	Xúc tiến marketing có tập trung theo đối tượng
Nguồn lực:	Sử dụng tài nguyên nước, năng lượng lãng phí	Sử dụng vừa phải tài nguyên nước, năng lượng
	Không tái sinh	Tăng cường tái sinh
	Không chú ý tới lãng phí sản xuất	Giảm thiểu lãng phí
	Thực phẩm nhập khẩu	Thực phẩm sản xuất tại địa phương
	Tiền bất hợp pháp, không khai báo rõ ràng	Tiền hợp pháp
	Nguồn nhân lực chất lượng kém	Nguồn nhân lực chất lượng cao

Khách du lịch:	Số lượng nhiều	Số lượng ít
	Không có nhận thức cụ thể	Có thông tin cần thiết bất kỳ lúc nào
	Không học tiếng địa phương	Học tiếng địa phương
	Bị động và bị thuyết phục, bảo thủ	Chủ động và có nhu cầu
	Không ý tứ và kỹ lưỡng	Thông cảm và lịch thiệp
	Tìm kiếm du lịch tình dục	Không tham gia vào du lịch tình dục
	Lặng lẽ, kỳ quặc	Lặng lẽ, riêng biệt
	Không trở lại tham quan	Trở lại tham quan

Nguồn: Machado (2003)

Tại Hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa: “*Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống con người*” [54]. Định nghĩa này hơi dài nhưng hàm chứa đầy đủ các nội dung, các hoạt động, các yếu tố liên quan đến du lịch bền vững. Định nghĩa này cũng đã chú trọng đến cộng đồng dân cư địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, gìn giữ bản sắc văn hoá.

Theo Hội đồng khoa học, Tổng Cục Du lịch, 2005 [49], 12 mục tiêu trong chương trình của du lịch bền vững bao gồm (không xếp theo thứ tự ưu tiên mà tất cả các mục tiêu đều quan trọng như nhau, trong đó có nhiều mục tiêu chứa đựng sự kết hợp các yếu tố và ảnh hưởng của môi trường, kinh tế và xã hội):

1. *Hiệu quả kinh tế*: Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh để các doanh nghiệp và các điểm du lịch có khả năng tiếp tục phát triển phồn thịnh và đạt lợi nhuận lâu dài.

2. *Sự phồn thịnh cho địa phương*: Tăng tối đa đóng góp của du khách đối với sự phát triển thịnh vượng của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch, khu du lịch, bao gồm phần tiêu dùng của khách du lịch được giữ lại tại địa phương.

3. *Chất lượng việc làm*: Tăng cường số lượng và chất lượng việc làm tại địa phương do ngành du lịch tạo ra và được ngành du lịch hỗ trợ, không có sự phân biệt đối xử về giới và các mặt khác.

4. *Công bằng xã hội*: Cần có sự phân phối lại lợi ích kinh tế và xã hội thu được từ hoạt động du lịch một cách công bằng và rộng rãi cho tất cả những người trong cộng đồng đáng được hưởng.

5. *Sự thoả mãn của khách du lịch*: Cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng thoả mãn đầy đủ yêu cầu của du khách, không phân biệt đối xử về giới, chủng tộc, thu nhập cũng như các mặt khác.

6. *Khả năng kiểm soát của địa phương*: Thu hút và trao quyền cho cộng đồng địa phương xây dựng kế hoạch và đề ra các quyết định về quản lý và phát triển du lịch, có sự tham khảo tư vấn của các bên liên quan.

7. *An sinh cộng đồng*: Duy trì và tăng cường chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, bao gồm cơ cấu tổ chức xã hội và cách tiếp cận các nguồn tài nguyên, hệ thống hỗ trợ đời sống, tránh làm suy thoái và khai thác quá mức môi trường cũng như xã hội dưới mọi hình thức.

8. *Đa dạng văn hoá*: Tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống và những bản sắc đặc biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch

9. *Thống nhất về tự nhiên*: Duy trì và nâng cao chất lượng của cảnh vật, kể cả ở nông thôn cũng như thành thị, tránh để môi trường xuống cấp.

10. *Đa dạng sinh học*: Hỗ trợ cho việc bảo tồn khu vực tự nhiên, môi trường sống, sinh vật hoang dã và giảm thiểu thiệt hại đối với các yếu tố này.

11. *Hiệu quả của các nguồn lực*: Giảm thiểu mức sử dụng những nguồn tài nguyên quý hiếm và không thể tái tạo được trong việc phát triển và triển khai các cơ sở, phương tiện và dịch vụ du lịch.

12. Môi trường trong lành: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước, đất và rác thải từ du khách và các hãng du lịch.

Vai trò của phát triển du lịch bền vững

Du lịch đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp chúng ta đạt các Mục Tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals) mà Liên Hợp Quốc đã đề ra từ năm 2000, đặc biệt là các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới tính, bền vững môi trường và liên doanh quốc tế để phát triển. Chính vì vậy mà du lịch bền vững là một phần quan trọng của phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và của Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Phát triển du lịch bền vững là một chủ đề được thảo luận rất nhiều ở các hội nghị và diễn đàn lớn, nhỏ trên toàn thế giới. Mục đích chính của phát triển bền vững là đề 3 trụ cột của du lịch bền vững - Môi trường, Văn hóa xã hội và Kinh tế - được phát triển một cách đồng đều và hài hòa.

Những lí do đi sâu vào chi tiết để giải thích tại sao lại cần phát triển du lịch bền vững thì có nhiều, nhưng có thể thấy rất rõ ở 3 yếu tố từ định nghĩa trên:

Thứ nhất: Phát triển du lịch bền vững giúp bảo vệ môi trường sống. Vì bảo vệ môi trường sống không chỉ đơn giản là bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm sống trong môi trường đó, mà nhờ có việc bảo vệ môi trường sống mà con người được hưởng lợi từ đó: không bị nhiễm độc nguồn nước, không khí và đất; đảm bảo sự hài hòa về môi trường sinh sống cho các loài động thực vật trong vùng cũng là giúp cho môi trường sống của con người được đảm bảo.

Thứ hai: Phát triển du lịch bền vững còn giúp phát triển kinh tế. Ví dụ, từ việc khai thác các đặc sản văn hóa của vùng, người dân trong vùng có thể nâng cao đời sống nhờ khách du lịch đến thăm quan, sử dụng những dịch vụ du lịch và sản phẩm đặc trưng của vùng miền, của vùng. Phát triển du lịch bền vững cũng giúp người làm du lịch, cơ quan địa phương, chính quyền và người tổ chức du lịch được hưởng lợi, và người dân địa phương có thêm công ăn việc làm.

Thứ ba: Phát triển du lịch bền vững còn đảm bảo các vấn đề về xã hội, như việc giảm bớt các tệ nạn xã hội bằng việc tạo công ăn việc làm cho người dân trong vùng. Ở một cái nhìn sâu và xa hơn, du lịch bền vững giúp khai thác nguồn tài nguyên một cách có ý thức và khoa học, đảm bảo cho các nguồn tài nguyên này sinh sôi và phát triển để thế hệ sau, thế hệ tương lai có thể được tiếp nối và tận dụng.

Với ba lí do được đề cập đến ở trên, có thể thấy rõ vai trò và tầm quan trọng của phát triển du lịch bền vững trong chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Phát triển du lịch bền vững để có thể đạt được 3 yếu tố đó đòi hỏi rất nhiều công sức và sự làm việc nghiêm chỉnh trong lúc thực hiện, đặc biệt đối với một nước nền kinh tế còn nghèo và còn nhiều phụ thuộc như Việt Nam, cùng với việc phát triển dân số, hệ thống luật lệ chòng chéo, và hệ thống hành chính còn nhiều yếu kém.

1.1.3. Đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch

Để đánh giá mức độ bền vững du lịch, chúng ta thường dùng các chỉ tiêu đơn giản và bộ chỉ tiêu đơn. Tổ chức du lịch thế giới UNWTO xây dựng hai bộ chỉ tiêu đơn là: chỉ tiêu chung cho ngành du lịch bền vững và chỉ tiêu đặc thù cho điểm du để đánh giá.

Theo đó, các chỉ tiêu chung bao gồm: (1) Bảo vệ điểm du lịch; (2) Áp lực của du lịch; (3) Cường độ sử dụng; (4) Tác động xã hội; (5) Mức độ kiểm soát; (6) Quản lý chất thải; (7) Quá trình lập quy hoạch; (8) Các hệ sinh thái tới hạn; (9) Sự thỏa mãn của khách du lịch; (10) Sự thỏa mãn của địa phương (xem bảng 1.2)

Bảng 1.2: Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững

STT	Chỉ tiêu	Cách xác định
1	Bảo vệ điểm du lịch	Loại bảo vệ điểm du lịch theo tiêu chuẩn IUCN
2	Áp lực	Số du khách viếng thăm điểm du lịch (tính theo năm, tháng cao điểm)
3	Cường độ sử dụng	Cường độ sử dụng – thời kỳ cao điểm (người/ha)
4	Tác động xã hội	Tỷ số Du khách/Dân địa phương (thời kỳ cao điểm)
5	Mức độ kiểm soát	Các thủ tục đánh giá môi trường hoặc sự kiểm soát hiện có đối với sự phát triển của điểm du lịch và mật độ sử dụng
6	Quản lý chất thải	Phần trăm đường cống thoát tại điểm du lịch có xử lý (chỉ số phụ có thể là giới hạn kết cấu của năng lực cơ sở hạ tầng của điểm du lịch, ví dụ như cấp nước, bãi rác)
7	Quá trình lập quy hoạch	Có các kế hoạch nhằm phục vụ cho điểm du lịch (kể cả các yếu tố du lịch)
8	Các hệ sinh thái tới hạn	Số lượng các loài hiếm đang bị đe dọa
9	Sự thỏa mãn của du khách	Mức độ thỏa mãn của khách du lịch (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)
10	Sự thỏa mãn của địa phương	Mức độ thỏa mãn của địa phương (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)

Nguồn: Manning (1996)

Ngoài các chỉ tiêu chung cho ngành du lịch, để đánh giá tính bền vững của điểm du lịch cụ thể thì UNWTO đã đưa ra một số chỉ tiêu đặc thù bao gồm: (1) Các vùng bờ biển; (2) Các vùng núi; (3) Các điểm văn hóa (các cộng đồng truyền thống); (4) Đảo nhỏ (xem bảng 1.3)

Bảng 1.3: Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch

STT	Hệ sinh thái	Các chỉ tiêu đặc thù
1	Các vùng bờ biển	Độ suy thoái (% bãi biển suy thoái, bị xói mòn) Cường độ sử dụng (số người/1m bãi biển) Hệ động vật bờ biển/động vật dưới biển (số loài chủ yếu nhìn thấy) Chất lượng nước (rác, phân và lượng kim loại nặng)
2	Các vùng núi	Độ xói mòn (% diện tích bề mặt bị xói mòn) Đa dạng sinh học (số lượng các loài chủ yếu) Lối vào các điểm chủ yếu (số giờ chờ đợi)
3	Các điểm văn hóa (các cộng đồng truyền thống)	Áp lực xã hội tiềm tàng (tỷ số thu nhập bình quân từ du lịch/số dân địa phương) Tính mùa vụ (% số cửa hàng mở cửa quanh năm/tổng số cửa hàng) Xung đột (số vụ việc có báo cáo giữa dân địa phương và du khách)
4	Đảo nhỏ	Lượng tiền tệ rò rỉ (% thu lỗ từ thu nhập trong ngành du lịch) Quyền sở hữu (% quyền sở hữu nước ngoài hoặc không thuộc địa phương đối với các cơ sở du lịch) Khả năng cấp nước (chi phí, khả năng cung ứng) Các thước đo cường độ sử dụng (ở quy mô toàn đảo cũng như đối với các điểm chịu tác động)

Nguồn: Manning (1996)

Tuy vậy, các chỉ tiêu này cũng chưa thực sự chính xác. Vì vậy, để đánh giá tính bền vững của điểm du lịch chúng ta thường sử dụng thêm hệ thống chỉ tiêu về môi trường. Trên thực tế du lịch bền vững còn được xem xét bởi mối quan hệ mới - du lịch bền vững - được thiết lập khi thỏa mãn yêu cầu sau:

- Nhu cầu của du khách: được đáp ứng cao.
- Phân hệ sinh thái tự nhiên: không suy thoái.
- Phân hệ xã hội - nhân văn: giữ được bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương trên cơ sở tăng cường văn minh do mở rộng giao lưu với các du khách, các nền văn hóa khác.

Bảng 1.4: Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch

STT	Chỉ tiêu	Các xác định
1	Bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ % số khách trở lại/tổng số khách - Số ngày lưu trú bình quân/đầu du khách - Tỷ lệ % các rủi ro về sức khỏe (bệnh tật, tai nạn) do du lịch/tổng số khách
2	Bộ chỉ tiêu về đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - % chất thải chưa được thu gom và xử lý - Lượng điện tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) - Lượng nước tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) - % diện tích cảnh quan bị xuống cấp do xây dựng/tổng diện tích sử dụng do du lịch - % số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến trúc bản địa (hoặc cảnh quan)/tổng số công trình - Mức độ tiêu thụ các sản phẩm động, thực vật quý hiếm (phổ biến-hiếm hoi-không có) - % khả năng vận tải sạch/khả năng vận tải cơ giới (tính theo trọng tải)
3	Bộ tiêu chí đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - % vốn đầu tư từ du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương so với tổng giá trị đầu tư từ các nguồn khác - % số chỗ làm việc trong ngành du lịch dành cho người địa phương so với tổng số lao động địa phương - % giá trị chi phí vật liệu xây dựng địa phương/tổng chi phí vật liệu xây dựng - % giá trị hàng hóa địa phương/tổng giá trị hàng hóa tiêu dùng cho du lịch
4	Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội - nhân văn	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số Doxey - Sự xuất hiện các bệnh/dịch liên quan tới du lịch - Tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch - Hiện trạng các di tích lịch sử văn hóa địa phương - Số người ăn xin/tổng số dân địa phương - Tỷ lệ % mất giá đồng tiền vào mùa cao điểm du lịch - Độ thương mại hóa của các sinh hoạt văn hóa truyền thống (lễ hội, ma chay, cưới xin, phong tục, tập quán...) xác định thông qua trao đổi với các chuyên gia

Nguồn : UNWTO (2004)

1.1.4. Các bên tham gia trong phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững là phát triển đồng thời về kinh tế, xã hội và môi trường. Để đạt được mục tiêu này thì vai trò của các chủ thể liên quan tác động đến phát triển du lịch bền vững là quan trọng, quyết định đến hiệu quả của quá trình phát triển. Các chủ thể tác động cụ thể, trực tiếp đến phát triển du lịch bền vững gồm:

Cơ quan quản lý Nhà nước: Có chức năng quy hoạch ngành du lịch để từ đó có sự đầu tư theo lộ trình, đảm bảo đầu tư hiệu quả, phân bổ nguồn lực hợp lý cho từng giai đoạn, lựa chọn phát triển đúng hướng các dự án đầu tư. Chú trọng đến công tác bảo tồn, duy tu các công trình văn hóa; ban hành các quy định, cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào hoạt động phát triển du lịch; cần có chính sách ưu tiên đối với những dự án đầu tư du lịch có các giải pháp khả thi nhằm giảm thiểu của tác động du lịch đến môi trường; tạo cơ sở hạ tầng đô thị, giao thông, thông tin và dịch vụ tài chính thuận lợi, hiện đại đáp ứng ngày càng cao cho du khách, đây cũng là điều kiện hỗ trợ rất cần thiết cho thu hút đầu tư phát triển du lịch; xã hội hóa trong việc tạo sản phẩm du lịch nhằm mang lại chất lượng, giá cả đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo sản phẩm du lịch độc đáo để tăng lợi thế cạnh tranh trong du lịch; tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền.

Đối với hoạt động marketing trong du lịch, cần có trách nhiệm cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ để nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch. Có thể nói marketing trong du lịch giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái; cần triển khai những nghiên cứu nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề mang lại lợi ích cho khu du lịch, cho nhà kinh doanh du lịch và cho du khách; trong quá trình hoạt động, các khu du lịch cũng cần có những nghiên cứu đánh giá các tác động đến môi trường của hoạt động du lịch và đưa ra những giải pháp để cải thiện nó.

Chính quyền địa phương đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch, đóng vai như người thuyền trưởng. Do vậy, đội ngũ cán bộ, công chức cần được nâng cao, đào tạo bồi dưỡng cả về nghiệp vụ, về nhận thức chính trị, phát triển

theo chiều sâu, xây dựng đội ngũ đáp ứng tình hình thực tiễn đặc biệt trong thời kỳ hội nhập; để có thể khai thác hoạt động du lịch lâu dài, cần có những chính sách đào tạo nguồn nhân lực, cán bộ trong ngành du lịch, nhằm thực thi các sáng kiến và giải pháp phát triển du lịch, cải thiện chất lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch; nhiệm vụ rất quan trọng là đảm bảo công tác an ninh, trật tự tại khu du lịch cũng như trên địa bàn, tạo sự an toàn cho du khách; thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển và kinh doanh du lịch; không quá chạy theo về đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho du lịch mà không tính đến yếu tố bảo vệ môi trường, xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể về tác động môi trường cho từng loại hình kinh doanh du lịch để có quyết định cuối cùng hiệu quả; song song với những chính sách nhằm khuyến khích hoạt động du lịch bền vững phát triển, cần có những chế tài xử lý đối với những tổ chức du lịch thiếu trách nhiệm, làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên.

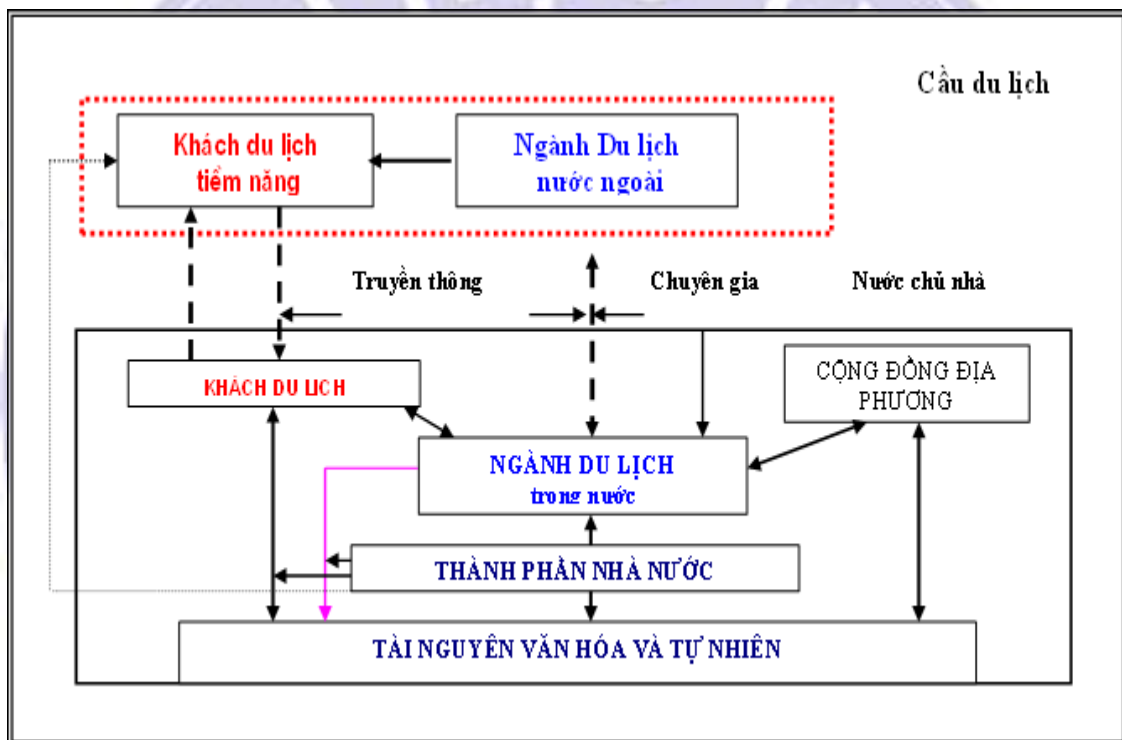
Doanh nghiệp kinh doanh du lịch: Tích cực tham gia vào hoạt động du lịch bền vững theo chủ trương của chính quyền địa phương; thực hiện kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường sự đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn theo tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bảo vệ môi trường; hình thành quỹ phát triển du lịch từ sự đóng góp của các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành du lịch để tạo kinh phí hỗ trợ cho chính quyền địa phương duy tu, bảo dưỡng các địa điểm, di tích văn hóa, hỗ trợ kinh phí cho chính quyền địa phương trong việc tổ chức các sự kiện lớn, độc đáo; phân tích tài chính, hiệu quả kinh doanh hợp lý để thực hiện không tăng giá trong mùa du lịch; cùng với cộng đồng địa phương chia sẻ lợi tức từ hoạt động du lịch mang lại, giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập người lao động góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội với chính quyền địa phương; đối với đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, phải trang bị đầy đủ tiêu chuẩn cần có của người làm du lịch về đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp và đặc biệt là trang bị kiến thức hiểu biết toàn diện cả về lịch sử, văn hóa, về ngoại ngữ, giữ vai trò như một PR (Public Relation) về du lịch.

Cộng đồng dân cư: Du lịch không chỉ có những tác động kinh tế mà còn tác động đến cuộc sống, truyền thống và văn hóa cũng như sinh kế của cộng đồng dân

cư. Không giống như những người tham gia khác trong ngành du lịch, cộng đồng địa phương sẽ phải giải quyết với vấn đề du lịch cho dù họ có được chọn tham gia hay không. Các thành viên cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng vừa trực tiếp và gián tiếp tác động đến phát triển du lịch. Họ có thể cho thuê đất để kinh doanh, cung cấp những dịch vụ cho công ty lữ hành như cơ sở lưu trú, hướng dẫn viên, thức ăn. Cho dù họ không tham gia trực tiếp vào ngành du lịch, nhưng họ cũng đóng vai trò gián tiếp tác động đến sự thành công của bất cứ doanh nghiệp du lịch nào. Sự giao lưu không chính thức của cộng đồng địa phương với du khách có vai trò quan trọng trong việc mở rộng thêm những trải nghiệm của du khách, cảm thấy an toàn, hiếu khách và tiện nghi. Du lịch tác động rất lớn đến cuộc sống của cộng đồng địa phương về việc làm, thu nhập, văn hóa bản địa. Trong quá trình hoạch định về phát triển du lịch cần tạo sự tham gia của cộng đồng địa phương. Họ đóng vai trò chính trong việc bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm tính bền vững về sử dụng nguồn lực phục vụ cho hoạt động du lịch. Sự xáo trộn, mâu thuẫn giữa người dân địa phương với du khách dễ xuất hiện nếu họ đứng ngoài cuộc, làm giảm sự an toàn cho du khách; cần phải thiết lập, duy trì mối quan hệ cộng đồng dân cư trong quá trình triển khai hoạt động du lịch để xác định rõ mục đích và lợi ích cho họ từ hoạt động du lịch mang lại; đảm bảo cung cấp thông tin cho cộng đồng địa phương để họ có thể tham gia xuyên suốt trong bất kỳ hoạt động du lịch nào tạo sự bền vững, lâu dài không chỉ về dịch vụ du lịch, môi trường, công tác bảo tồn mà còn là sự hài lòng đối với du khách.

Du khách: là người tham gia trong việc đưa du lịch bền vững vào thực tiễn. Việc thu hút du khách đến du lịch thường bao gồm hai yếu tố: giới thiệu cho du khách về sự tồn tại của khu bảo tồn, các địa danh văn hóa và những điểm nổi bật thu hút du khách được thể hiện thông qua quyển sách hướng dẫn du lịch cho du khách là hữu ích, giúp du khách có thể du lịch tự do không phải tham gia theo tour, nâng cao nhận thức cho du khách về các vấn đề quan trọng mà ngành du lịch đang đối mặt và giúp cho họ thay đổi nhu cầu; khuyến khích du khách tham gia bảo trợ cho du lịch bền vững hơn là du lịch đại chúng, họ sẵn sàng trả thêm phí để hưởng lợi từ

du lịch bền vững mang lại hơn là tham gia hoạt động du lịch khác không thân thiện với môi trường, cần có sự phân tích hợp lý đảm bảo sự hài hòa giữa phí họ phải nộp với dịch vụ mà họ được hưởng vì ai cũng bị giới hạn về mặt tài chính và họ sẽ không trở lại nếu mức phí quá cao. Họ cần cung cấp thông tin về môi trường xung quanh, văn hóa địa phương và di sản văn hóa, đồng thời giải thích cho khách hàng về những hành vi thích hợp khi tham quan các khu vực tự nhiên, các nền văn hóa và các địa điểm di sản văn hóa và cần có những tiêu chí nhằm đánh giá sự hài lòng của du khách để có những biện pháp điều chỉnh phù hợp.



Hình 1.2: Các bên liên quan tham gia vào hoạt động du lịch

Du lịch là hệ thống khá phức tạp giống như các hệ thống thị trường điển hình khác trong xã hội hiện đại. Theo sơ đồ này, các chủ thể tham gia có vai trò khác nhau với phát triển du lịch bền vững gồm: (1) Khách du lịch là những người trực tiếp hưởng thụ các sản phẩm du lịch tại các điểm hấp dẫn du lịch, đồng thời cũng là những người có nguy cơ cao gây ra sự phát triển không bền vững; (2) Ngành du lịch bao gồm các doanh nghiệp, thương nhân tham gia kinh doanh các dịch vụ du lịch. Nhóm này cũng có vai trò rất lớn trong phát triển du lịch bền vững ở các điểm đến

mà họ khai thác kinh doanh du lịch; (3) Cộng đồng địa phương: Nhóm này tham gia hệ thống du lịch dưới nhiều hình thức như: cung cấp nhận lực và/hoặc vốn, hỗ trợ vào việc làm tăng tính hấp dẫn của điểm đến và trong một số trường hợp, họ chính là điểm hấp dẫn. Cộng đồng địa phương còn trực tiếp tiếp nhận những tác động về kinh tế, xã hội cả tích cực và tiêu cực do vậy, họ có thể ủng hộ hoặc phản đối, thậm chí cản trở phát triển du lịch tại địa phương. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quy hoạch và quản lý du lịch nói chung không cao. Tuy nhiên, muốn phát triển du lịch bền vững phải thừa nhận vai trò ngày càng tăng cường của họ trong tham gia quá trình xây dựng chính sách phát triển du lịch của địa phương; (4) Tổ chức truyền thông: Có vai trò quan trọng tác động tới hành vi tiêu dùng và cung ứng dịch vụ du lịch, đồng thời là cấu thành thiết yếu trong tính năng động của hệ thống du lịch. Truyền thông có vai trò rất lớn trong tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách liên quan đến phát triển bền vững. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp bởi do truyền thông của quảng cáo lại làm méo mó quan hệ cung cầu của thị trường và thông tin tại điểm đến du lịch; (5) Các chuyên gia, có thể là các yếu tố thường xuyên hoặc không thường xuyên tham gia vào hệ thống du lịch, họ có vai trò trong giúp các chính quyền địa phương tư vấn, hoạch định phát triển du lịch bền vững; (6) Thành phần nhà nước tham gia vào hệ thống du lịch có vai trò trong quản lý, quy hoạch và xúc tiến du lịch. Vai trò này rất khác nhau ở các quốc gia khác nhau, các chủ thể tham gia vào hệ thống có những lợi ích khác nhau, do vậy trong hệ thống được tổ chức với những chủ thể có vai trò chính so với các chủ thể khác và có xu hướng liên kết mạnh mẽ vì lợi ích giữa các thành phần tham gia hệ thống, nhất là các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia kinh doanh du lịch làm giảm vai trò của nhà nước và có nguy cơ cao dẫn đến phát triển du lịch kém bền vững

1.2.1.

1.2.1. Đặc điểm của quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

Hoạt động du lịch rất đa dạng và luôn đòi hỏi sự quản lý của nhà nước để duy trì và phát triển. Việc thành công hay thất bại của ngành du lịch phụ thuộc vào

khuôn khổ pháp lý và những chính sách thích hợp với điều kiện và trình độ phát triển của đất nước. Do vậy, vấn đề quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch là một vấn đề cần thiết được đặt lên hàng đầu.

Quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững tạo ra sự thống nhất trong tổ chức và phối hợp các hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động du lịch. Đồng thời, chỉ có sự quản lý thống nhất của nhà nước đối với phát triển du lịch mới giúp việc khai thác các thế mạnh của từng vùng, từng địa phương đạt kết quả và phát huy lợi thế so sánh của quốc gia trong phát triển du lịch quốc tế.

Du lịch còn là một ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác. Do vậy, cần thiết phải có sự quản lý của nhà nước để điều hòa mối quan hệ giữa du lịch với các ngành, các lĩnh vực có liên quan.

Một là, Nhà nước là người tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch diễn ra trong nền kinh tế thị trường.

Xuất phát từ đặc trưng của nền kinh tế thị trường là tính phức tạp, năng động và nhạy cảm nên du lịch đòi hỏi phải có một chủ thể có tiềm lực về mọi mặt để đứng ra tổ chức và điều hành, chủ thể ấy không ai khác chính là Nhà nước - vừa là người quản lý, vừa là người tổ chức. Để hoàn thành sứ mệnh của mình, Nhà nước phải đề ra pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,... và sử dụng các công cụ này để tổ chức và quản lý phát triển du lịch bền vững.

Hai là, hệ thống công cụ như pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... phát triển du lịch là cơ sở, là những công cụ để Nhà nước tổ chức và quản lý đối với phát triển du lịch bền vững.

Trong nền kinh tế thị trường, du lịch diễn ra hết sức phức tạp với sự đa dạng về chủ thể, về hình thức tổ chức và quy mô hoạt động... Dù phức tạp thế nào đi chăng nữa, quản lý của nhà nước cũng phải bảo đảm cho phát triển du lịch bền vững có tính tổ chức cao, ổn định, công bằng và có tính định hướng rõ rệt. Do đó, Nhà nước đã ban hành pháp luật, đề ra các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch... và dùng các công cụ này tác động vào lĩnh vực du lịch.

Ba là, quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững đòi hỏi phải có một bộ máy nhà nước mạnh, có hiệu quả và một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có trình độ, năng lực thật sự.

Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững phải tạo được những cân đối chung, điều tiết được thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho mọi sự phát triển du lịch bền vững. Để thực hiện tốt điều này thì tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước không thể khác hơn là phải được tổ chức thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả ở từng địa phương.

Bốn là, Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững còn xuất phát từ chính nhu cầu khách quan của sự gia tăng vai trò của chính sách, pháp luật... trong nền kinh tế thị trường với tư cách là công cụ quản lý.

Nền kinh tế thị trường với những quan hệ kinh tế rất đa dạng và năng động đòi hỏi có một sân chơi an toàn và bình đẳng. Đặc biệt, khi vấn đề toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập quốc tế là mục tiêu mà các quốc gia hướng tới. Trong bối cảnh đó, phải có một hệ thống chính sách, pháp luật hoàn chỉnh, phù hợp không chỉ với điều kiện ở trong nước mà còn với thông lệ và luật pháp quốc tế.

1.2.2. Vai trò của quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

1.2.2.1. Vai trò định hướng

Nhà nước thực hiện chức năng hoạch định để định hướng phát triển du lịch, bao gồm các nội dung cơ bản là hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch, phân tích và xây dựng các chính sách du lịch, quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển thị trường, xây dựng hệ thống pháp luật có liên quan tới du lịch. Xác lập các chương trình, dự án cụ thể hóa chiến lược, đặc biệt là các lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Thiết lập khuôn khổ pháp lý thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về du lịch, tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động du lịch.

Chức năng hoạch định giúp cho các doanh nghiệp du lịch có phương hướng hình thành phương án chiến lược, kế hoạch kinh doanh. Nó vừa giúp tạo lập môi

trường kinh doanh, vừa cho phép Nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh du lịch trên thị trường.

1.2.2.2. Vai trò tổ chức và phối hợp

Nhà nước bằng việc tạo lập các cơ quan và hệ thống tổ chức quản lý về du lịch, sử dụng bộ máy này để hoạch định các chiến lược, quy hoạch, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật,... đồng thời sử dụng sức mạnh của bộ máy tổ chức để thực hiện những vấn đề thuộc về quản lý nhà nước, nhằm đưa chính sách phù hợp về du lịch vào thực tiễn, biến quy hoạch, kế hoạch thành hiện thực, tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

Hình thành cơ chế phối hợp hữu hiệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch với các cấp trong hệ thống tổ chức quản lý du lịch của trung ương, tỉnh (thành phố), và quận (huyện, thị xã).

Trong lĩnh vực du lịch quốc tế, chức năng này được thể hiện ở sự phối hợp giữa các quốc gia có quan hệ song phương giữa trong cùng một khối kinh tế, thương mại du lịch trong nỗ lực nhằm đa dạng hóa đa phương thức quan hệ hợp tác quốc tế trong du lịch, đạt tới các mục tiêu và đảm bảo thực hiện các cam kết đã ký kết.

Tổ chức và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực du lịch, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động du lịch.

1.2.2.3. Vai trò điều tiết các hoạt động du lịch và can thiệp thị trường

Nhà nước là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể kinh doanh nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng, khuyến khích và đảm bảo bằng pháp luật cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền. Để thực hiện chức năng này, một mặt, Nhà nước hướng dẫn, kích thích các doanh nghiệp du lịch hoạt động theo định hướng đã vạch ra. Mặt khác, Nhà nước phải can thiệp, điều tiết thị trường khi cần thiết để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.

Nhà nước có thể sử dụng nhiều công cụ, biện pháp khác nhau để điều tiết hoạt động kinh doanh du lịch, xử lý đúng đắn mâu thuẫn của các quan hệ.

1.2.2.4. Vai trò giám sát

Nhà nước giám sát hoạt động của mọi chủ thể kinh doanh du lịch cũng như chế độ quản lý của các chủ thể đó (đăng ký kinh doanh, phương án sản phẩm, chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm, môi trường, cơ chế quản lý kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế...), cấp và thu hồi giấy phép đối với hoạt động kinh doanh du lịch.

Phát hiện những lệch lạc, nguy cơ chệch hướng hoặc vi phạm pháp luật và các quy định của Nhà nước, từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh thích hợp nhằm tăng cường hiệu quả của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch.

Nhà nước cũng phải kiểm tra, đánh giá hệ thống tổ chức quản lý du lịch của Nhà nước cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước về hoạt động du lịch.

Tổ chức và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực du lịch, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, việc bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động du lịch.

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

Theo luật Du Lịch (2005) quản lý Nhà nước (QLNN) về du lịch có 9 nội dung. [32] Cụ thể là: 1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch; 2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động du lịch; 3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch; 4. Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; 5. Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; 6. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài; 7. Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý nhà nước về du lịch; 8. Cấp, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động du lịch; 9. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch. Cũng theo mục 4 điều 11 của Luật Du lịch thì trách nhiệm QLNN về du lịch thì:

UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và theo sự phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương và có biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.

Những nội dung trên liên quan chặt chẽ với nhau. Trong đó, xây dựng chiến lược và chính sách giữ vai trò quyết định đến phát triển du lịch.

Để thúc đẩy du lịch phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo các mục tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường... quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững có các nội dung chủ yếu như sau:

1.2.3.1. Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của Nhà nước liên quan đến du lịch và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển du lịch mang tính đặc thù của địa phương.

Chính quyền địa phương phải tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về du lịch cho cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân trên địa bàn giúp họ nhận thức đúng đắn, từ đó có hành động đúng trong hoạt động thực tiễn; đảm bảo sự tuân thủ, thi hành chính sách, pháp luật về du lịch một cách nghiêm túc. Mặt khác, chính quyền địa phương phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật, tạo mọi điều kiện tốt nhất để hoạt động kinh doanh du lịch phát triển.

Bên cạnh đó, để phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh của địa phương, chính quyền địa phương phải tích cực cải thiện môi trường pháp lý, môi trường đầu tư và kinh doanh thông qua việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật chung của Nhà nước về phát triển du lịch phù hợp với điều kiện ở địa phương. Đồng thời, nghiên cứu và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền mang tính đặc thù ở địa phương như chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi tiền thuê đất, thời hạn thuê đất, chính sách ưu đãi tín dụng... nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tạo sự an tâm, tin tưởng cho các tổ chức, cá nhân (kể cả trong nước và ngoài nước) khi bỏ vốn đầu tư kinh doanh du lịch. Tuy

nhiên, việc ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương vừa phải bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, vừa phải thông thoáng trên cơ sở sử dụng nguồn lực của địa phương để khuyến khích phát triển, đồng thời cũng phải đảm bảo tính ổn định và bình đẳng, tính nghiêm minh trong quá trình thực thi. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần tiếp tục thực hiện cải cách hành chính ở địa phương theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả. Tiếp tục thực hiện mô hình một cửa trong đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh... thực hiện chuẩn hóa các thủ tục hành chính theo tinh thần triệt để tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch, thuận tiện.

Mặt khác, hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển du lịch. Vì vậy, chính quyền địa phương cần có chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch như mở đường giao thông, xây dựng hệ thống điện, cung cấp nước sạch, phát triển hệ thống thông tin liên lạc, hỗ trợ trong việc tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc, cảnh quan du lịch... Ngoài ra, chính quyền địa phương cần phải đảm bảo bình ổn giá cả tiêu dùng và thị trường du lịch, có chính sách điều tiết thu nhập hợp lý và hướng các doanh nghiệp du lịch tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở địa phương. Để thực hiện điều này, chính quyền địa phương phải sử dụng linh hoạt các công cụ quản lý để hạn chế tình trạng nâng giá, độc quyền trong hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương. Du lịch là khâu đột phá kích thích sự phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực và cũng là lĩnh vực tạo ra lợi nhuận cao, vì vậy phải có chính sách hợp lý để hướng các doanh nghiệp sử dụng nguồn lợi nhuận thu được tiếp tục đầu tư cho sự phát triển lâu dài và bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng du lịch sẵn có của địa phương, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa có tiềm năng phát triển du lịch để góp phần cải thiện cuộc sống vật chất và tinh thần cho người dân sở tại.

1.2.3.2. Xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch ở địa bàn để giúp các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch định hướng phát triển.

Xây dựng và công khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch là một trong những nội dung quản lý nhà nước có tính quyết định đối với sự phát triển du lịch trên địa bàn của chính quyền địa phương, giúp cho các cá nhân, tổ chức (nhà đầu tư) an tâm khi quyết định đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực du lịch.

Trong hoạt động kinh doanh du lịch, mục tiêu cuối cùng của các đơn vị kinh doanh là lợi nhuận. Do đó, nếu không được định hướng phát triển đúng sẽ gây ra lãng phí, kém hiệu quả do không phù hợp với nhu cầu thị trường và thực tế phát triển của địa phương, nhất là các hoạt động đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng các khu, điểm du lịch,... hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật như các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ... Vì thế, chính quyền địa phương phải hết sức quan tâm đến việc xây dựng và công khai kịp thời các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của địa phương. Các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển chung của cả nước, đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới gắn với tiến trình đẩy mạnh thực hiện CNH, HĐH đất nước. Có như vậy, mỗi đơn vị hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch mới có thể xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển riêng phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển chung của địa phương.

1.2.3.3. Tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong hoạt động du lịch; giữa địa phương và Trung ương trong quản lý nhà nước về du lịch.

Nâng cao tính liên kết là một điều kiện tất yếu để phát triển bền vững ngành du lịch trong giai đoạn hội nhập quốc tế, bao gồm tính liên ngành, liên vùng, liên quốc gia. Sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các doanh nghiệp du lịch, liên kết giữa các doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước cũng sẽ tạo nên một môi trường, cơ chế kinh doanh thuận lợi, công bằng. Để đạt được điều này, một mặt, các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương phải thống nhất và luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhau trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về du lịch; thực hiện nguyên tắc và các cơ chế, chính sách phát triển du lịch của quốc gia nói chung và ở địa phương nói riêng nhằm đảm bảo đạt hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, để tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương, chính quyền địa phương cần làm tốt việc cung cấp thông tin, cập nhật chính sách mới về du lịch, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản trị doanh nghiệp để giúp họ hiểu

rõ về các cam kết, nghĩa vụ của Nhà nước và của doanh nghiệp theo luật pháp quốc tế và điều kiện của WTO.

Chính quyền địa phương cần phải trở thành trung tâm gắn kết giữa các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn với thị trường liên vùng, khu vực và trên thế giới, nhất là với các trung tâm kinh tế lớn. Một mặt, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ tham gia hợp tác quốc tế về du lịch theo quy định của pháp luật, góp phần đẩy mạnh liên kết và hội nhập dịch vụ du lịch với các nước trong khu vực và quốc tế. Mặt khác, cần chủ động làm “cầu nối” thông qua việc tổ chức và thiết lập các điểm thông tin, lựa chọn và công bố các địa chỉ giao dịch của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có uy tín đang hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và trên thế giới nhằm giúp các doanh nghiệp có những thông tin cần thiết để có thể lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết. Đồng thời, cũng cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư xây dựng KCHT, CSVK-KT du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch của địa phương thông qua việc tổ chức các cuộc hội thảo, tổ chức các đoàn công tác kết hợp tham quan trao đổi kinh nghiệm với các địa phương khác trong nước hoặc nước ngoài...

1.2.3.4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch.

Cũng như trong các lĩnh vực, ngành nghề khác, chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng đến sự phát triển của hoạt động kinh doanh du lịch. Bởi vì, từ cạnh tranh toàn cầu, cạnh tranh giữa các quốc gia, các ngành, các doanh nghiệp cho đến cạnh tranh từng sản phẩm suy cho cùng là cạnh tranh bằng trí tuệ của nhà quản lý và chất lượng của nguồn nhân lực. Để du lịch của một quốc gia, một vùng, một địa phương phát triển, việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho du lịch cần được quan tâm thực hiện thường xuyên. Đặc biệt, những địa phương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cần phải có chiến lược, kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có như vậy mới khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển KT-XH của địa phương.

1.2.3.5. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch.

Sự phát triển nhanh của du lịch sẽ làm phát sinh các hành vi tiêu cực như khai thác quá mức các công trình, khu, điểm du lịch, làm ô nhiễm môi trường sinh

thái, những hoạt động kinh doanh du lịch trái với bản sắc văn hóa của đất nước, của địa phương... Do đó, chính quyền địa phương phải chỉ đạo thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đối với du lịch để phòng ngừa hoặc ngăn chặn kịp thời những hành vi tiêu cực có thể xảy ra. Để thực hiện tốt nội dung này, chính quyền địa phương cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và những quy định của tỉnh về đầu tư khai thác các khu, điểm du lịch trên địa bàn; thực hiện việc đăng ký và hoạt động theo đăng ký kinh doanh, nhất là những hoạt động kinh doanh có điều kiện như: kinh doanh lưu trú, kinh doanh lữ hành,...; đồng thời cần xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về du lịch trên địa bàn.

Từ vai trò, trách nhiệm và những nội dung cơ bản của quản lý nhà địa phương với phát triển du lịch bền vững cho thấy: Phát triển du lịch bền vững cần đạt được sự cân bằng giữa nhu cầu kinh tế trong dài hạn của người dân với nhu cầu của các doanh nghiệp trong ngắn hạn, trung hạn nhờ sản phẩm du lịch hấp dẫn, thu hút khách; lao động được đào tạo và cam kết tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững; đảm bảo an ninh, an toàn, chống cháy nổ, tội phạm; đảm bảo tái đầu tư lợi nhuận từ du lịch cho việc bảo vệ môi trường, tôn tạo các di tích. Theo các nhà nghiên cứu du lịch Việt Nam, tính bền vững là khả năng ổn định, không bị thoái hóa của các thành phần tự nhiên, kinh tế, xã hội trước áp lực của du lịch. Đây là những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững, trên cơ sở đó căn cứ vào tình hình thực tế, mỗi địa phương xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể về quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường dựa trên các tiêu chí đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch và vai trò, trách nhiệm của chính quyền các địa phương trong hệ thống phát triển du lịch (Tiêu chuẩn du lịch bền vững toàn cầu, 2011)

1.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững

Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ yếu sau:

1.2.4.1. Bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội chung của cả nước

Điều kiện an ninh, an toàn đối với khách du lịch: Tình hình an ninh, trật tự của mỗi quốc gia, vấn đề phân biệt đối xử chủng tộc, dịch bệnh là những nhân tố có

tác động mạnh đến du lịch. Khách du lịch họ chỉ lựa chọn đến nơi du lịch an toàn, thân thiện để đảm bảo cho sinh mạng của họ. Hoạt động du lịch chỉ có thể phát triển bền vững trong điều kiện hòa bình và quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc. Những khu vực, đất nước có chiến tranh quân sự hay sắc tộc đều là nhân tố tác động tiêu cực tới hoạt động du lịch.

Điều kiện sống: Thu nhập của người dân có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển du lịch bền vững. Con người ta chỉ nghĩ tới việc đi du lịch khi điều kiện sống ở mức độ đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh sống, chi tiêu cho bản thân và gia đình họ. Thu nhập của dân cư tăng lên có tác động tích cực đối với sự kích thích du lịch phát triển.

Thời gian rảnh: Con người không thể thực hiện được những chuyến đi du lịch nếu không có một quỹ thời gian rảnh rỗi nhất định. Cùng với điều kiện kinh tế gia tăng và xu hướng số ngày nghỉ của lao động tăng lên sẽ là một nhân tố thuận lợi cho sự phát triển du lịch bền vững.

Tình hình và xu hướng phát triển kinh tế của đất nước: Khả năng và xu hướng phát triển du lịch bền vững của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào tình hình và xu hướng phát triển kinh tế ở đó. Theo quan điểm của một số chuyên gia kinh tế thuộc Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên hiệp quốc, một đất nước có thể phát triển du lịch bền vững nếu nước đó tự sản xuất phần lớn của cải vật chất cần thiết cho du lịch. Đối với một đất nước phải nhập khẩu khối lượng lớn hàng hóa để trang bị cho cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch thì việc cung ứng vật tư hàng hóa sẽ rất khó khăn.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch: Đó là nhu cầu về phục hồi sức khỏe và khả năng lao động, về sự phát triển toàn diện thể chất và tinh thần của con người. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch có tính chất kinh tế - xã hội, là sản phẩm của sự phát triển xã hội. Nhu cầu du lịch có tính chất quyết định cấu trúc, tốc độ và trình độ phát triển của ngành du lịch.

1.2.4.2. Chiến lược, chính sách phát triển kinh tế-xã hội quốc gia

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 đã đề cập phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả rộng như dịch vụ du lịch, dịch vụ phân phối, vận tải, dịch vụ logistics và các dịch vụ cảng biển, nhằm tận dụng vị thế địa kinh tế của nước ta trong chuỗi cung toàn cầu. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm thúc đẩy ngành du lịch của từng địa phương phát triển.

1.2.4.3. Tiềm năng du lịch riêng của địa phương

Tài nguyên du lịch tự nhiên: Gồm các yếu tố, thành phần, các hiện tượng tự nhiên, các quá trình biến đổi chung hoặc có thể khai thác và sử dụng vào đời sống và sản xuất của con người. Do vậy, mỗi một quốc gia, vùng có điều kiện tự nhiên cụ thể sẽ tạo nên nguồn tài nguyên du lịch thiên nhiên khác nhau mang tính đặc thù. Một số yếu tố cơ bản tạo thành nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên đó là: khí hậu, địa hình, tài nguyên nước, động vật, thực vật.

Tài nguyên du lịch nhân văn: Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên được hình thành do con người sáng tạo ra, có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch nhân văn tích tụ và thể hiện những giá trị văn hóa tiêu biểu, đặc sắc của mỗi vùng, mỗi quốc gia. Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm tài nguyên vật thể và phi vật thể.

Nguồn nhân lực du lịch và trình độ quản lý xã hội nói chung, ngành du lịch nói riêng: Con người là nhân tố trung tâm và là mục đích của nền sản xuất xã hội. Con người giữ vai trò quyết định đối với sản xuất. Chất lượng nguồn nhân lực có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm, dịch vụ và năng suất lao động. Đối với ngành du lịch, do đặc thù của sản phẩm du lịch không tồn tại dưới dạng vật thể và quá trình tạo ra sản phẩm cũng đồng thời là quá trình tiêu dùng sản phẩm. Do vậy, chất lượng sản phẩm du lịch phụ thuộc vào sự đánh giá mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch. Chất lượng nguồn nhân lực có tính chất quyết định đến chất lượng dịch vụ du lịch và hiệu quả kinh doanh du lịch. Các nước có ngành du lịch phát triển bền vững thường có nguồn nhân lực chất lượng cao. Thêm vài dòng về trình độ quản lý nói chung và ngành du lịch nói riêng

1.2.4.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật du lịch: Cơ sở hạ tầng có vai trò rất quan trọng đối với phát triển du lịch bền vững. Xây dựng hệ thống mạng lưới giao thông đồng bộ, thuận tiện sẽ tác động tích cực đến sự phát triển du lịch. Hạ tầng viễn thông, điện nước có vai trò quan trọng đối với khách du lịch vì nó đáp ứng các nhu cầu trực tiếp của du khách. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được tạo ra là yếu tố quan trọng tác động đến mức độ thỏa mãn nhu cầu của du khách bởi năng lực và tính tiện ích của nó. Các yếu tố cấu thành để tạo nên sản phẩm và dịch vụ du lịch, đó là: tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, lao động trong du lịch. Bằng sức lao động của mình con người sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật để khai thác giá trị của tài nguyên du lịch tạo ra dịch vụ cung ứng cho khách du lịch.

~~XXXXXXXXXX~~

1.3.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trên thế giới

a. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về du lịch bền vững của Phuket (Thái Lan)

Công tác quảng bá xúc tiến du lịch được thực hiện bởi cơ quan du lịch Thái Lan (TAT). TAT hoạt động chuyên nghiệp gồm các đại diện vùng và các văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong tổ chức bộ máy, TAT có quy định rất rõ về nhân sự bao gồm số lượng và vị trí công tác của các đại diện tại trung ương và địa phương trong mỗi văn phòng đại diện. Công tác xúc tiến quảng bá, đặc biệt tại các thị trường quốc tế được ngành du lịch Thái Lan rất quan tâm và tổ chức khá đồng bộ từ việc mở văn phòng đại diện tại các thị trường trọng điểm đến hoạt động thăm dò ý kiến khách du lịch. Thông qua TAT, ngành du lịch Thái Lan dành nguồn kinh phí khá lớn cho hoạt động xúc tiến thị trường, các văn phòng đại diện mỗi năm được cấp khoảng 0,5 triệu USD cho hoạt động xúc tiến. Vì vậy, việc triển khai xúc tiến quảng bá đến các thị trường được tiến hành khá đồng bộ. Ngoài ra, để thúc đẩy hoạt động quảng bá hình ảnh quốc gia và thu hút khách du lịch, còn có sự kết hợp chặt chẽ của cơ quan du lịch Thái Lan với đại diện cơ quan ngoại giao và hãng hàng không quốc gia thông qua hoạt động quảng bá truyền thống dân tộc, sự kiện văn hóa, thể thao, đặc biệt tận dụng vai trò trung tâm trong khu vực ASEAN, dịch vụ

cung cấp thông tin cho khách rất tốt.

Tại sân bay, các điểm du lịch đều có Trung tâm hỗ trợ thông tin cho khách, cung cấp nhiều loại ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm du lịch cụ thể và đa dạng. Xây dựng sản phẩm du lịch, loại hình du lịch vui chơi giải trí và mua sắm được triển khai tốt với nhiều hình thức đa dạng nhằm khai thác tối đa khả năng chi tiêu của khách du lịch. Các khu du lịch trọng điểm đều có sản phẩm đặc trưng như tại Phuket là hoạt động đánh golf; trung tâm mua sắm, ẩm thực và Fantasea show; hoạt động thể thao mặt nước và lặn biển tại đảo Phi Phi. Tại Puket có Alcaza show; du lịch tắm biển, phơi nắng và nhảy dù tại đảo San hô; các nhà hàng ăn uống đặc trưng của các quốc gia, các chương trình ca nhạc dân tộc...; chất lượng đội ngũ lao động và công tác đào tạo nguồn nhân lực là nét nổi bật của lực lượng lao động ngành du lịch Thái Lan đó là tính chuyên nghiệp, tinh thần thái độ phục vụ chu đáo, cán bộ thuộc các cơ quan chuyên trách về du lịch sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) khá thành thạo.

Tại cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch (Trường Cao đẳng Du lịch quốc tế) các kỹ năng nghề và ngoại ngữ rất được chú trọng (thời lượng học nghề và yêu cầu thực hành tại chỗ của Nhà trường khá cao, tiếng Anh tối thiểu 550 điểm TOEFL) để đáp ứng ngay cho nhu cầu phát triển nhanh của ngành Du lịch. Ngoài ra, việc đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm nước ngoài trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch được quan tâm đặc biệt. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển du lịch. Để đáp ứng nhu cầu thu hút khách và đảm bảo vị trí trong thế phát triển cạnh tranh, du lịch Thái Lan áp dụng khá nhanh chóng các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại trong các lĩnh vực hoạt động du lịch từ quy hoạch thiết kế công trình du lịch, các công nghệ dịch vụ du lịch đến các dịch vụ hạ tầng giao thông, bưu chính viễn thông, ngân hàng... để tạo sự hài lòng cho khách du lịch. Đặc biệt là trong lĩnh vực vui chơi giải trí và mua sắm được các nhà đầu tư áp dụng triệt để nhằm tạo cảm giác cho du khách “bằng lòng trả tiền”; công tác bảo vệ môi trường du lịch Thái Lan có quy định tiêu chuẩn chất lượng môi trường của các khu du lịch, bãi biển và cơ sở lưu trú; các đơn vị chủ quản nếu vi phạm sẽ bị phạt hoặc thu hồi giấy phép; công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên nên

chất lượng môi trường tại các khu du lịch khá trong sạch; cộng đồng tại các khu du lịch có ý thức tự bảo vệ môi trường như tự thu dọn vệ sinh, tự cảnh báo cho khách du lịch vào khu vực dịch vụ mà theo họ là có hàng giả, không có hiện tượng đeo bám khách du lịch để chào bán hàng tại các khu du lịch lớn; chính quyền tại các địa phương phát triển du lịch chú trọng đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường để phát triển bền vững như tại tỉnh Phuket có nhà máy chế biến rác; phối hợp liên ngành để phát triển du lịch. Để đảm bảo du lịch phát triển đem lại lợi ích quốc gia, hoạt động phối hợp giữa các ngành với ngành du lịch Thái Lan được triển khai khá tốt. Các Bộ, Ngành như môi trường, đầu tư, giáo dục, chính quyền địa phương đều tham gia vào hoạt động xây dựng thể chế, các quy định và cử đại diện vào các Ủy ban liên ngành để cùng phối hợp quản lý, giám sát sự hoạt động và kịp thời có những điều chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch Thái Lan phát triển.

b. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về du lịch sinh thái của Okinawa (Nhật Bản)

Trong một hai thập kỷ gần đây, Okinawa đã nổi lên như một trong những thành phố đi đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, từ hệ thống luật pháp tới ý thức và hành động của người dân. Du lịch sinh thái tại Okinawa phát triển trong những năm gần đây và ngày càng định hình rõ là một trào lưu của khách du lịch. Du lịch sinh thái cũng đã trở thành một trong những hướng ưu tiên của chính phủ Nhật Bản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Okinawa hướng tới hoạt động du lịch sinh thái, tập trung vào hiện trạng và các chương trình phát triển du lịch sinh thái cũng như vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển loại hình du lịch này. Trong các hoạt động đi du lịch, các hoạt động hướng tới thiên nhiên và du lịch sinh thái đang là một quan tâm lớn của khách du lịch Nhật Bản. Theo Luật Du lịch Sinh thái Nhật Bản, du lịch sinh thái là hoạt động du lịch, trong đó du khách được hướng dẫn hay cũng cấp những thông tin về tài nguyên du lịch tự nhiên, thường xuyên có những hoạt động tích cực hướng tới giao tiếp với tài nguyên du lịch tự nhiên trong quá trình đi du lịch hoặc những hoạt động du lịch của du khách với mục đích tìm hiểu những kiến thức về tài nguyên du lịch tự nhiên và bảo vệ các tài nguyên này. Nhu cầu du lịch sinh thái của người Nhật bắt nguồn từ ý thức bảo vệ

môi trường rất cao của người dân. Tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, trong đó có cả sản phẩm du lịch trở thành một phần trong giá trị sống. Người Nhật đã rất quen với ý thức phân loại rác sinh hoạt (có khi tới 4-5 chủng loại khác nhau), hạn chế xả rác và tự thu dọn rác của mình tại những nơi công cộng, những điểm du lịch. Họ cũng sẵn sàng trả giá cao hơn cho các sản phẩm có “giá trị môi trường cao”, được thiết kế và sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường và nhận được các chứng chỉ môi trường. Điều này giải thích vì sao nhiều chuỗi khách sạn, nhà hàng của Nhật Bản tiên phong trong việc xây dựng vòng tròn khép kín từ thu thập rác thải hữu cơ, sản xuất phân vi sinh sử dụng để sản xuất rau sạch và dùng rau sạch này trong khách sạn. Du lịch sinh thái của Nhật Bản thực sự trở thành một loại hình du lịch được quan tâm phát triển từ đầu những năm 1990, khi Ủy ban Môi trường (nay là Bộ Môi trường) Nhật Bản tiến hành nghiên cứu về các giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở đảo Okinawa (đảo phía Nam Nhật Bản). Ủy ban Môi trường tham gia vào Liên minh Di sản Thế giới năm 1992. Cũng từ năm đó, các nhóm kinh doanh và hoạt động về du lịch sinh thái ở các địa phương bắt đầu tập hợp và họp bàn ở cấp toàn quốc. Năm 1994, Hiệp hội Bảo vệ Di sản Thiên nhiên Nhật Bản cho ra đời “*Hướng dẫn về du lịch sinh thái*”. Sau sự ra đời của một số Hiệp hội du lịch sinh thái tại một số địa phương là sự ra đời của Hội đồng xúc tiến du lịch sinh thái Nhật Bản năm 1998. Hội đồng này là cơ quan cao nhất của nhà nước đưa ra các chính sách phát triển du lịch sinh thái tại Nhật Bản hướng tới việc bảo tồn và phát triển bền vững của các nguồn tài nguyên tự nhiên, lịch sử, văn hóa của các vùng. Hội đồng bao gồm cả những đại diện của những cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (các Bộ Môi trường; Đất đai, Cơ sở Hạ tầng; Giao thông và Du lịch; Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản ...), các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương, các hiệp hội du lịch, đại diện cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch sinh thái. Đứng đầu Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản. Chính sách do Hội đồng xúc tiến du lịch sinh thái đưa ra không chỉ tập trung trực tiếp vào việc xây dựng và phát triển loại hình du lịch này ở Nhật Bản mà còn liên quan tới bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch, giảm các tác động tiêu cực của

du lịch và nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề môi trường. Vào tháng 6 năm 2004, Hội đồng đã đưa ra “5 giải pháp xúc tiến du lịch sinh thái”, đó là: xây dựng luật về du lịch sinh thái nhằm phổ biến và khuyến khích trương hoạt động du lịch sinh thái; đưa ra một danh sách các “chương trình du lịch sinh thái” (List of Eco-tours) và quảng bá các hoạt động và kinh doanh du lịch sinh thái; xây dựng “Giải thưởng lớn về du lịch sinh thái” (Grand Prize for Ecotourism) nhằm cổ vũ cho những hoạt động du lịch này; biên soạn “Sổ tay phát triển du lịch sinh thái” nhằm cung cấp những kiến thức, hướng dẫn phát triển du lịch sinh thái; phát triển 13 dự án thí điểm về du lịch sinh thái tại một số địa phương. Bộ Môi trường đã công bố Luật du lịch sinh thái, tổ chức trao giải thưởng lớn về du lịch sinh thái hàng năm và phổ biến sổ tay phát triển du lịch sinh thái. Các hoạt động khác cũng đã hoàn thành giai đoạn đầu và tiếp tục với các hoạt động duy trì và mở rộng. Các giải pháp trên đi kèm theo một loạt các hoạt động từ khảo sát nghiên cứu, tổ chức biên soạn, tổ chức các hội thảo, đầu tư tiền và cơ sở vật chất kỹ thuật... Kinh phí thực hiện các giải pháp được huy động từ nhiều nguồn nhưng chủ yếu từ nhà nước. Bên cạnh các dự án phát triển du lịch sinh thái là một loạt các dự án nhằm sử dụng hữu hiệu hơn các vườn quốc gia. Tại Nhật Bản có 28 vườn quốc gia, đón nhận khoảng 370 triệu lượt khách một năm, nhiều trong số này đang gặp phải những vấn đề nghiêm trọng về môi trường, giao thông, rác thải do quá tải. Một loạt các dự án của nhà nước được đưa ra nhằm giải quyết các vấn đề này cũng như xây dựng nền tảng cho phát triển bền vững tại các vườn quốc gia, ví dụ như quy định về số lượng ô tô được ra vào 25 vườn quốc gia, tu tạo hệ thống đường mòn lên núi và bảo vệ thảm thực vật hai bên đường, trang bị hệ thống nhà vệ sinh tại các vùng núi, phát triển các hệ thống kiểm soát việc sử dụng các vườn quốc gia... Bộ Môi trường Nhật Bản cũng phối hợp với các cơ quan và tổ chức du lịch trong nước và quốc tế xây dựng và phổ biến các quy định và tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch bền vững tại các khu bảo tồn như “Hướng dẫn về du lịch tại các vườn và khu bảo tồn tại khu vực Đông Á”.

Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái tại Okinawa cho thấy tầm quan trọng của một định hướng và kế hoạch phát triển du lịch sinh thái rõ ràng. Định hướng

phát triển du lịch sinh thái vừa có thể được xem là bước đi tiên phong trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, vừa là cơ sở phát triển một loại hình kinh doanh của một quốc gia. Do vậy, tổ chức như một Hội đồng quốc gia với sự tham gia của nhiều Bộ, Ban, Ngành, của giới kinh doanh và cộng đồng địa phương là cần thiết. Ở một nước đang phát triển như Việt Nam, xây dựng và vận hành một hội đồng như mô hình này sẽ gặp phải không ít khúc mắc do khả năng phối hợp, giữa các Ban Ngành; giữa nhà nước, giới doanh nghiệp và giới nghiên cứu còn hạn chế. Việc điều phối hoặc chỉ đạo tổ chức ở cấp Chính phủ có thể giải quyết khó khăn này. Một khó khăn lớn nữa là kinh phí cho việc tổ chức và thực hiện các chương trình xúc tiến phát triển du lịch sinh thái. Kêu gọi sự tài trợ của các tổ chức quốc tế có thể là một giải pháp hiệu quả trong ngắn hạn. Trong điều kiện môi trường đang trở thành vấn đề toàn cầu như hiện nay, nhiều tổ chức và quốc gia rất quan tâm tới du lịch sinh thái và có thể tham gia tư vấn hay hỗ trợ trực tiếp cho phát triển du lịch sinh thái của các quốc gia đang phát triển. Thêm vào đó, các mục tiêu, giải pháp và chương trình hành động có thể được hoạch định với một lộ trình hợp lý, từng bước giải quyết từng vấn đề trong việc phát triển du lịch sinh thái. Những giải pháp đầu tiên về nghiên cứu, quy hoạch các vùng có thể phát triển du lịch sinh thái, nâng cao nhận thức cộng đồng qua tuyên truyền và hệ thống luật (hay quy định), thực hiện các mô hình thí điểm ở một vài điểm ... là những công việc có thể thực hiện được. Điều quan trọng là định hướng phát triển du lịch sinh thái không chỉ dừng lại ở mức độ ra chính sách mà cần xây dựng cụ thể các chương trình và dự án hành động, bao gồm cả các điều kiện thực hiện, cách thức thực hiện, các cơ quan có trách nhiệm và kinh phí cho tổ chức thực hiện. Tại từng điểm du lịch, phát triển du lịch sinh thái liên quan tới nhiều khía cạnh từ kinh doanh tới quản lý địa phương và bảo tồn thiên nhiên. Xây dựng quan hệ giữa các thành phần tham gia là một trong những yêu cầu cơ bản để phát triển du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái có thể mang lại những thời cơ cho phát triển du lịch Việt Nam nhưng cũng ẩn chứa không ít thách thức trong việc khuyến khích phát triển, nhưng du lịch sinh thái đang dần trở thành một trào lưu và mang lại sự phát triển bền vững cho điểm du lịch và cho cả quốc gia. Phát

triển du lịch sinh thái ở Việt Nam chỉ còn là bài toán thời gian và quyết tâm của người thực hiện.

c. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về phát triển du lịch bền vững tại khu vực quần đảo Canary (Tây Ban Nha)

Đảo Canary gồm 7 đảo và một số đảo nhỏ ở Đại Tây Dương, cách Tây Ban Nha lục địa khoảng 1.500 km, nổi tiếng là trung tâm đa dạng sinh học với sự tập trung của nhiều loài sinh vật biển, có nhiều cảnh quan đẹp, phong phú, khí hậu lý tưởng. Điều đó đã giúp cho nơi đây trở thành điểm đến quen thuộc của du khách Châu Âu. Ở đây du lịch được phát triển khá sớm bắt đầu vào cuối thế kỷ 19 với một số ít du khách Châu Âu đến đây vì lý do chữa bệnh. Từ năm 1999 với 7,4 triệu du khách thì đến năm 2005 là 9 triệu khách và 12 triệu khách vào năm 2014. Ngành du lịch dịch vụ chiếm gần 80% tổng thu nhập của nền kinh tế. Điều đó cho thấy, nền kinh tế ở đây phụ thuộc vào du lịch quá nhiều.

Sự phát triển nhanh của du lịch ở Canary nhưng không có những quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng du lịch một cách hợp lý dẫn đến việc quá tải du lịch. Quá trình xây dựng bất hợp lý đó đã kéo theo sự mất kiểm soát trong phân bổ nguồn nước sinh hoạt, phân bổ công việc của các nhân tố khác, tắc nghẽn giao thông... Sự gia tăng xây dựng không có quy hoạch hợp lý ở Canary đã tạo ra áp lực về đất đai. Cùng với đó là sự đầu tư ồ ạt của người nước ngoài vào nơi đây đã tạo ra môi trường không tốt cho dân cư địa phương và cư dân địa phương trở thành người thiểu số.

Sự phát triển quá nóng ở quần đảo Canary đã cho thấy tính chất không bền vững trong quá trình phát triển du lịch. Cùng với lượng du khách đông và việc thải ra hàng triệu tấn rác thải, ô nhiễm không khí do quá nhiều các phương tiện chuyên chở. Mức độ khai thác du lịch bất hợp pháp ngày càng gia tăng do người dân chạy theo lợi nhuận đã làm cho cảnh quan nơi đây xuống cấp nghiêm trọng. Quả thật Canary đang trở thành một vấn đề khó khăn cần phải giải quyết. Muốn phát triển du lịch một cách lâu dài ở đây thì các nhà chức trách và các ban ngành phải cùng tham gia giải quyết.

1.3.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước

a. Kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng ở Cần Thơ

Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương, phía Bắc giáp tỉnh An Giang và Đồng Tháp, phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng, phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Long, phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang và Bạc Liêu. TP Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 138.959,99 ha và dân số khoảng 1,23 triệu người (năm 2014). Với vị trí trung tâm vùng ĐBSCL, TP Cần Thơ có hệ thống giao thông thủy, bộ khá thuận tiện trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong vùng; với địa bàn trọng điểm kinh tế phía Nam và cả Phnompênh (Campuchia). Ngoài đặc trưng về địa lý là đầu mối giao thông quan trọng giữa các tỉnh trong vùng ĐBSCL, TP Cần Thơ được ví như “đô thị miền sông nước”. Cần Thơ có hệ thống sông ngòi chằng chịt, vườn cây ăn trái bạt ngàn, đồng ruộng mênh mông. Các cù lao như: Tân Lộc, cồn Sơn, cồn Khương, cồn Âu... trên sông Hậu hết sức độc đáo để phát triển loại hình du lịch sông nước.

Với tiềm năng và lợi thế sẵn có, TP Cần Thơ đã xác định du lịch là ngành kinh tế quan trọng được ưu tiên phát triển. Trong những năm qua, công tác QLNN đối với du lịch của TP Cần Thơ đã có nhiều tiến bộ rõ rệt, góp phần thúc đẩy sự phát triển du lịch trên địa bàn. KCHT, CSVC-KT, doanh thu, số lượng du khách,... năm sau luôn tăng hơn năm trước. Cụ thể, tổng số khách sạn năm 2014 là 297 với 5.355 phòng, có 139 khách sạn từ 1 đến 4 sao. Tổng số lượt khách du lịch năm 2014 là 2.462.141 lượt, trong đó 704.841 lượt khách quốc tế... Để đạt được những kết quả tích cực nói trên về phát triển du lịch, TP Cần Thơ đã thực hiện các biện pháp QLNN chủ yếu sau: xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển du lịch (với chính sách cởi mở và khuyến khích đầu tư, TP Cần Thơ đã thu hút được nhiều dự án đầu tư phát triển các khu du lịch, đã hình thành được nhiều khu, điểm du lịch mới tạo thành chuỗi các điểm du lịch thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng...); bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch cho từng giai đoạn phù hợp với xu thế phát triển chung hiện nay và những năm tiếp theo, đó là coi du lịch miệt vườn sông nước Cửu Long và du lịch văn hóa là hướng đột phá trong chiến lược phát triển du lịch của thành phố; tập trung đẩy mạnh công

tác xúc tiến, quảng bá du lịch, tăng cường việc liên doanh, liên kết trong và ngoài nước; ưu tiên hỗ trợ cho đầu tư xây dựng KCHT, CSVC-KT du lịch; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ QLNN nói chung và cán bộ QLNN trong lĩnh vực du lịch nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu mới.

b. Kinh nghiệm phát triển du lịch ở Cà Mau

Cà Mau là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, có 3 mặt giáp biển với 307 km bờ biển. Phía Bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông, phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan. Có diện tích tự nhiên là 5.331,7 km²; dân số khoảng 1,22 triệu người (năm 2013). Nơi đây phát triển nhiều hồ nuôi tôm; có nhiều sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nên đi lại và vận chuyển bằng tàu, thuyền rất thuận tiện. Biển Cà Mau có đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối. TP Cà Mau (thuộc tỉnh Cà Mau) cách TP Cần Thơ 179 km, cách TP Hồ Chí Minh 350 km; là một thành phố trẻ có tốc độ phát triển kinh tế nhanh trong những năm gần đây. Các công trình trọng điểm như cảng biển quốc tế Năm Căn, các cảng cá, sân bay Cà Mau, công trình siêu thị Cà Mau (một trung tâm thương mại lớn, có cửa hàng siêu thị, khách sạn 3 sao và văn phòng cho thuê) đã và đang được đầu tư cải tạo, nâng cấp... Cà Mau có 2 Vườn Quốc gia, đó là Vườn quốc gia Mũi Cà Mau với diện tích tự nhiên 42.000 ha và Vườn quốc gia U Minh Hạ với diện tích 8.286 ha. Ở đây đã quy hoạch và thực hiện đầu tư, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái. Mặt khác, Cà Mau nằm trong hành lang phát triển kinh tế phía Nam của Chương trình hợp tác phát triển các nước tiểu vùng sông Mê Kông (GMS), có điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế với các nước ASEAN. Do vậy, hợp tác và hội nhập là chiến lược quan trọng đối với du lịch Cà Mau.

Du lịch được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Cà Mau. Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của các ngành, các cấp trong tỉnh, ngành du lịch Cà Mau đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng, phong phú hơn, nhiều điểm du lịch mới được đưa vào hoạt động như khu du lịch Mũi Cà Mau, khu du lịch Hòn Đá Bạc, Vườn sưu tập động vật hệ sinh thái rừng tràm lâm - ngư trường sông Trẹm, khu du lịch Lý Thanh

Long, vườn chim trong lòng TP Cà Mau... Du lịch ở Cà Mau được tập trung phát triển theo hướng du lịch sinh thái, đây được coi là hướng đột phá trong phát triển du lịch của tỉnh. Theo chương trình phát triển tổng thể du lịch Cà Mau giai đoạn 2005-2010 và định hướng đến năm 2020, tỉnh sẽ tập trung triển khai thực hiện các quy hoạch bảo tồn, phát triển khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia rừng ngập mặn Mũi Cà Mau; khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia U Minh hạ; phát triển du lịch cụm đảo Hòn Khoai; đầu tư xây dựng KCHT, CSVC-KT cần thiết cho ngành du lịch vận hành và phát triển phù hợp với xu thế chung của khu vực và cả nước, trong đó tập trung bảo vệ, tôn tạo tài nguyên môi trường và những giá trị văn hóa, sinh thái đặc thù. Để đạt được những kết quả tích cực nói trên về phát triển du lịch, tỉnh Cà Mau đã chú trọng thực hiện các biện pháp chủ yếu sau: thực hiện các biện pháp, phương pháp thích hợp để nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò của du lịch đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh; tăng cường tuyên truyền, giáo dục về pháp luật du lịch nhằm giúp họ hiểu và nghiêm chỉnh chấp hành; xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch tổng thể, lâu dài, hợp lý và các quy hoạch, kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn phát triển trên cơ sở coi trọng bảo vệ môi trường; đảm bảo an toàn cho du khách; có chính sách nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư KCHT, CSVC-KT du lịch; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành. Bên cạnh đó, chính quyền tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi nhằm đưa công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý du lịch; đặt văn phòng xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để quảng bá du lịch của tỉnh; thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá theo chuyên đề, kết hợp những sự kiện thể thao, văn hóa, lễ hội lớn trên phạm vi toàn quốc và tham gia hội chợ triển lãm, hội thảo du lịch trong nước, quốc tế để giới thiệu rộng rãi tiềm năng du lịch của tỉnh; xây dựng chiến lược thị trường, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; tăng cường việc liên kết, hợp tác với các địa phương khác trong phát triển du lịch.

c. Kinh nghiệm phát triển du lịch ở Lào Cai

Với lượng lớn du khách đến với Lào Cai và tăng nhanh trong mỗi năm thì Lào Cai phải đối mặt với một lượng rác thải rất lớn, môi trường du lịch sinh thái bị ảnh

hưởng nghiêm trọng, thời gian lưu trú ngắn (bình quân 1 ngày/khách), hiệu quả kinh doanh du lịch còn thấp.

Trước những tồn tại trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở VH TT-DL tỉnh Lào Cai phối hợp với các ngành và các tổ chức liên quan từng bước tháo gỡ vướng mắc như việc đưa ra chính sách hướng hoạt động du lịch vào bảo tồn, tôn tạo; chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách phát triển nguồn nhân lực; chính sách hỗ trợ người dân sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm truyền thống; đặc biệt là chính sách hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho những người dân tộc thiểu số sinh sống trong địa bàn khu du lịch, vận động họ tham gia tích cực vào các hoạt động du lịch bằng cách sản xuất sản phẩm truyền thống để bán cho du khách, giúp giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân, tạo cuộc sống ổn định cho người dân và quan trọng hơn là nâng cao trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên của người dân.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho một số tỉnh miền Trung Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm QLNN đối với phát triển du lịch bền vững ở các địa phương, khu vực trong và ngoài nước, một số bài học cho QLNN địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam như sau:

- Cần xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiết, tích cực quảng bá dựa trên tiềm năng du lịch của từng địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin chi tiết để phục vụ du khách.
- Đề cao vai trò quản lý nhà nước trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chính sách hỗ trợ và kiểm soát hoạt động du lịch.
- Coi trọng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại chỗ, bảo vệ và bảo tồn hệ sinh thái và tiết kiệm năng lượng.
- Coi trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chuyên nghiệp, trách nhiệm.
- Cung cấp thông tin cho du khách về môi trường xung quanh, văn hóa địa phương và di sản văn hóa. Cần có tiêu chí nhằm đánh giá sự hài lòng của du khách để có những biện pháp điều chỉnh hợp lý.
- Phát triển du lịch bền vững tác động tích cực đến đời sống xã hội và kinh tế của mỗi địa phương, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư, đáp ứng nhu cầu của du khách, duy trì chất lượng môi

trường. Tuy nhiên, cần tránh phát triển du lịch quá nóng, chỉ chạy theo số lượng không chú trọng đến chất lượng và không theo tiêu chí phát triển du lịch bền vững.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận của QLNN của chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch bền vững. Chương này có 3 nội dung sau:

- Khái niệm về phát triển du lịch bền vững, nghiên cứu tác động của du lịch và so sánh các yếu tố được coi là bền vững với các yếu tố được coi là không bền vững, đã chỉ ra tác động của du lịch trên cả ba lĩnh vực kinh tế, môi trường, xã hội làm cơ sở để phân tích thực trạng QLNN đề xuất các nhóm giải pháp quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững nói chung và tại một số tỉnh miền Trung nói riêng.

- Vai trò của QLNN địa phương đối với phát triển du lịch bền vững: vai trò định hướng, vai trò tổ chức và phối hợp, vai trò điều tiết các hoạt động du lịch và can thiệp thị trường, vai trò giám sát và 5 nội dung của QLNN địa phương đối với phát triển du lịch bền vững: 1. Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của Nhà nước liên quan đến du lịch và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển du lịch mang tính đặc thù của địa phương; 2. Xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch ở địa bàn để giúp các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch định hướng phát triển; 3. Tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong hoạt động du lịch; giữa địa phương và Trung ương trong quản lý nhà nước về du lịch; 4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch; 5. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch.

- Tổng hợp kinh nghiệm QLNN đối với phát triển du lịch bền vững của một số địa phương trong và ngoài nước, rút ra 6 bài học kinh nghiệm cho các tỉnh miền Trung Việt Nam.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT
TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG
GIAI ĐOẠN 2010- 2015

2.1.1. Tổng quan về các tỉnh miền Trung

Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam tại Quyết định 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì miền Trung gồm 14 tỉnh, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Trong đó, Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên-Huế); Duyên Hải Nam Trung Bộ gồm 8 tỉnh (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận) (xem Phụ lục 1)

Với lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cảng biển và sân bay quốc tế, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, bờ biển đẹp, các di sản thế giới và độ dày lịch sử, văn hoá, cách mạng đã tạo cho các tỉnh miền Trung có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch, đồng thời trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế.

Miền Trung được đánh giá là một trong ba trung tâm du lịch lớn của cả nước với thế mạnh về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp phong phú, nền văn hóa lâu đời, lối sống và sinh hoạt độc đáo của các dân tộc, nhiều phong vị ẩm thực hấp dẫn... Với các thế mạnh ấy, các tỉnh miền Trung có điều kiện vô cùng thuận lợi để đa dạng hóa sản phẩm du lịch, thu hút nhiều thành phần du khách, cả trong nước và quốc tế. Những năm gần đây, các tỉnh miền Trung đã và đang nỗ lực khai thác các tiềm năng từ tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn để phát triển du lịch một cách hữu hiệu.

Nét nổi bật của kho báu tài nguyên tự nhiên các tỉnh miền Trung là đường bờ biển kéo dài 1.161km, chiếm hơn 1/3 bờ biển cả nước (3.260 km). Đây là nơi tập trung hầu hết các bãi biển vào loại đẹp nhất của Việt Nam. Từ bắc vào nam có hàng chục bãi tắm đẹp như: Sầm Sơn (Thanh Hóa); Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô

(Thừa Thiên Huế); Xuân Thiều, Thanh Bình, Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng); Hà My, An Bàng, Cửa Đại, Bàn Than (Quảng Nam), Sa Huỳnh, Mỹ Khê (Quảng Ngãi), Hoàng Hậu, Ghềnh Ráng, Cát Hải (Bình Định); Long Thủy, Xuân Đài, Vũng Rô (Phú Yên); Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh (Khánh Hòa); Cà Ná (Ninh Thuận); Mũi Né (Bình Thuận). Các bãi biển có cảnh quan rất sinh động, trên núi dưới biển mà ít nơi nào có được, lại xa các khu công nghiệp nên hầu như chưa bị ô nhiễm.

Miền Trung Việt Nam còn có những cảnh quan và thắng cảnh nổi tiếng như: phá Tam Giang, núi Bạch Mã, sông Hương, núi Ngự... (Thừa Thiên-Huế), Ngũ Hành Sơn, Bà Nà - Suối Mơ... (Đà Nẵng), hồ Phú Ninh, sông Thu Bồn, Hòn Kẽm Đá Dừng... (Quảng Nam); núi Ấn, sông Trà, Thiên Bút - Phê Vân,... (Quảng Ngãi); đầm Thị Nại, đèo Cù Mông, suối khoáng Hội Vân, Hầm Hô (Bình Định); đầm Ô Loan, bãi Môn - mũi Điện, gành Đá Đĩa, núi Đá Bia (Phú Yên); núi Đại Lãnh, hòn Chông, đầm Nha Phu, thác Yang Bay, suối bùn khoáng Tháp Bà (Khánh Hòa)... rất phù hợp để phát triển mạnh các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá thiên nhiên.

Bên cạnh tiềm năng về tự nhiên, miền Trung còn rất nổi tiếng với nhiều tiềm năng nhân văn có giá trị cho phát triển du lịch. Các tỉnh miền Trung là nơi có nhiều di tích lịch sử cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, nhiều danh lam cổ tự bậc nhất Việt Nam, trong đó có hơn 3 quần thể di tích được công nhận là di sản văn hóa thế giới, đồng thời cũng là di tích lịch sử văn hóa (LSVH) cấp quốc gia đặc biệt (Quần thể di tích cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn) và hơn 3.000 di tích LSVH các loại.

Một trong những di sản văn hóa nổi bật ở miền Trung là Quần thể cố đô Huế. Kinh Thành Huế là đại diện tiêu biểu và nguyên vẹn nhất trong số những di tích của chế độ quân chủ Việt Nam, từ những di tích hữu hình đến những giá trị văn hóa vô hình và đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1993. Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2003. Đây là di sản phi vật thể đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận vào danh mục này.

Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999. Với khoảng 70 cụm tháp lớn nhỏ và 32 bi ký các loại được xây dựng liên tục trong suốt gần 1.000 năm (từ thế kỷ IV đến đầu thế kỷ XIV), Thánh địa Mỹ Sơn là cụm đền tháp - di tích tôn giáo kỳ vĩ nhất, đặc trưng nhất của người Chăm, là những cứ liệu tốt nhất để tìm hiểu quá trình phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật Champa với nhiều phong cách kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu cho từng giai đoạn lịch sử của vương quốc Champa cổ.

Cùng với Mỹ Sơn, phố cổ Hội An (Quảng Nam) cũng được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999. Hội An từng là trung tâm mậu dịch quốc tế trên hải trình thương mại từ Đông sang Tây, một thương cảng phồn thịnh nhất xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn và được xem là một bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị cổ, hơn một nghìn di tích kiến trúc như phố xá, nhà cửa, hội quán, đình, chùa, miếu, nhà thờ tộc, giếng cổ, mộ cổ... ở đây vẫn được giữ gìn như nguyên vẹn.

Ngoài ra, hầu như địa phương nào của miền Trung cũng có những di tích, danh thắng mang các giá trị về văn hóa, lịch sử, tâm linh liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này. Đó là những di tích, danh thắng tiêu biểu, như: cầu Trường Tiền, chùa Thiên Mụ, chùa Thánh Duyên... (Thừa Thiên-Huế); chùa Linh Ứng Sơn Trà và Bà Nà, Bảo tàng Điêu khắc Chăm (Đà Nẵng); tháp Chiên Đàn, kinh đô Trà Kiệu, chùa Cầu, Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh (Quảng Nam); Khu chứng tích Sơn Mỹ, Trường Lũy (Quảng Ngãi); Bảo tàng Quang Trung, thành Hoàng đế với những di tích quý giá về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, đôi Thi nhân, mộ thi sĩ Hàn Mặc Tử, quần thể di tích tháp Chăm rất phong phú và nguyên vẹn, mang trong mình những giá trị lớn lao về lịch sử và kiến trúc (Bình Định); di tích lịch sử tàu “không số” Vũng Rô, tháp Nhạn, chùa Từ Quang (Phú Yên); tháp Bà Pônagar, thành lũy Diên Khánh, Viện Hải dương học (Khánh Hòa)...

Miền Trung hiện nay có 6 sân bay (trong đó có 2 cảng hàng không quốc tế); 13 cảng biển (trong đó có 7 cảng biển loại I); 14 tuyến đường quốc lộ, đường sắt Bắc - Nam chạy qua, phân bố đều khắp ở các địa phương, nối liền các đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Đường bộ

Quốc lộ 1A là tuyến giao thông huyết mạch quan trọng, đi qua các tỉnh miền Trung. Ngoài ra còn các các tuyến quốc lộ khác nối miền Trung với các quốc gia trong khu vực (Campuchia, Lào, Myanmar): quốc lộ 14 (14B, 14D, 14E), 19, 24, 25, 26, 27, 28, 29,... Đường Hồ Chí Minh là tuyến đường bộ quan trọng thứ hai của các tỉnh miền Trung. Dự án hầm đường bộ qua các đèo Phước Tượng, Phú Gia, Cù Mông, đèo Cả sẽ tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế trong khu vực.

- Đường sắt

Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua các tỉnh, thành miền Trung có chiều dài hơn 1.300 km, có ga hành khách và hàng hóa riêng, nhưng còn chưa chú trọng đến việc đầu tư hệ thống cơ sở vật chất và phương tiện ở các ga chính.

- Đường hàng không

Hệ thống sân bay của các tỉnh miền Trung gồm 8 sân bay (trong đó có 4 cảng hàng không quốc tế): sân bay Vinh (Nghệ An), sân bay Đồng Hới (Quảng Bình), sân bay quốc tế Phú Bài (Thừa Thiên Huế), sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay quốc tế Chu Lai (Quảng Nam), sân bay Phù Cát (Bình Định), sân bay Đông Tác (Phú Yên) và sân bay quốc tế Cam Ranh (Khánh Hòa).

- Đường biển

Hệ thống cảng biển của miền Trung Việt Nam khá dày đặc, hầu như tỉnh nào cũng có cảng biển. Các cảng biển vừa là đầu mối giao thông thủy bộ vừa là cơ sở xuất nhập khẩu quan trọng. Một số cảng biển lớn như: Cảng Chân Mây, Tiên Sa, Kỳ Hà, Dung Quất, Quy Nhơn, Vũng Rô,... trong đó có nhiều cảng nước sâu với công suất hàng hóa thông qua cảng hàng chục triệu tấn/năm, tạo điều kiện tốt để phát triển về vận tải biển và dịch vụ cảng biển. Như vậy, đến với miền Trung Việt Nam, du khách có thể dễ dàng lựa chọn bất kỳ phương tiện giao thông nào đều tiện lợi và nhanh chóng.

Trong số các tỉnh của miền Trung, ba địa phương gồm: Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa có điều kiện, đặc điểm riêng để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Cụ thể:

Đối với Quảng Bình: có rừng, có biển với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, thắng cảnh nổi tiếng: đèo Ngang, đèo Lý Hoà, cửa biển Nhật Lệ, phá Hạc Hải, Cổng Trời... và Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới.

Quảng Bình là vùng đất văn vật, có di chỉ văn hoá Bàu Tró, các di chỉ thuộc nền văn hoá Hoà Bình và Đông Sơn, nhiều di tích lịch sử như: Quảng Bình Quan, Lũy Thầy, Rào Sen, Thành Nhà Ngo, thành quách của thời Trịnh - Nguyễn, nhiều địa danh nổi tiếng trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc như Cự Nẫm, Cảnh Dương, Cha Lo, Cổng Trời, Xuân Sơn, Long Đại, đường Hồ Chí Minh v.v... Trong quá trình lịch sử, đã hình thành nhiều làng văn hoá nổi tiếng và được truyền tụng từ đời này sang đời khác như “Bát danh hương”: “Son- Hà- Cảnh - Thổ- Văn- Võ- Cổ - Kim”. Nhiều danh nhân tiền bối học rộng, đỗ cao và nổi tiếng xưa và nay trên nhiều lĩnh vực quân sự, văn hoá - xã hội như Dương Văn An, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hàm Ninh, Hoàng Kế Viêm, Võ Nguyên Giáp...

Đối với Đà Nẵng: là trung tâm kinh tế và là một trong những trung tâm văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, là thành phố lớn thứ 4 của Việt Nam, đứng sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng. Thành phố nằm dọc theo vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Đà Nẵng hiện là một trong 3 đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương của Việt Nam (cùng với Hải Phòng và Cần Thơ).

Đà Nẵng có một bờ biển dài với nhiều bãi tắm đẹp như Non Nước, Mỹ Khê, Thanh Khê, Nam Ô với nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú. Quanh khu vực bán đảo Sơn Trà có những bãi san hô lớn, thuận lợi trong việc phát triển các loại hình kinh doanh, dịch vụ, du lịch biển.

Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ của Việt Nam, là trung điểm của bốn di sản thế giới bao gồm Phong Nha - Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn nên sẽ là điểm đến và điểm trung chuyển khách du lịch trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Đà Nẵng cũng có nhiều danh lam thắng cảnh và các di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng như vùng núi Bà Nà - Núi Chúa, bán đảo Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Viện Cổ Chàm, Thành Điện Hải... cùng với những dải cát dài, bằng phẳng, sạch sẽ, chưa bị ô

nhằm của các bãi biển như Mỹ Khê, Thanh Khê, Non Nước, Nam Ô... rất thuận lợi để phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Đối với Khánh Hòa: ở về phía khu vực duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam, phía Bắc giáp ba huyện Sông Hinh, Đông Hòa và Tây Hòa của tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp hai huyện M'Drăk và Krông Bông của tỉnh Đắk Lắk, phía Nam giáp huyện Bác Ái và Thuận Bắc của tỉnh Ninh Thuận, phía Tây Nam giáp huyện Lạc Dương của tỉnh Lâm Đồng, phía Đông giáp Biển Đông. Tỉnh lỵ của Khánh Hòa là thành phố Nha Trang, cách Thành phố Hồ Chí Minh 447 km và cách thủ đô Hà Nội 1.278 km đường bộ.

Khánh Hòa là một trong những tỉnh có đường bờ biển dài và đẹp nhất Việt Nam. Đường bờ biển kéo dài từ xã Đại Lãnh tới cuối vịnh Cam Ranh, có độ dài khoảng 385 km tính theo mép nước với nhiều cửa lạch, đầm, vịnh, cùng khoảng 200 đảo lớn, nhỏ ven bờ và các đảo san hô của quần đảo Trường Sa. Khánh Hòa có sáu đầm và vịnh lớn, đó là Đại Lãnh, vịnh Vân Phong, Hòn Khói, vịnh Nha Phu, vịnh Nha Trang (Cù Huân) và vịnh Cam Ranh. Trong đó có nổi bật nhất vịnh Cam Ranh với chiều dài 16 km, chiều rộng 32 km, thông với biển thông qua eo biển rộng 1,6 km, có độ sâu từ 18-20 m và thường được xem là cảng biển có điều kiện tự nhiên tốt nhất Đông Nam Á, trước đây được sử dụng làm căn cứ quân sự của Hoa Kỳ rồi Liên Xô (sau này là Nga) nhưng nay đã được chuyển thành cảng dân sự. Tuy nhiên, một cách tổng quát, với đường bờ biển vừa dài vừa quanh co khúc khuỷu, chỗ lồi chỗ lõm, phía ngoài lại có vô số đảo nhỏ, nên bờ biển Khánh Hòa không được thuận lợi về mặt hải vận.

2.1.2. Tình hình kinh tế xã hội các tỉnh miền Trung

2.1.2.1. Kinh tế

Cơ cấu kinh tế của các tỉnh miền Trung Việt Nam chuyển dịch khá nhanh. Tỷ trọng GDP của ngành Dịch vụ ở các tỉnh, thành chỉ ở mức trung bình. Tổng vốn đầu tư của các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010-2015 là 605.032,9 tỷ đồng, tăng dần qua các năm với mức tăng bình quân giai đoạn là 10,98%. Tổng sản phẩm nội địa của các tỉnh miền Trung (theo giá so sánh) năm 2015 là 98.470,2 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ

16,4% so với cả nước. GDP bình quân đầu người của các tỉnh miền Trung Việt Nam có sự cải thiện đáng kể. Năm 2007 mức GDP bình quân đầu người chỉ là 11 triệu đồng/người thì đến năm 2014 đã đạt trên 35 triệu đồng, tăng bình quân 23,5%/năm (theo giá thực tế).

Tỷ trọng vốn đầu tư phân theo ngành kinh tế của các tỉnh miền Trung giai đoạn này có nhiều thay đổi theo hướng tăng dần tỷ trọng của khu vực dịch vụ. Cụ thể ở một số tỉnh có tỷ lệ vốn đầu tư vào ngành dịch vụ tăng đáng kể như vốn đầu tư vào khu vực dịch vụ của Thừa Thiên-Huế, Khánh Hòa năm 2011 là 59,74% và 60,69% thì đến năm 2015 đã tăng lên 71% và 63,03%. Một số tỉnh có tỷ trọng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp - xây dựng tăng như tỉnh Bình Định và Bình Thuận tăng từ 44,93% và 32,71% năm 2011 lên tương ứng 52,3% và 38,2% năm 2015.

2.1.2.2. Văn hóa-xã hội

Dân số trung bình của các tỉnh miền Trung theo thống kê năm 2014 (phụ lục 2) hơn 19,173 triệu người, chiếm 21,6% dân số cả nước, mật độ bình quân là 200 người/km², phần lớn dân cư sinh sống ở khu vực nông thôn. Lao động (từ 15 tuổi trở lên) các tỉnh miền Trung năm 2012 là khoảng 11.359 nghìn người, trong đó lao động qua đào tạo mới chiếm được 14,9% tổng lực lượng lao động. Lao động của các tỉnh, thành phố miền Trung chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực nông nghiệp (chiếm 48,6%), tỷ lệ lao động làm việc ở ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống còn thấp (4,2%).

2.1.3. Tình hình phát triển du lịch các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010 - 2015

2.1.3.1. Hệ thống cơ sở dịch vụ

a. Hệ thống các cơ sở lữ hành

Hoạt động kinh doanh lữ hành tại các tỉnh miền Trung khá ổn định và phát triển nhanh. Số lượng các doanh nghiệp lữ hành tăng qua các năm. Từ 203 đơn vị kinh doanh lữ hành trong năm 2001 đến năm 2015 có 523 doanh nghiệp lữ hành với 143 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế (xem bảng 2.1).

Bảng 2.1: Số doanh nghiệp hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Trung năm 2015*Đơn vị tính: Doanh nghiệp*

STT	Tỉnh	Đơn vị lữ hành		Lưu trú	STT	Tỉnh	Đơn vị lữ hành		Lưu trú
		Quốc tế	Trong nước				Quốc tế	Trong nước	
1	Thanh Hoá	4	18	500	8	Quảng Nam	5	36	116
2	Nghệ An	8	28	532	9	Quảng Ngãi	1	11	72
3	Hà Tĩnh	1	7	108	10	Bình Định	3	14	72
4	Quảng Bình	4	17	268	11	Phú Yên	3	10	117
5	Quảng Trị	1	8	84	12	Khánh Hoà	36	90	511
6	TT. Huế	31	66	524	13	Ninh Thuận	3	8	67
7	Đà Nẵng	28	138	326	14	Bình Thuận	15	72	210

Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/ thành phố miền Trung

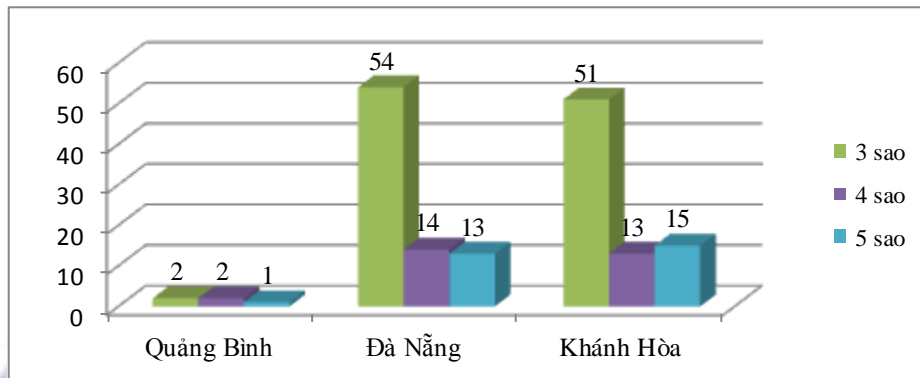
Hoạt động lữ hành tại các tỉnh miền Trung cũng còn nhiều hạn chế do sự cạnh tranh không lành mạnh như giảm giá tour, giảm giá các dịch vụ để thu hút khách, nên không đảm bảo chất lượng dịch vụ. Thiếu cán bộ giỏi làm công tác thị trường, tham gia hội chợ quốc tế, tổ chức Famtour, chưa tạo được nhiều nguồn khách trực tiếp từ các thị trường trọng điểm có sức chi trả cao. Việc phối hợp, hợp tác giữa lữ hành và khách sạn vẫn còn hạn chế, chưa tạo được mối quan hệ gắn kết khai thác có hiệu quả.

Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp lữ hành được đánh giá thông qua một số các chỉ tiêu như: các dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp; loại khách mà doanh nghiệp phục vụ; thời điểm lượng du khách tăng cao và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp lữ hành quốc tế là doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhiều doanh nghiệp có quy mô 10 - 15 nhân viên. Điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ việc vận hành hoạt động của doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện, hiện đại; tỉ lệ hướng dẫn viên du lịch được cấp thẻ hướng dẫn viên quốc tế ngày càng cao. Các doanh nghiệp lữ hành đáp ứng tốt được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

b. Hệ thống cơ sở lưu trú

Theo thống kê của các Sở VHTT&DL các tỉnh miền Trung năm 2015, tổng số cơ sở lưu trú của các tỉnh miền Trung là 3.507 với số buồng/phòng đạt 84.894. Mặc dù số lượng các cơ sở lưu trú được xếp hạng sao tăng 6%/năm và số lượng buồng được xếp hạng tăng 5,6%/năm, nhưng hiện nay số cơ sở lưu trú quy mô trên 100

phòng chưa nhiều và không đồng bộ nên khó có thể đáp ứng những đoàn khách lớn khoảng 200 người. Đối với các địa phương Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa số cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế như sau: (xem biểu đồ 2.1)



Nguồn: Tổng cục du lịch năm 2015

Biểu đồ 2.1: Số lượng cơ sở lưu trú đã xếp hạng tại 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa

Hiện trạng cơ sở lưu trú thứ hạng thấp đang quá nhiều, số KS cao cấp còn ít dẫn đến tình trạng thiếu buồng phòng có chất lượng cao vào mùa cao điểm tại thành phố trung tâm du lịch ngày càng được nhiều khách quốc tế lựa chọn này.

c. Hệ thống các cơ sở ăn uống

Hệ thống các cơ sở ăn uống ở các tỉnh miền Trung cũng phát triển từ các quán ăn bình dân, đặc sản biển đến các quán ăn Âu, Á sang trọng. Hầu hết các KS, nhà nghỉ đều có bộ phận ăn uống phục vụ khách lưu trú và khách ngoài KS ăn thường hoặc dự tiệc.

Hệ thống các nhà hàng tại các tỉnh miền Trung phát triển khá nhanh, đa dạng và phong phú. Với các nhà hàng có quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn đã đáp ứng được nhu cầu ẩm thực của nhiều đối tượng du khách khi đến các tỉnh miền Trung. Đáng chú ý là chuỗi nhà hàng đặc sản. Ngoài ra, những nhà hàng lớn, có thương hiệu trong ngành kinh doanh ẩm thực của các tỉnh miền Trung luôn chú trọng việc tân trang không gian, phong cách phục vụ, thực đơn phục vụ thực khách và công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

Các quán ăn cao cấp tập trung phần lớn ở các địa phương có điểm du lịch hấp dẫn và trong các khách sạn lớn; phục vụ chủ yếu các món đặc sản biển, món ăn Việt

Nam. Các nhà hàng Âu, Á có quy mô tương đối lớn, chủ yếu đặt tại các khách sạn đạt tiêu chuẩn 3- 5 sao, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Ở các nhà hàng cao cấp, đảm bảo chất lượng SP và VSATTP; khách du lịch còn có thể được thưởng thức văn hóa nghệ thuật truyền thống. vẫn còn một số lượng lớn các nhà hàng ở quy mô vừa và nhỏ, các điều kiện phục vụ và điều kiện vệ sinh hạn chế, mang đậm phong cách nghiệp dư.

d. Hệ thống các cơ sở vận chuyển du lịch

Dịch vụ vận chuyển du lịch tại các tỉnh miền Trung khá thuận tiện, phong phú và đa dạng, với nhiều loại hình khác nhau:

- *Đường bộ*: Phương tiện vận chuyển đường bộ nội thành rất phong phú, bao gồm: xích lô, taxi, xe buýt... Du khách có thể thoải mái tự do lựa chọn phương tiện phù hợp khi tham quan thành phố và các danh lam thắng cảnh.

- *Đường hàng không*: Hiện nay, ngoài Vietnam Airlines, Air Mekong, Vasco, Jetstar Pacific Airlines và Vietjet Air, thì tại các thành phố còn có 4 hãng hàng không khác khai thác các chuyến bay quốc tế trực tiếp đến các tỉnh miền Trung.

- *Đường thủy*: Hiện nay, vận tải bằng đường thủy tại các tỉnh miền Trung phát triển cả nội địa lẫn quốc tế.

- *Đường sắt*: Do địa hình, đường sắt đi qua tất cả các tỉnh miền Trung. Ga đến tỉnh miền Trung được xem là ga lớn tốt nhất và phần lớn nằm trong nội thị thành phố.

e. Hệ thống các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao

Ở các tỉnh miền Trung, các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí cũng bước đầu hình thành tập trung ở trung tâm của tỉnh (thành phố) hoặc tự phát hình thành những khu vực riêng, chuyên cung ứng một vài loại hình dịch vụ đặc trưng như karaoke; quán bar; tiệm café... phần lớn các dịch vụ trên chỉ dừng lại ở việc phục vụ nhu cầu của người dân địa phương, cũng như một số khách du lịch nội địa. Ngoài ra, cũng có những dịch vụ giải trí mới được đưa vào khai thác phục vụ khách như lướt ván, đua mô tô, dù bay, dịch vụ vui chơi giải trí có thưởng dành cho người nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay các tỉnh miền Trung chưa có các khu vui chơi giải trí tập trung đủ sức thu hút du khách, đặc biệt là các loại hình giải trí cao cấp. Các loại hình giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng dịch vụ ở các tỉnh miền Trung chưa nhiều.

2.1.3.2. Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch

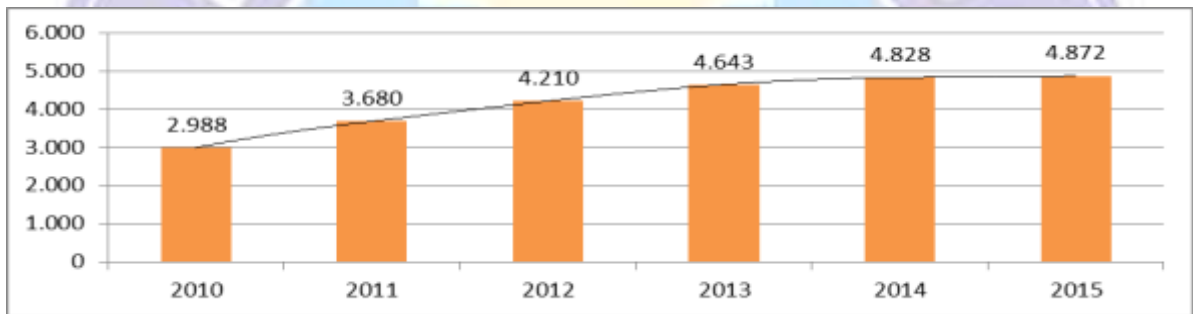
a. Thị trường khách du lịch

Trong giai đoạn 2010 - 2015, tình hình thế giới có nhiều biến động, sự suy thoái kinh tế tài chính toàn cầu đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp du lịch. Tuy nhiên, nhờ có các chương trình và những sự kiện nổi bật của các tỉnh miền Trung mà hoạt động du lịch được đẩy mạnh và giữ vững tốc độ tăng trưởng khách du lịch 14,06%/năm.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung từ 2010-2015 như sau: (xem biểu đồ 2.2)

- Khách du lịch quốc tế đến các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010-2015

Đơn vị tính: Nghìn lượt khách



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Biểu đồ 2.2: Số lượng khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung (2010 - 2015)

Về tốc độ tăng trưởng lượng khách quốc tế có chiều hướng ngày càng tăng lên. tốc độ tăng trưởng trung bình của khách du lịch quốc tế đến các tỉnh miền Trung tương đối cao (14,06%/năm). Năm 2010 số lượng khách quốc tế đến miền Trung là 2,988 nghìn lượt, đến năm 2012 con số này đã đạt 4,210 nghìn lượt khách, năm 2013 với số tăng trưởng ấn tượng là 4,643 nghìn lượt khách và năm 2014 là 4,828 nghìn lượt khách.

Vào năm 2014, khi nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng dần phục hồi thì lượng du khách quốc tế lại tăng lên đáng kể. Lượng du khách quốc tế đến miền Trung năm 2014 đã tăng 23,17% so với năm 2013 (đạt 4.828,76 nghìn lượt khách). Năm 2015, tăng nhẹ đạt 4.872 nghìn lượt khách.

Giai đoạn 2010 - 2013, theo Tổng cục Du lịch, lượng khách quốc tế đến Quảng Bình tăng 9%/năm, doanh thu tăng bình quân 14%/năm; đến Đà Nẵng tăng bình quân 20%/năm, doanh thu tăng 22%/năm; đến Khánh Hòa tăng 18%/năm, doanh thu tăng 16% năm.

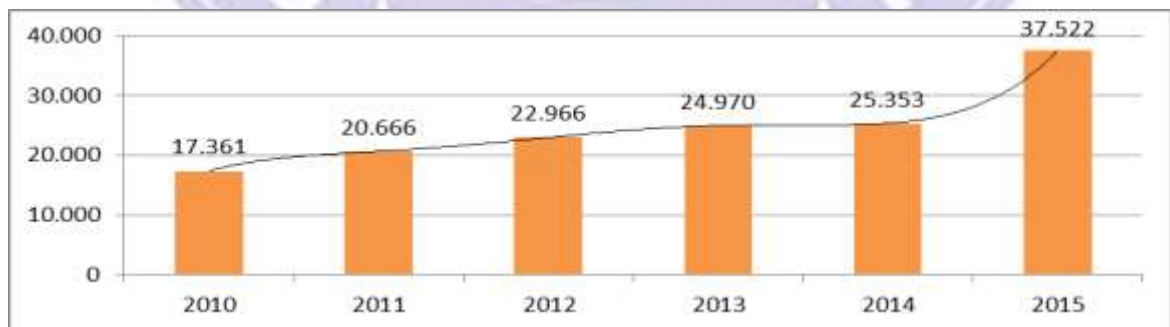
Giai đoạn 2013 - 2015, trong bối cảnh thị trường du lịch ẩm đạm thì tổng lượt khách quốc tế đến tham quan du lịch tại Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa đạt 12,4 triệu lượt, tăng 21% năm.

Những năm qua, thị trường khách đã có sự chuyển biến tích cực, với sự tăng trưởng của thị trường khách Đông Bắc Á (Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc), ASEAN... đặc biệt là khách Trung Quốc đến 2 tỉnh Đà Nẵng và Khánh Hòa tăng đột biến. Như vậy, ngoài các thị trường truyền thống ở khu vực châu Âu như Pháp, Anh, Đức hay thị trường châu Mỹ như Bắc Mỹ, thị trường khách có sự chuyển dịch sang khu vực châu Á với mức tỷ trọng là 53,35% trong năm 2009. Ngoài ra, việc hình thành các tuyến đường xuyên Á, đặc biệt là tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây mà miền Trung là cửa ngõ mở ra Biển Đông và Thái Bình Dương là nhân tố vô cùng thuận lợi cho việc thu hút khách hay nối tour với các tuyến du lịch của các nước trong vùng qua Thái Lan và Lào.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, khách nội địa đến các tỉnh miền Trung từ 2010-2015 như sau: (xem biểu đồ 2.3)

- Khách du lịch nội địa đến các tỉnh miền Trung giai đoạn 2010-2015

Đơn vị tính: Nghìn lượt khách



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Biểu đồ 2.3: Số lượng khách nội địa đến các tỉnh miền Trung (2010 - 2015)

Trong những năm qua, khách du lịch nội địa đến miền Trung luôn chiếm số lượng lớn và có xu hướng tăng dần tỷ trọng trong tổng lượng du khách đến miền Trung. Trong bối cảnh chung của cả nước, những năm gần đây, hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung tăng trưởng nhanh, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng khách du lịch nội địa. Số lượng khách nội địa đến du lịch tại các tỉnh miền Trung cũng ngày càng tăng, chiếm thị phần lớn hơn so với khách quốc tế. Năm 2010 khách du lịch nội địa đến các tỉnh miền Trung là 17.361,64 nghìn lượt khách, năm 2012 là 22.966,22 nghìn lượt khách và năm 2014 là 24.970,55 nghìn lượt khách. Năm 2015 đạt con số ấn tượng là 37.522 nghìn lượt khách. Với tốc độ tăng trưởng khách bình quân là 17,6% năm. Sự tăng trưởng mạnh của lượng du khách nội địa đã phần nào cho thấy được sự thành công của các tỉnh miền Trung trong việc khai thác thị trường này trong những năm vừa qua.

2.1.4. Một số nhận xét về sự phát triển du lịch bền vững của các tỉnh miền Trung

Như vậy, thời gian qua du lịch miền Trung đã có những bước phát triển nhanh chóng và có những cố gắng nhất định trong định hướng phát triển du lịch bền vững. Tất cả các địa phương đều có ý thức về yêu cầu phát triển du lịch bền vững. Cụ thể:

Trong quy hoạch phát triển du lịch của mình, du lịch sinh thái luôn là loại hình được lựa chọn ưu tiên phát triển. Kết quả là loại hình du lịch sinh thái phát triển mạnh mẽ ở hầu hết các địa phương của miền Trung, tập trung là các khu du lịch sinh thái khai thác tài nguyên rừng tại các huyện phía tây và hệ sinh thái san hô, biển, đảo tại các huyện phía đông. Nổi bật trong đó là Khu du lịch sinh thái Phong Nha - Kẻ Bàng, Khu du lịch sinh thái Bà Nà, Vườn quốc gia Bạch Mã và hàng loạt khu du lịch sinh thái ở Khánh Hòa và các địa phương khác của miền Trung.

Vấn đề bảo vệ tài nguyên sinh học theo tiêu chuẩn IUCN được các địa phương quan tâm. Từ khi động Thiên Đường (Quảng Bình) được đưa vào khai thác, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình đã giao cho Công ty cổ phần tập đoàn Trường Thịnh khai thác động này và đã quy định Công ty này phải chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tạo nguồn bảo vệ tài

nguyên từ thu nhập du lịch. Các quy định về khai thác, bảo vệ, tạo nguồn bảo vệ môi trường đối với động Sơn Đòng càng nghiêm ngặt hơn. Cũng theo tiêu chuẩn IUCN, để bảo đảm quản lý cường độ sử dụng tại các điểm thu hút chính, nhiều địa phương đã thiết kế việc dàn trải du khách sang các không gian lân cận, giảm áp lực lên vùng được bảo vệ. Đối với Đà Nẵng là phát triển du lịch sinh thái, tắm khoáng ở các xã tây Hòa Vang, đối với Hội An là phát triển các điểm du lịch thứ cấp ngoại vi phổ cổ như làng rau Trà Quế, góm Thanh Hà, khu du lịch Cửa Đại và Cù lao Chàm. Trong các khu ngoại vi này, du lịch cộng đồng được các địa phương coi là hướng phát triển chính. Vai trò của các hội đoàn cộng đồng như hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh được phát huy trong định hướng phát triển và kiểm soát sự phát triển du lịch tại các địa phương này. Bên cạnh việc quy định các doanh nghiệp du lịch trong bảo vệ môi trường, các hoạt động giáo dục và tổ chức cho du khách có ý thức và trực tiếp tham gia vào các hoạt động thiện nguyện bảo vệ môi trường đã được thực hiện một cách có hệ thống. Từ phòng tiếp đón tại cổng cho đến dọc các tuyến đường trekking của Bạch Mã, các bảng nhắc nhở, giải thích các hành vi khuyến khích du khách cần thực hiện để bảo vệ môi trường (chẳng hạn, giải thích vì sao chúng ta không để các thùng rác trên tuyến trekking mà du khách phải tự mang rác ra khỏi rừng) được triển khai một cách chủ động và thuyết phục. Các resort ven biển tổ chức các hoạt động cho du khách tham gia làm vệ sinh bãi biển, tham gia làm sạch các làng, xóm được triển khai định kỳ hàng tháng, thậm chí hàng tuần vào mùa du lịch cao điểm.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn thấy có những bất cập về phát triển du lịch bền vững tại miền Trung. Một số khu du lịch tuy mang danh nghĩa là khu du lịch sinh thái nhưng hoạt động chưa bảo đảm các nguyên tắc của du lịch sinh thái. Một trường hợp điển hình là Khu du lịch sinh thái Bà Nà. Với mật độ xây dựng và mật độ du khách quá cao, dù đã nỗ lực trong xử lý chất thải nhưng ô nhiễm tiếng ồn, cường độ ánh sáng quá cao về đêm chắc chắn sẽ có ảnh hưởng nặng nề đến hệ sinh thái và cảnh quan tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa.

Các bãi biển đẹp của Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa đều được ưu tiên dành cho thu hút đầu tư nước ngoài, việc tham gia vào chuỗi giá trị du lịch của cộng đồng cư dân địa phương tại đây rất hạn chế. Các yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến hai tiêu chí cuối cùng của IUCN là mức độ thỏa mãn của du khách và của cư dân địa phương.

Về mặt quản lý nhà nước, một hệ thống các chính sách, các định hướng và tổ chức phối hợp giữa 4 chủ thể trong du lịch (Nhà nước, doanh nghiệp du lịch, du khách và cộng đồng cư dân địa phương) để bảo đảm đạt đầy đủ các tiêu chuẩn IUCN như các thủ tục đánh giá môi trường, sự kiểm soát hiện có đối với sự phát triển du lịch và mật độ sử dụng chưa được xây dựng. Hoạt động thanh tra thực hiện quy định về xử lý chất thải đối với các nhà hàng, khách sạn ven biển,.. chưa nghiêm.

Những mặt tích cực và những biểu hiện không bền vững của phát triển du lịch miền Trung nêu trên là kết quả của các hoạt động quản lý nhà nước về du lịch mà chúng ta sẽ xem xét cụ thể dưới đây.

2.2.1. Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch

Luật Du lịch đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01-6-2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch... Luật Du lịch ra đời có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển du lịch trong quá trình hội nhập. Những quy định trong Luật Du lịch về cơ bản đã tiếp cận được với Luật Du lịch của nhiều nước trên thế giới, tạo nên những nền tảng vững chắc để thu hút các doanh nghiệp du lịch nước ngoài đầu tư, hợp tác kinh doanh với Việt Nam, đồng thời thu hút ngày càng nhiều du khách quốc tế đến Việt Nam. Các nội dung quy định về bảo vệ và tôn tạo tài nguyên du lịch, quy hoạch du lịch, công nhận và tổ chức quản lý khu, tuyến, điểm du lịch và đô thị du lịch; tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, tiêu chuẩn hóa các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn, bảo hiểm du lịch và giải quyết yêu cầu, kiến nghị của

khách du lịch đều nhằm thể hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc nâng cao sức cạnh tranh, tính hấp dẫn của du lịch Việt Nam, bảo vệ quyền lợi chính đáng của khách du lịch và các nhà đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

Bên cạnh đó, các tỉnh miền Trung được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm từng bước xây dựng thành các trung tâm du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao. Cụ thể như Quyết định số 2782/QĐ-BVHTTDL ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án “*Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020*”; Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”; Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*”.

Tiếp thu, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch, Tỉnh ủy, UBND các tỉnh miền Trung đã cụ thể hóa và chỉ đạo Sở Du lịch tỉnh (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp các ngành và địa phương thông qua nhiều hình thức để tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh, nhất là các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch. Đến nay, có nhiều nơi đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khá tốt các chủ trương, chính sách này, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển KT-XH, góp phần cải thiện đời sống người dân tại địa phương; theo đó, nhận thức trong nhân dân về phát triển du lịch bền vững gắn với lợi ích cộng đồng dân cư cũng được nâng lên; có chuyên môn tốt trong việc chấp hành các quy định về bảo vệ và tôn tạo các khu, điểm du lịch; việc kinh doanh du lịch được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư và khai thác; chất lượng phục vụ du khách được nâng lên một bước; tình trạng tự ý nâng giá kinh doanh trong thời gian cao điểm đã giảm.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh du lịch những quy định của pháp luật về du lịch; thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động du lịch tại các khu, điểm và kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phản

ánh từ doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Cải cách một bước thủ tục đăng ký kinh doanh, xây dựng cơ bản, giao và cho thuê đất; tuy chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư nhưng cũng đã có thông thoáng hơn. Đồng thời, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các nghị quyết, chủ trương của tỉnh nhằm phát triển du lịch trên địa bàn đúng định hướng của Trung ương và tháo gỡ những vướng mắc có liên quan đến phát triển du lịch bền vững.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XX của thành phố Đà Nẵng, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã nêu nhiệm vụ: “Phát triển dịch vụ đa dạng, với tốc độ tăng trưởng cao hơn khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP, phân đầu sớm trở thành một trong bốn trung tâm thương mại – dịch vụ lớn, vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài. Đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch, thương mại, tài chính, ngân hàng và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: viễn thông, vận tải, cảng biển, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ. Khuyến khích sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu; tăng tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm chế biến.”

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI của tỉnh Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã nêu nhiệm vụ: “Từ năm 2010 đến năm 2015, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh phân đầu xây dựng Khánh Hòa thành trung tâm kinh tế - văn hóa - du lịch của cả nước, toàn tỉnh cơ bản đạt các tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung đạt được một số mục tiêu chủ yếu sau: Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm 12-13%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.000 USD vào năm 2015 (tăng 2 lần so với năm 2010); cơ cấu kinh tế chuyên dịch theo hướng dịch vụ - du lịch; công nghiệp - xây dựng; nông, lâm, thủy sản. Tỷ trọng dịch vụ - du lịch và công nghiệp - xây dựng cùng chiếm 45,5%, nông lâm thủy sản chiếm 9% GDP. Giá trị dịch vụ - du lịch tăng bình quân trên 14%. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân trên 17%.”

Đồng thời, Tỉnh ủy, UBND một số tỉnh miền Trung đã chỉ đạo tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết này cho từng giai đoạn nhằm rút ra những kinh nghiệm quý cho quá trình thực hiện những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, UBND các tỉnh miền Trung đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để chỉ đạo phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, như: Quyết định số 7346/QĐ-UBND ngày 17/9/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng về chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2007-2010; Quyết định số 5528/QĐ-UBND ngày 04/8/2011 của UBND thành phố về Chương trình phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND Ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển cầu tàu du lịch tại các điểm đến và tàu du lịch trong các tuyến du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 4349/KH-UBND ngày 03/7/2015 về Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Bài Chòi dân gian Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2020; Quyết định 1735/QĐ-UBND ngày 01/7/2015 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Quyết định 10/2015/QĐ-UBND ngày 3/6/2015 về Quản lý tổ chức hoạt động lặn biển và thể thao giải trí trên biển tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 4/5/2015 về việc Ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực du lịch tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 về phê duyệt Quy hoạch phát triển du lịch bền vững Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 về việc thành lập Trung tâm Thông tin xúc tiến Du lịch Quảng Bình; Quyết định 18/2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 về ban hành quy chế quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch: Sở Du lịch các tỉnh miền Trung đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong và ngoài tỉnh thực hiện công tác tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch ở những vùng trọng điểm: Phong Nha -

Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Nha Trang, Đà Nẵng... với nhiều hình thức như: thông qua các kênh truyền thông, báo chí, các sự kiện lễ hội trong và ngoài tỉnh, đẩy mạnh việc thực hiện các chuyên mục, chuyên đề, tin, bài viết về du lịch nhằm quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch các tỉnh miền Trung và hỗ trợ cơ sở kinh doanh du lịch quảng bá thương hiệu đến du khách và các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Công tác đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch: Được UBND các tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo, nhất là đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, nhằm thu hút và giữ chân du khách. Hiện nay, ngành du lịch của tỉnh đang chú trọng phát huy tối đa các ưu thế và nguồn lực, tranh thủ sự hợp tác với bên ngoài để phát triển du lịch biển-đảo-rừng-núi nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch và dịch vụ cao cấp, độc đáo có chất lượng và uy tín cao trên thị trường du lịch trong nước và khu vực, phát triển đa dạng các tuyến du lịch, các loại hình du lịch ven biển, trên biển, trên hệ thống đảo, quần đảo và dưới đáy biển. Tập trung khai thác các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch thể thao; du lịch khám phá rừng, biển, hang động; du lịch mạo hiểm; du lịch văn hoá; du lịch kết hợp nghiên cứu khoa học; các loại hình vui chơi giải trí bờ biển, trên biển ven bờ. Ngoài ra, UBND các tỉnh đã giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Công thương và các ngành chức năng nghiên cứu và xây dựng đề án khôi phục các làng nghề truyền thống trên địa bàn của tỉnh nhằm khai thác du lịch và nâng cao đời sống người dân địa phương, đồng thời, rà soát tài nguyên du lịch của từng địa phương làm cơ sở xây dựng sản phẩm đặc thù, hình thành tua, tuyến có sức thu hút, ít trùng lặp.

Công tác quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường xã hội làm cơ sở cho phát triển du lịch bền vững: Đề án khu bảo tồn sinh quyển đã được tổ chức UNESCO công nhận, thành lập Ban quản lý khu bảo tồn biển. Đây là dự án nhằm bảo tồn hệ sinh vật quý hiếm, có giá trị cao phục vụ cho việc cân bằng hệ sinh thái và tạo sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Các cấp chính quyền địa phương đã tăng cường phối hợp, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch đối với các đơn vị hoạt động kinh doanh du lịch. Tiến hành

các hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, những hoạt động cụ thể trên bước đầu đã khơi dậy ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường cảnh quan, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên để phục vụ phát triển du lịch bền vững. Các tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định tác động môi trường đối với các dự án. Trong từng dự án du lịch, báo cáo đánh giá tác động môi trường được đặc biệt quan tâm và có thẩm định theo quy định. Từng cơ sở lưu trú du lịch chính thức đi vào hoạt động kinh doanh đều có cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về giữ gìn và bảo vệ môi trường xã hội lành mạnh, văn hóa, văn minh nhằm ổn định và nâng cao đời sống nhân dân cũng như phát triển du lịch bền vững của các tỉnh miền Trung cũng được chú trọng. Thời gian qua, đã ban hành và triển khai Quy chế phối hợp giữa Công an và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tính để thường xuyên nắm bắt tình hình, trao đổi thông tin, rút kinh nghiệm, phối hợp kiểm tra nhằm kịp thời ngăn chặn các tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho du khách. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức an ninh cho nhân viên bảo vệ trong khách sạn tạo sự yên tâm cho du khách đến lưu trú. Khắc phục được hình ảnh xấu trong du lịch, như ăn xin, chèo kéo du khách tại các khu, điểm du lịch.

Như vậy, các tỉnh miền Trung đã tiếp thu, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch. Bên cạnh đó, cũng đã kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền để chỉ đạo, điều hành hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo đúng định hướng phát triển du lịch mà Trung ương và địa phương đã đề ra.

Tuy nhiên, về tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch, chúng ta có thể thấy một số bất cập.

Du lịch miền Trung phát triển chủ yếu trên loại hình du lịch biển. Tài nguyên biển hiện đang được nhiều ngành cùng khai thác sử dụng trong đó có cả ngành nuôi trồng thủy sản, vận chuyển và các ngành công nghiệp khác. Một đặc thù của vùng biển miền Trung là dòng hải lưu ven bờ hoạt động khá mạnh, chỉ cần một sự ô nhiễm môi trường biển tại một nơi nào đó, các bãi biển du lịch ở các địa phương khác trong vùng đều bị ảnh hưởng. Tuy rằng đã có hệ thống các quy phạm pháp luật chặt chẽ về bảo vệ môi trường, tuy nhiên, do áp lực thu hút đầu tư nước ngoài,

hiều địa phương đã xây dựng các khu công nghiệp ven biển và tại đây có các chính sách ưu đãi đầu tư bao gồm cả những điều kiện dễ dãi trong chính sách và kiểm soát việc xử lý chất thải trước khi đưa ra biển. Điều này ẩn chứa nguy cơ tiềm tàng đối với môi trường biển và phát triển bền vững du lịch miền Trung.

Xu hướng hiện nay của các địa phương miền Trung là phát triển du lịch về các huyện phía tây. Điều này dẫn đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng các khu du lịch sinh thái, thương mại hóa các hoạt động lễ hội của đồng bào dân tộc ít người và ở đây tiềm ẩn nhiều nguy cơ cho sự phát triển du lịch không bền vững với khu vực rất nhạy cảm này. Phải hết sức tỉnh táo, cần tránh bệnh thành tích, dễ dãi, cần nghiên cứu nghiêm túc các tác động đến môi trường đối với các dự án phát triển du lịch tại đây. Muốn vậy, cần phải có sự cụ thể hóa hệ thống pháp luật trong điều kiện từng địa phương. Trong khi vẫn tạo điều kiện phát triển du lịch, ngăn chặn trước các hoạt động lợi dụng để phá hoại rừng và ảnh hưởng đến việc bảo vệ bản sắc văn hóa tại đây.

2.2.2. Xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững

Căn cứ Luật Du lịch và các văn bản pháp luật có liên quan về quản lý quy hoạch, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý quy hoạch phát triển du lịch theo thẩm quyền, như: Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

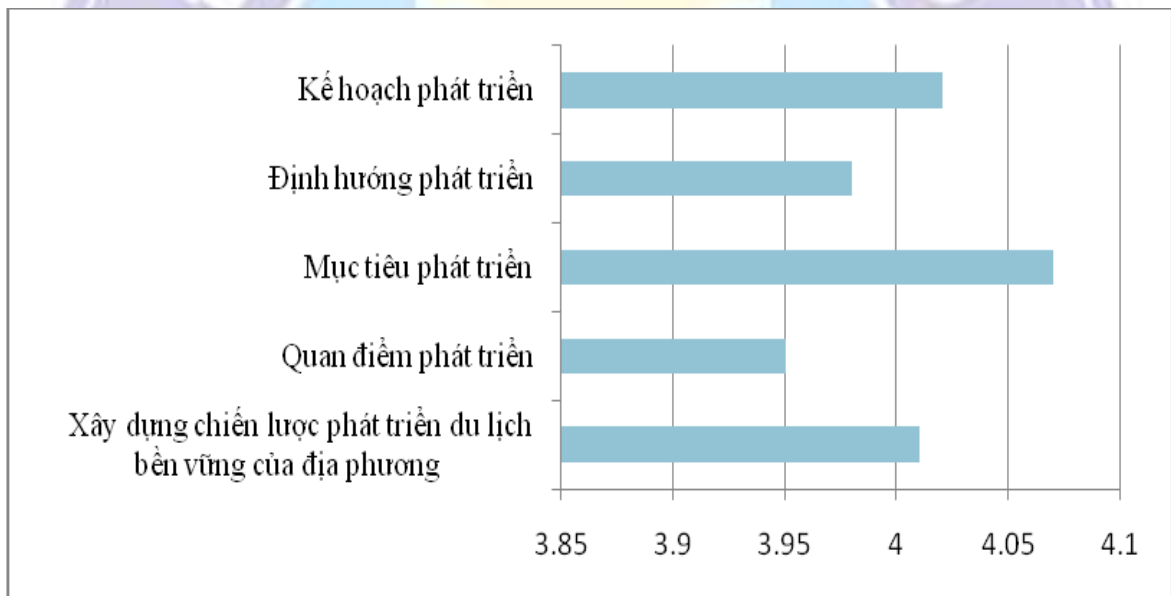
2.2.2.1. Thực trạng xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững

Nhận thức được những tiềm năng to lớn của du lịch ở các tỉnh miền Trung nên công tác xây dựng, quản lý quy hoạch và triển khai các chiến lược phát triển thời gian qua cũng sớm được thực hiện và hàng năm có tổng kết đánh giá để có phương án điều chỉnh kịp thời. Trong quá trình thực hiện và quản lý quy hoạch các tỉnh miền Trung đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, cho thấy: Chiến lược phát triển du lịch bền vững của địa phương được đánh giá với điểm là 4,09. Trong đó, các tiêu

chí như: quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển, chỉ tiêu kế hoạch phát triển và định hướng phát triển được đánh giá ở mức điểm đều từ 3,95 đến 4,07 điểm trở lên.

Định hướng phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung đã được thể hiện trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Tuy nhiên, chiến lược phát triển DL bền vững các tỉnh miền Trung mang định tính nhiều hơn, chưa xác định kế hoạch thời gian thực hiện những nội dung cụ thể trong từng giai đoạn, chưa xác định mục tiêu và kết quả cụ thể, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm thỏa mãn nhu cầu cho nhiều đối tượng khách; chưa xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia thực hiện, chưa xác định lịch trình thực hiện cụ thể, vì thế chưa thực sự tạo ra động lực để thu hút sự quan tâm của cộng đồng dân cư địa phương trong những hoạt động vì DL và vì du khách.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.4: Kết quả khảo sát về chiến lược phát triển du lịch bền vững

Từ số liệu khảo sát trên, cho thấy hiệu quả thực hiện định hướng phát triển du lịch còn mờ nhạt. Những định hướng phát triển về thị trường, sản phẩm cạnh tranh, đầu tư, phát triển nguồn lực lao động, hoạt động sự kiện du lịch trọng điểm con đường di sản đã được xác định, song việc định hướng mang tính đồng thời mà chưa có kế hoạch huy động nguồn kinh phí giải quyết dứt điểm từng lĩnh vực nên kết quả thể hiện mờ nhạt.

Du lịch bền vững đòi hỏi sự tham gia tích cực của cộng đồng cư dân địa phương cả trong định hướng phát triển du lịch và kinh doanh du lịch, sự tham gia có trách nhiệm của du khách và doanh nghiệp. Ngày nay, ý thức của du khách về môi trường ngày càng cao, từ đó các loại hình du lịch mới ra đời. “Du lịch sáng tạo (Creative tourism)” trong đó du khách không chỉ là người đứng ngoài, tham quan, thăm thú mà tích cực tham gia vào cuộc sống người dân sở tại, chia sẻ trách nhiệm cùng họ về bảo vệ môi trường, “Du lịch cộng đồng”, “Du lịch có trách nhiệm”,... Các chiến lược phát triển du lịch của các địa phương chưa chú trọng phát triển các loại hình du lịch này.

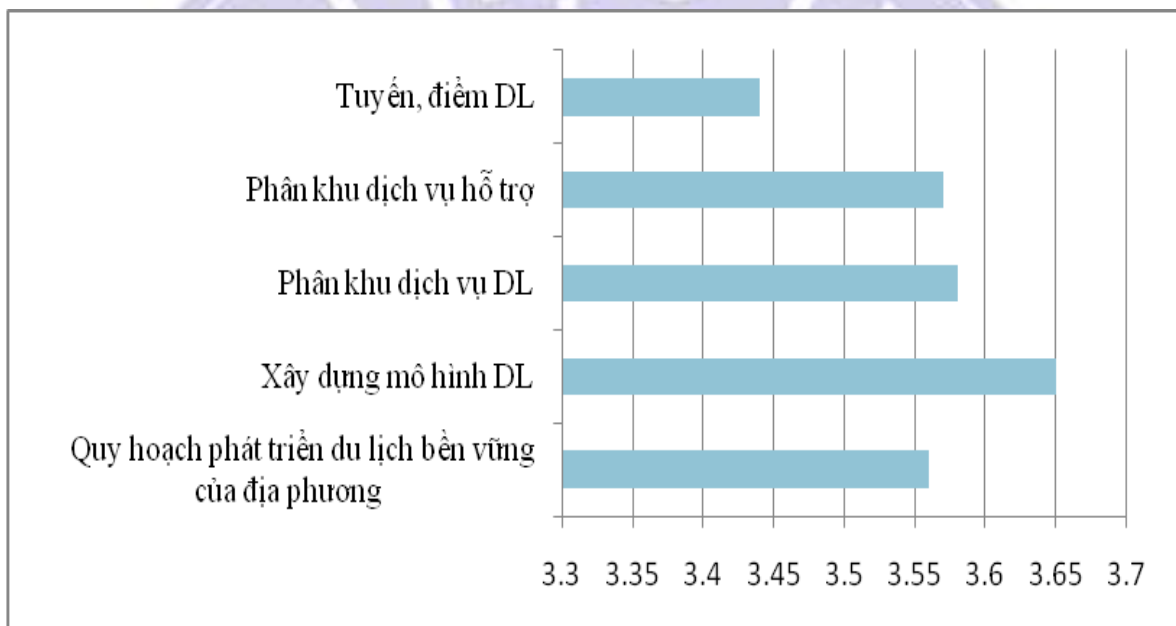
Theo IUCN, để phát triển bền vững, chiến lược phát triển du lịch cần phải lồng ghép với các chương trình cộng đồng khác. Hiện nay, các địa phương đều có chương trình xóa đói giảm nghèo, đề án xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng khu dân cư văn hóa mới”. Các chiến lược phát triển du lịch chưa lồng ghép và khai thác các chương trình này nên sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương vào định hướng phát triển du lịch và kinh doanh du lịch chưa cao, các nguồn kinh phí đầu tư cho các chương trình bị dàn trải.

Trong chiến lược phát triển du lịch, chiến lược thị trường chưa được xây dựng có cơ sở khoa học chắc chắn dẫn đến bị động về thị trường. Khánh Hòa và Ninh Thuận có thời gian lệ thuộc vào thị trường Nga. Khi thị trường này bị suy giảm, hoạt động kinh doanh du lịch bị suy thoái mạnh. Một chiến lược thị trường bảo đảm sự đa dạng thị trường sẽ giúp cho sự phát triển bền vững của du lịch.

2.2.2.2. Thực trạng quy hoạch phát triển du lịch bền vững

Trên cơ sở chiến lược phát triển du lịch bền vững của từng địa phương giai đoạn 2010 - 2020, sau khi thu phiếu khảo sát, tổng hợp ý kiến đánh giá từ 4 loại phiếu khảo sát (phụ lục 3,4,5,6) về du lịch miền Trung và xử lý kết quả bằng phần mềm excel thu được kết quả đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp hoạt động du lịch và khách du lịch về quản lý nhà nước địa phương nhằm phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung. (phụ lục 13,14)

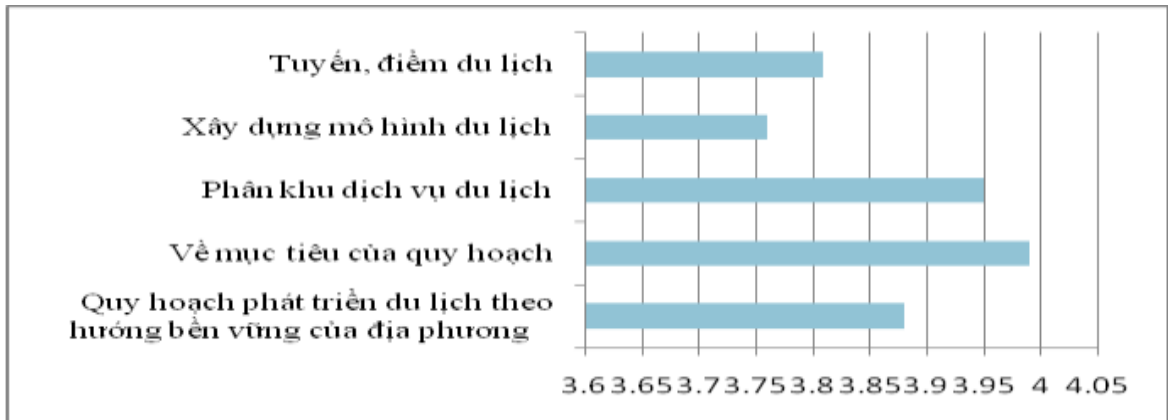
Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước về thực trạng công tác quy hoạch của các địa phương miền Trung có mức điểm trung bình là 3,56, tương ứng với mức khá đã khẳng định đây là một khâu tương đối được quan tâm của địa phương các tỉnh miền Trung. Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức tốt là 57,2%, trung bình 41,3%, kém 1,5%. Các chỉ tiêu cụ thể như việc xây dựng mô hình DL, phân khu DV DL; phân khu DV hỗ trợ và hệ thống tuyến điểm đều được đánh giá mức điểm từ 3,44 đến 3,65 điểm.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.5: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước về thực trạng quy hoạch phát triển du lịch bền vững

Kết quả khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch về thực trạng công tác quy hoạch của các địa phương miền Trung có mức điểm trung bình là 3,88, tương ứng với mức khá. Tỷ lệ ý kiến đánh giá ở mức rất tốt là 8,2%, tốt là 75,4%, trung bình 12,5%, kém 3,9%. Các chỉ tiêu cụ thể như việc xây dựng mô hình DL, phân khu DV DL; phân khu DV hỗ trợ và hệ thống tuyến điểm đều được đánh giá mức điểm từ 3,76 đến 3,99 điểm.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.6: Kết quả khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch về thực trạng quy hoạch phát triển du lịch bền vững

Sở dĩ kết quả đánh giá thấp như trên là do chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch trước đây của các địa phương miền Trung còn nhiều hạn chế. Nhiều nơi, hoạt động DL diễn ra tự phát, lộn xộn, sản phẩm dịch vụ không có phong cách riêng, thị trường mục tiêu không rõ ràng, không tạo lập được nhiều giá trị hưởng thụ cho du khách. Quy hoạch mang nặng ý chí chủ quan, ít bám sát nhu cầu và xu hướng thị trường; quy trình lập quy hoạch tổng thể vùng được thực hiện từ trên xuống (top-down), gần như không có sự tham gia của cộng đồng DN, cộng đồng dân cư; phương pháp lập quy hoạch hiện đại (phương pháp bản đồ GIS) chưa được sử dụng một cách hiệu quả và hợp lý; thiếu sự đúc rút kinh nghiệm từ các chuyên gia và từ các điểm đến thành công trên thế giới.

Việc thực hiện quy hoạch không đạt mục tiêu đề ra; việc quản lý quy hoạch chưa đến nơi đến chốn. Đặc biệt, do tính chất đặc thù của ngành DL mà quy hoạch DL phụ nhiều vào quy hoạch các ngành khác. Một số cán bộ quy hoạch chưa có quan điểm, tầm nhìn đúng đắn trong quản lý quy hoạch nên quy hoạch phát triển DL luôn bị tác động, làm biến dạng bởi quy hoạch các ngành khác, vì mục tiêu trước mắt đã phá vỡ không gian DL và hủy hoại tài nguyên DL.

Hiện nay, trong công tác chỉ đạo điều hành, UBND các tỉnh đã quan tâm đến các giải pháp tổng thể dài hạn. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch. Bên cạnh việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020, tầm nhìn 2030, các tỉnh miền Trung đang triển khai các quy hoạch ngành, lĩnh vực,

trong đó có quy hoạch phát triển DL với 5 chủ thể, về cơ bản đã khái quát được toàn bộ tiềm năng, lợi thế DL của địa phương các tỉnh miền Trung; có nhiều ý tưởng đột phá, đồng thời đưa ra được hướng khai thác hiệu quả và phù hợp với xu thế phát triển của từng địa phương. Các địa phương gần không gian di sản sẽ phát triển thành một trung tâm DL DV có tính đa dạng và tổng hợp cho phép đáp ứng nhu cầu của khách quốc tế, kéo dài thời gian lưu lại điểm đến và có được trải nghiệm thú vị. Bước đầu đã có phân khu DV DL theo từng phân khúc thị trường; những dự án SPDL mới, hấp dẫn. Ngoài những quy hoạch tổng thể, UBND các tỉnh/thành phố cũng có những quy hoạch về công tác quản lý hoạt động du lịch.

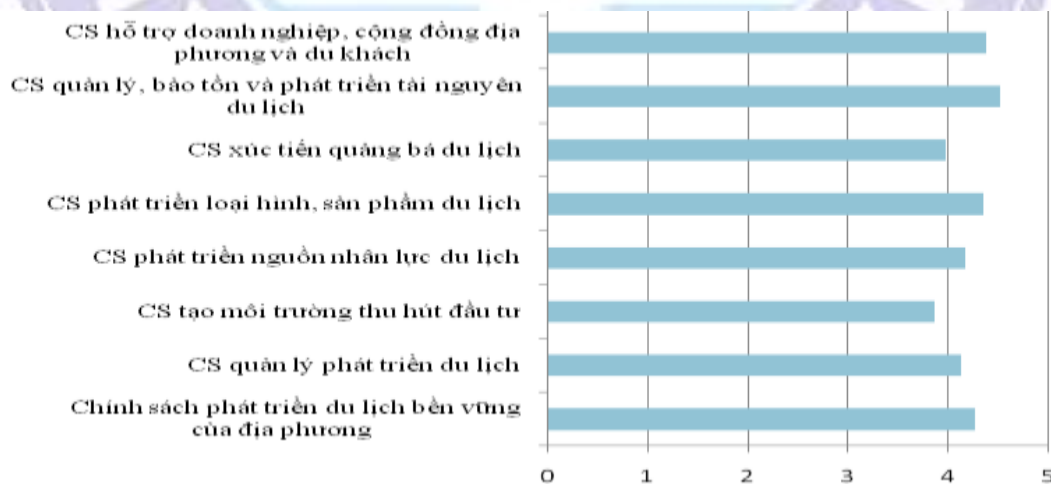
Bám sát chỉ thị 18/CT-BVHTT&DL ngày 6/2/2012 về tổ chức triển khai "Chiến lược phát triển DL Việt Nam đến 2020, tầm nhìn 2030" và quyết định phê duyệt đề án phương hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Các tỉnh từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh: tập trung khai thác tiềm năng và thế mạnh về các loại hình du lịch lịch sử, du lịch văn hoá, du lịch biển với trung tâm du lịch là thành phố Vinh và vùng phụ cận. Các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi: tập trung khai thác tiềm năng và thế mạnh về di sản văn hóa, nhất là các di sản đã được xếp hạng di sản thế giới trên địa bàn, di tích lịch sử, cách mạng, các giá trị thiên nhiên của núi và biển để phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng các khu du lịch biển, khu vui chơi giải trí thể thao biển đạt trình độ quốc tế. Chú trọng cả phát triển du lịch theo tuyến hành lang Đông - Tây. Trung tâm du lịch là tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn. Các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận: Trung tâm du lịch là thành phố Nha Trang, Phan Thiết phát triển du lịch dựa trên việc phát huy tiềm năng và lợi thế về du lịch biển là chủ yếu. Đầu tư xây dựng các khu du lịch biển quy mô lớn với trang thiết bị hiện đại đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch có thu nhập cao. Phát triển các loại hình du lịch có khả năng đáp ứng được nhu cầu đa dạng với thời gian dài cho khách du lịch thông qua việc xây dựng các chương trình du lịch tạo được sự gắn kết giữa sinh thái biển của các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ với sinh thái rừng núi, cao nguyên và bản sắc văn hoá của các dân tộc Chăm và Tây Nguyên.

Hiện nay, công tác quy hoạch du lịch ở các địa phương miền Trung mới chỉ tập trung quy hoạch phát triển các nơi có tài nguyên du lịch đặc sắc như các bãi biển

đẹp, hệ thống hang động Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình), khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa, Rừng đặc dụng Bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), hệ thống các đảo Khánh Hòa, hoàng thành Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). Chúng có điều kiện thu hút du khách khối lượng lớn, thu hút những nhà đầu tư lớn, hình thành các trung tâm du lịch. Tuy nhiên, điều này dễ dẫn đến sự gia tăng quá mức chịu đựng của tài nguyên và môi trường tại chỗ và ngay thời điểm bây giờ chúng ta cũng đã có thể chứng kiến tình trạng này ở phố cổ Hội An (Quảng Nam), Phong Nha và Thiên Đường (Quảng Bình). Quy hoạch phát triển du lịch khai thác các điểm du lịch có tài nguyên du lịch kém hấp dẫn hơn, hình thành các điểm du lịch ngoại vi quanh các trung tâm lớn này để dẫn dòng du khách và thu hút các nhà đầu tư quy mô nhỏ của địa phương là cần thiết hiện nay.

2.2.2.3. *Thực trạng các chính sách phát triển du lịch bền vững*

Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, cho thấy: chính sách phát triển du lịch bền vững của địa phương được đánh giá khá cao với điểm số là 4,26. Trong đó, các tiêu chí như: CS quản lý phát triển du lịch, CS phát triển nguồn nhân lực du lịch, CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch, CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch, CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách, Việc đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội đều đạt điểm 4 trở lên, riêng chỉ có CS tạo môi trường thu hút đầu tư và CS xúc tiến quảng bá du lịch chỉ đạt 3,97 và 3,86.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.7: Kết quả khảo sát về chính sách phát triển du lịch bền vững

Đánh giá chính sách phát triển du lịch bền vững của doanh nghiệp hoạt động du lịch mức tốt với điểm là 4,09. Trong đó, các tiêu chí như: CS tạo môi trường thu hút đầu tư là 3,81 điểm, CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch là 3,97 điểm, CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách chỉ là 3,88 điểm. Còn lại các tiêu chí: CS quản lý phát triển du lịch, CS phát triển nguồn nhân lực du lịch, CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch, CS xúc tiến quảng bá du lịch, Việc ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội đạt 4 điểm trở lên.

Theo khảo sát thực trạng quản lý nhà nước với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung thì việc triển khai xây dựng quy hoạch và bảo tồn, tôn tạo các khu du lịch, di tích trọng điểm tại một số tỉnh miền Trung đã và đang được thực hiện ở các khu di tích - danh thắng Hàm Rồng, khu di tích Thành Nhà Hồ, khu di tích đền Bà Triệu (Thanh Hóa); khu du lịch Kim Liên (Nghệ An), khu lưu niệm Nguyễn Du, khu di tích Ngã Ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh); khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng (Quảng Bình); khu du lịch Lăng Cô-Cảnh Dương, điểm du lịch Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế); khu du lịch Sơn Trà, khu du lịch Bà Nà, điểm du lịch Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng); khu du lịch Cù Lao Chàm, điểm du lịch Mỹ Sơn, điểm du lịch Hội An (Quảng Nam); khu du lịch Mỹ Khê, điểm du lịch Lý Sơn (Quảng Ngãi); khu du lịch Phương Mai (Bình Định); khu du lịch Vịnh Xuân Đài (Phú Yên); khu du lịch Bắc Cam Ranh, điểm du lịch Trường Sa (Khánh Hòa); khu du lịch Ninh Chữ (Ninh Thuận); khu du lịch Mũi Né, điểm du lịch Phú Quý (Bình Thuận).

Hàng năm, các tỉnh miền Trung đã duy trì tổ chức các lễ hội tiêu biểu của địa phương, thực hiện công tác sưu tầm, nghiên cứu, phục hồi các loại hình dân ca, dân vũ, âm nhạc dân gian, hoa văn trang phục, sinh hoạt nghi lễ (các nghi lễ vòng đời, nghi lễ nông nghiệp, nghi lễ của những người hành nghề tôn giáo...), nghề thủ công truyền thống (đan lát, đóng thuyền, làm gốm, dệt thổ cẩm, chế tác nhạc cụ...), cách chế biến món ăn truyền thống, y dược học dân gian, trò chơi dân gian, luật tục quản lý xã hội...

Qua phân tích kết quả khảo sát cho thấy các chính sách ưu đãi áp dụng cho các địa phương chưa đồng bộ và chưa đủ sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư nhằm bù đắp

được những bất lợi về điều kiện địa lý và các điều kiện về kinh tế-xã hội, nhất là sự yếu kém của cơ sở hạ tầng. Tất cả các địa phương đều tổ chức các định chế hỗ trợ doanh nghiệp trong đầu tư và thương mại, nhưng do thiếu đầu tư đúng mức về kinh phí và nhân lực nên hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao. Tuy các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện môi trường, thể chế nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư, nhưng theo kết quả đánh giá của VCCI về cạnh tranh địa phương (PCI) trong những năm gần đây vẫn chưa cải thiện đáng kể. Trừ Thành phố Đà Nẵng, các địa phương khác đều có chỉ số PCI thể hiện mức độ cạnh tranh thấp. Do điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau, nên từng địa phương và tùy theo đặc điểm của từng khu công nghiệp, khu kinh tế, các địa phương được Trung ương cho áp dụng chính sách ưu đãi về thuế và đất đai khác nhau. Nhiều nơi được áp dụng chính sách ưu đãi ở mức cao nhất đối với những địa bàn khó khăn của nước ta về giá đất và thuế thu nhập doanh nghiệp.

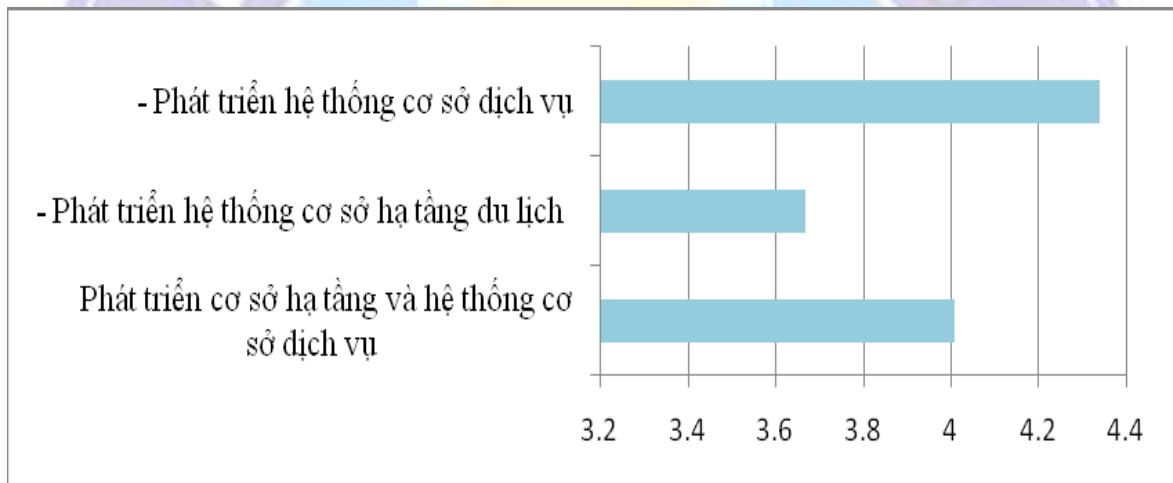
Với đặc thù là phát triển các loại hình du lịch chủ yếu dựa vào các tài nguyên du lịch tự nhiên như tài nguyên biển, cảnh quan và hệ động thực vật, các hang động,... trong khi các chính sách hỗ trợ cho sự đa dạng hóa các loại hình du lịch khác như du lịch MICE, du lịch tham quan di tích lịch sử, du lịch tâm linh chưa có, điều này dẫn đến tính thời vụ trong du lịch ở miền Trung là khá cao. Vì vậy, ở đây vào mùa du lịch, áp lực về mật độ du khách rất cao trong khi hiệu quả kinh doanh mà doanh nghiệp du lịch nhận được lại không tốt.

Hiện tượng ảm lên của khí hậu toàn cầu dẫn đến khả năng nước biển dâng và hiện tượng xâm thực mạnh ở các vùng ven biển chưa được quan tâm đúng mức với sự cấp thiết của vấn đề. Hiện nay điều ấy đã là thực tế của các resort ven biển Cửa Đại Hội An, Quảng Nam. Doanh nghiệp và dư luận xã hội qua báo chí đã báo động từ cách đây ba năm, bản thân các resort đã đầu tư chắn sóng nhưng không thể nào hiệu quả. Cho đến nay, chính quyền thành phố Hội An và tỉnh Quảng Nam vẫn đang để doanh nghiệp tự giải quyết, chưa có chính sách và nỗ lực đầu tư bảo vệ bãi biển cho toàn khu vực.

2.2.2.4. *Thực trạng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch*

Từ năm 2001, thực hiện chủ trương tập trung cho phát triển du lịch theo công văn số 1095/CP-KHTH ngày 28/11/2000 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng hạ tầng các khu du lịch, hàng năm ngân sách nhà nước đã dành một khoản để

hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch của các địa phương. Trên cơ sở đó, hàng năm Nhà nước đã hỗ trợ cho các tỉnh miền Trung nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch. Vận dụng chính sách của Nhà nước về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, các tỉnh miền Trung bố trí nguồn vốn đối ứng của địa phương để lập quy hoạch chuẩn bị đầu tư, dự án chi tiết, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình hạ tầng du lịch. Được sự hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng du lịch của Tổng cục Du lịch (thuộc Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch) và từ ngân sách địa phương, một số công trình giao thông vào các khu, điểm du lịch đã được quan tâm đầu tư phát triển, nguồn vốn này đóng vai trò là nguồn vốn “mồi” góp phần quan trọng vào việc thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến với các tỉnh miền Trung.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.8: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước về phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ sở dịch vụ

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng du lịch của trung ương và địa phương nêu trên, các tỉnh miền Trung còn được Nhà nước đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho nhiều dự án công trình kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn mang tầm cỡ quốc gia có tác động mạnh mẽ đến phát triển du lịch của tỉnh. Việc đầu tư hạ tầng du lịch và các dự án công trình kinh tế - kỹ thuật của những năm qua đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch các tỉnh miền Trung phát triển trong hiện tại và tương

lai sẽ phát triển một cách bền vững. Cụ thể các dự án về giao thông, như: sân bay Đà Nẵng, sân bay Phú Bài, sân bay Phù Cát, sân bay Cam Ranh, sân bay Vinh, sân bay Phú Yên, sân bay Đồng Hới, sân bay Chu Lai, các tuyến bay mở ra đã thu hút được nguồn khách trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch còn có những hạn chế sau:

- Nhiều công trình đầu tư còn kéo dài, không hoàn thành đúng tiến độ. Nguyên nhân chủ yếu là do: nguồn vốn trung ương hỗ trợ được cân đối hàng năm ít nhưng các địa phương bố trí nhiều công trình, năng lực của đơn vị thi công có những hạn chế nhất định, công tác giải tỏa mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

- Đầu tư còn dàn trải, nhiều dự án triển khai cùng lúc nhưng không cân đối đủ vốn; còn cơ chế xin cho, chưa tập trung vào những dự án trọng điểm có tác động tích cực đến phát triển du lịch của các khu, điểm du lịch quan trọng.

2.2.3. Quản lý tài nguyên và phát triển sản phẩm du lịch bền vững

2.2.3.1. Thực trạng công tác bảo tồn và phát triển du lịch bền vững

Các tỉnh miền Trung có nguồn tài nguyên du lịch vô cùng phong phú, đa dạng, bao gồm tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn. Hiện nay, miền Trung có 7 vườn quốc gia (Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha-Kẻ Bàng, Bạch Mã, Phước Bình, Núi Chúa), rất nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, khu danh thắng nổi tiếng và khoảng 10.000 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, trong số đó 5 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận (Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể di tích Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Thành nhà Hồ), 3 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, trên 1.000 di tích được xếp hạng quốc gia cùng hàng nghìn lễ hội đặc trưng với những sinh hoạt văn hóa truyền thống độc đáo, giàu bản sắc.

Việc phát triển du lịch văn hóa ở địa phương góp phần phục hồi và bảo tồn di sản, mang lại lợi ích kinh tế không chỉ cho doanh nghiệp mà còn cho cả cộng đồng sống tại các khu di sản hoặc xung quanh khu di sản, đồng thời tăng cường đối thoại trao đổi giữa các nền văn hóa, tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương có những

hiểu biết về di sản đó. Thành tựu nổi bật là sự chuyên biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường ở các tỉnh miền Trung của các cấp, các ngành, sự đồng thuận của các đối tác được hưởng lợi. Những đóng góp của người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch các tỉnh miền Trung đều được khẳng định ở mức tốt.

Mặc dù vậy, đằng sau những con số về tăng trưởng khách và doanh thu du lịch là sự phát triển không bền vững của một ngành du lịch có thừa tiềm năng để phát triển. Một số khu vực ven biển ở các tỉnh miền Trung đã có biểu hiện của sự xuống cấp về cảnh quan môi trường. Tỷ lệ chất thải chưa được thu gom và xử lý còn cao, cảnh quan xuống cấp do xây dựng và một số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến trúc ven biển. Việc nhập khẩu thiết bị cũ đang là một nguy cơ ô nhiễm môi trường biển. Nguyên nhân chính là do thiếu sự cam kết từ Chính phủ, các Bộ Ngành và doanh nghiệp cũng như người dân trong việc thực hiện các văn bản pháp luật cũng như những quy định của địa phương.

Về cơ chế phối hợp giữa du lịch với các ngành khác, giữa du lịch địa phương này và du lịch địa phương khác, ở miền Trung đã có những nỗ lực xây dựng các thể chế thực hiện nhiệm vụ này.

Cũng như các địa phương khác, các tỉnh miền Trung đều có Ban Chỉ đạo phát triển du lịch, về cơ bản, gồm một Phó Chủ tịch tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch làm phó ban, các Giám đốc hoặc Phó Giám đốc các sở Tài chính, Kế hoạch đầu tư, Giao thông vận tải, Công An, Công Thương, Nông nghiệp,... làm ủy viên. Ban có nhiệm vụ giúp Chủ tịch tỉnh chỉ đạo và điều phối hoạt động, giải quyết các vướng mắc và kiểm tra đôn đốc các Sở, các huyện liên quan trong việc xây dựng triển khai các kế hoạch, chương trình cụ thể về phát triển du lịch. Tuy nhiên, các Ban chỉ đạo này thường tập hợp chủ yếu là các cấp phó nên các cuộc họp thường chỉ dừng ở mức trao đổi thông tin, tổng kết hoạt động.

Điểm nổi bật của các tỉnh miền Trung thời gian qua là 9 Bí thư tỉnh/thành ủy ven biển miền Trung từ Thừa Thiên - Huế đến Bình Thuận đã thống nhất thành lập Ban Điều phối Vùng duyên hải miền Trung do cố Bí thư Thành ủy Đà Nẵng

Nguyễn Bá Thanh làm Trưởng Ban, giúp việc cho Ban điều phối là Trung tâm Tư vấn - Nghiên cứu Phát triển miền Trung hoạt động như cơ quan thường trực. Ngày 25/12/2015, dưới sự chủ trì của Phó Thủ trưởng Nguyễn Xuân Phúc, Ban điều phối đã tổng kết và kiện toàn tổ chức, ngoài 9 Bí thư tỉnh/thành ủy, Ban điều phối đã bổ sung thêm các nhà nghiên cứu, nhà đầu tư từ Nhóm Tư vấn hợp tác phát triển Vùng và Quỹ Nghiên cứu phát triển miền Trung. Ban Điều phối Vùng duyên hải miền Trung tuy có phạm vi tác động trên toàn bộ các hoạt động kinh tế - xã hội nhưng ngay từ đầu nó đã xem việc liên kết giữa các địa phương về du lịch là quan tâm hàng đầu. Dù chỉ là một tổ chức tự nguyện, chưa có tính ràng buộc về pháp lý nhưng bước đầu đã tạo được những thay đổi cả trong nhận thức và hành động về hợp tác phát triển giữa các địa phương trong vùng. Tuy nhiên, Ban cũng chưa đề xuất được các cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, chưa tạo ra động lực đủ mạnh để gắn kết các địa phương trong vùng.

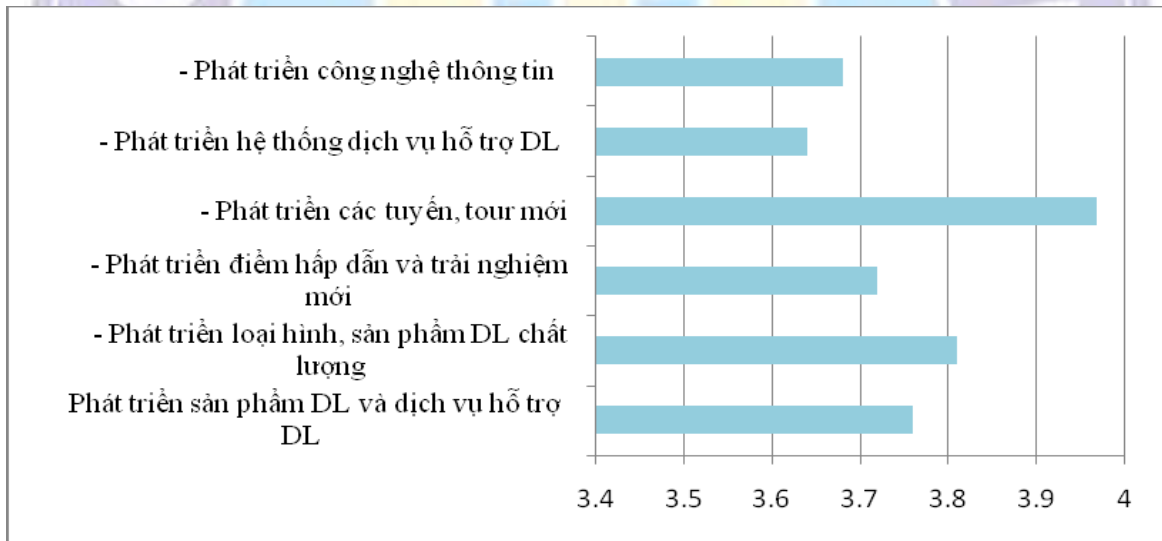
2.2.3.2. Thực trạng phát triển sản phẩm du lịch

Theo kết quả khảo sát của NCS thì ý kiến của các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp hoạt động du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch đều cho rằng: tiềm năng DL của các tỉnh miền Trung phù hợp để khai thác nhiều loại hình DL là tham quan ngắm cảnh, nghỉ dưỡng, tắm biển, DL mạo hiểm và DL thể thao trên biển, DL văn hóa, DL công vụ (KD, dự hội nghị, hội thảo), du lịch học tập, nghiên cứu và các loại hình DL khác.

Sản phẩm du lịch của các tỉnh miền Trung đã từng bước được đa dạng hoá, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh. Các địa phương một số tỉnh miền Trung đã đẩy mạnh việc khai thác tiềm năng và thế mạnh về tài nguyên du lịch trong đó nổi trội là tài nguyên tự nhiên để xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với loại hình du lịch sinh thái bên cạnh việc bảo tồn và phục hồi các lễ hội truyền thống, tổ chức nhiều hoạt động du lịch văn hoá với nhiều chủ đề độc đáo, hấp dẫn. Nhiều sản phẩm du lịch mới được xây dựng đưa vào khai thác như các tuyến du lịch sinh thái, du lịch văn hoá dân tộc ít người với chủ đề khảo cứu đồng quê, du lịch trang

trại, nhà vườn. Một số sản phẩm du lịch có giá trị độc đáo với vai trò liên vùng, liên khu vực như “con đường Di sản miền Trung”...

Miền Trung có nhiều di tích văn hóa cùng các giá trị truyền thống đặc sắc của cộng đồng các dân tộc ít người cư trú trên địa bàn như: Thái, Khơ Mú, Mông, Mường, Vân Kiều, Tà Ôi, Chăm... với nhiều phong tục tập quán mang đậm nét văn hóa truyền thống và nhiều lễ hội dân gian đặc sắc. Tại đây, còn có nhiều loại hình văn hóa tôn giáo với hệ thống chùa chiền, miếu mạo, nhà thờ và các lễ hội tôn giáo tâm linh độc đáo. Nổi bật nhất là hệ thống di tích chiến tranh đồ sộ và độc đáo ở Quảng Trị, với nhiều di tích đặc biệt quan trọng làm nên bảo tàng sinh động về truyền thống đấu tranh giữ nước với các lễ hội cách mạng đặc sắc, có giá trị lớn để phát triển loại hình du lịch tham quan - hồi tưởng. Tiêu biểu là tuyến đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại chạy dọc dãy Trường Sơn với nhiều địa danh lịch sử cách mạng nổi tiếng.



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.9: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp về phát triển sản phẩm du lịch và dịch vụ

Thực tế, các tỉnh miền Trung mới chỉ phát triển sản phẩm chủ yếu bằng việc khai thác những tiềm năng tài nguyên sẵn có cái "trời cho", ít đầu tư chiều sâu. Hệ thống sản phẩm du lịch mang tính đại trà, hạng trung bình thấp, đơn điệu,

thiếu tính độc đáo và sáng tạo; thiếu tính cạnh tranh; quy mô nhỏ, phân tán, tính liên kết chưa cao; chất lượng chưa làm hài lòng khách quốc tế nhất là khách có khả năng thanh toán cao.

2.2.4. Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch

Cùng với sự phát triển nhanh của ngành du lịch trong suốt thập niên vừa qua thì nguồn nhân lực du lịch ở nước ta cũng tăng lên một cách nhanh chóng cả về số lượng lẫn chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của ngành. Nếu năm 2008 chỉ có khoảng 229 ngàn lao động du lịch trực tiếp và 621 ngàn lao động gián tiếp, thì đến năm 2015 con số này tương ứng là 500 ngàn lao động trực tiếp và 1 triệu lao động gián tiếp. Trong đó, miền Nam chiếm khoảng 46%; miền Trung - Tây nguyên chiếm 19%; và miền Bắc chiếm 35%. Dự báo đến năm 2015 sẽ có 620 ngàn lao động trực tiếp, 1.600 ngàn lao động gián tiếp, và đến năm 2020 sẽ là 870 và 2.200 ngàn (Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, 2015).

Về chất lượng nguồn nhân lực đánh giá theo trình độ được đào tạo cho thấy, tỉ lệ lao động có chuyên môn về du lịch đang từng bước được cải thiện nhanh chóng, chiếm khoảng 42,5% lực lượng lao động, trong đó trình độ sơ cấp, trung cấp 47,3%, cao đẳng 19,8%, đào tạo ngắn hạn về du lịch là 45,3%, trình độ đại học và sau đại học chỉ chiếm 7,4% số lao động có chuyên môn du lịch và chỉ chiếm 3,11% trong tổng số lao động. Cũng theo số liệu thống kê thì hiện có khoảng 60% lực lượng lao động của ngành biết và sử dụng các ngoại ngữ khác nhau, trong đó 42% là biết sử dụng tiếng Anh, tiếng Trung (5%), Pháp (4%) và tiếng khác (9%).

Kết quả điều tra của chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam cũng cho thấy: chất lượng nguồn nhân lực nói chung còn hạn chế theo nhiều phương diện. Ở các công ty liên doanh đầu tư nước ngoài thì lao động thường được đào tạo bài bản, đa số có kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng chuẩn mực quốc tế và có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Ở các doanh nghiệp nhà nước, đội ngũ lao động đang được đào tạo và đào tạo lại nhưng chưa đồng đều. Ở một số địa phương vẫn có đến 80% lao động chưa được đào tạo về du lịch, trình độ ngoại ngữ vẫn rất hạn chế. Nhiều vị trí công việc thiếu trầm trọng chuyên gia và quản lý chuyên nghiệp như cán bộ quản lý nhà nước về du lịch, quản lý kinh doanh, quản trị chiến lược,

ngiên cứu phát triển, nhân viên có kỹ năng tay nghề cao...

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch miền Trung thể hiện qua các mặt sau:

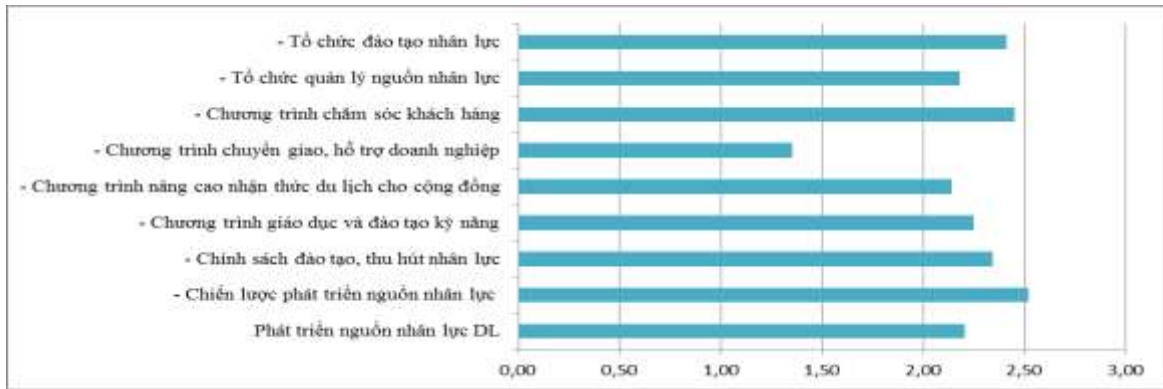
- *Hệ thống cơ sở đào tạo*: Hiện tại, các tỉnh miền Trung có 27 trường đại học, 36 trường cao đẳng và 21 trường trung cấp chuyên nghiệp, tập trung nhiều nhất tại 2 trung tâm đào tạo lớn của khu vực miền Trung là Huế và Đà Nẵng. Với hệ thống 84 trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các tỉnh miền Trung có mật độ trường đại học, cao đẳng, trung cấp tương đối cao so với mặt bằng cả nước, chỉ sau vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Ở cấp đào tạo là cao đẳng, trung cấp nghề có gần 70% tổng số cơ sở đào tạo nghề liên quan đến du lịch với tổng số cơ sở đào tạo nghề tham gia đào tạo.

Bảng 2.2: Kết quả khảo sát các cơ sở đào tạo về du lịch

<i>STT</i>	<i>Tỉnh, thành phố</i>	<i>Cơ sở đào tạo</i>
1	Thanh Hóa	+ Đại học Văn hóa - Thể thao - Du lịch Thanh Hóa + Trường Đại học Hồng Đức + Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh + Trường Trung cấp Thương mại Trung ương 5 + Trường dạy nghề Thương mại và Du lịch Thanh Hóa
2	Nghệ An	+ Đại học Công nghiệp Vinh + Trường Cao đẳng nghề Thương mại Du lịch Nghệ An + Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Nghệ An + Trường Trung cấp Du lịch miền Trung + Trường Trung cấp Việt Anh
3	Hà Tĩnh	+ Trường Cao đẳng Văn hóa Thể thao Du lịch Nguyễn + Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt Đức + Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh niên Hà Tĩnh
4	Quảng Bình	+ Đại học Quảng Bình + Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình + Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Liên đoàn Lao động Quảng Bình
5	Quảng Trị	+ Trường Trung cấp dạy nghề số 9 + Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình

<i>STT</i>	<i>Tỉnh, thành phố</i>	<i>Cơ sở đào tạo</i>
		+ Trường Trung cấp Bùi Dục Tài + Trường Trung cấp Mai Lĩnh
6	Thừa Thiên - Huế	+ Khoa Du lịch - Đại học Huế + Đại học Phú Xuân + Trường Cao đẳng nghề du lịch Huế + Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế + Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế + Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch Duy Tân
7	Đà Nẵng	+ Trường Đại học Kinh tế + Đại học Duy Tân + Đại học Đông Á + Cao đẳng Thương mại + Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm Đà Nẵng + Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Đà Nẵng
8	Quảng Nam	+ Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Nam + Trường Trung cấp nghề Bắc Quảng Nam
9	Quảng Ngãi	+ Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc
10	Bình Định	+ Đại học Quy Nhơn + Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Định
11	Phú Yên	+ Trường Đại học Phú Yên
12	Khánh Hòa	+ Trường Đại học Khánh Hòa + Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang
13	Ninh Thuận	+ Trường Trung cấp nghề Ninh Thuận
14	Bình Thuận	+ Cao đẳng Cộng Đồng Bình Thuận

Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2.10: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp về phát triển nguồn nhân lực du lịch

Toàn miền Trung hiện có 242 cơ sở đào tạo nghề ở các cấp đào tạo (cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề). Các cơ sở đào tạo nghề phân bố không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố; số lượng các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề các tỉnh miền Trung còn ít, chỉ chiếm lần lượt 6,6% và hơn 12,39%; chiếm tỷ lệ lớn nhất là các trung tâm dạy nghề và sự tham gia đào tạo nghề của các cơ sở khác.

Thực trạng này càng phổ biến ở các cơ sở kinh doanh vừa và nhỏ hay hộ gia đình. Trên thực tế tỉ lệ các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ lại chiếm tỉ lệ khá lớn gần 90%, (ở một số nước tiên tiến tỉ lệ này là khoảng từ 75 - 80%), thì chất lượng dịch vụ du lịch và hình ảnh của điểm đến du lịch phụ thuộc rất lớn vào hoạt động của loại hình doanh nghiệp này. Do vậy, bên cạnh việc quan tâm đúng mức đến đào tạo nguồn nhân lực du lịch, thì các vấn đề về chuẩn mực và qui định trong hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch đối với loại hình doanh nghiệp này có vai trò quan trọng. Nguồn nhân lực du lịch tại các tỉnh miền Trung đang bộc lộ một số điểm yếu cơ bản như sau:

- Cơ cấu lao động chưa hợp lý, thiếu lao động có chuyên môn và tính chuyên nghiệp cao, lao động quản trị, giám sát viên có chuyên môn sâu theo yêu cầu của từng bộ phận dịch vụ để cung cấp cho các khu du lịch, các khách sạn cao cấp.

- Chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu của từng nghề, năng suất lao động đạt thấp; ngoại ngữ còn thiếu và yếu.

- Kỹ năng, phong cách làm việc của người lao động chưa chuyên nghiệp; thậm chí trong nhiều trường hợp, họ đã được đào tạo và có đủ kiến thức để thực hiện tốt công việc nhưng họ vẫn không làm đúng như mô tả và yêu cầu của công việc. Hay nói cách khác, văn hóa dịch vụ còn nhiều yếu kém. Tỷ lệ khách phàn nàn về chất lượng dịch vụ và thái độ người cung cấp dịch vụ còn khá cao.

Vẫn còn tồn tại khoảng cách khá lớn giữa khả năng và nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh trong điều kiện cạnh tranh khu vực và quốc tế ngày càng gia tăng của ngành du lịch. Khoảng cách này không đơn thuần là sự khác biệt về mặt số lượng mà quan trọng hơn là mức đảm bảo về chất lượng. Có thể nói đào tạo nguồn nhân lực du lịch, đặc biệt ở trình độ đại học và sau đại học các ngành về du lịch hiện nay ở nước ta nói chung và khu vực miền Trung nói riêng vẫn đang phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức. Định hướng đào tạo phải căn cứ vào nhu cầu và yêu cầu của xã hội, phải căn cứ vào vị trí, vị thế của mỗi trường và khả năng đáp ứng của đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có và sẽ có. Việc tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp cũng như sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, góp phần đưa nền du lịch ngày càng phát triển tương xứng với tiềm năng và vị trí của ngành du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung.

Một vấn đề mà hiện nay các địa phương chưa quan tâm trong phát triển nguồn nhân lực du lịch là đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch. Hầu hết các cán bộ Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch phụ trách về du lịch là các cán bộ quản lý văn hóa, các doanh nghiệp du lịch chuyên sang. Hiện nay, yêu cầu về phát triển du lịch bền vững đòi hỏi người quản lý nhà nước về du lịch phải có kiến thức sâu về mảng mình phụ trách bao gồm cả kiến thức về luật, về môi trường, về phát triển cộng đồng, về marketing địa phương. Những chương trình hợp tác giữa các địa phương trong vùng để bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của các đối tượng này là cần thiết và cấp bách.

2.2.5. Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch

Trong giai đoạn 2010 - 2015, các tỉnh miền Trung đã ban hành gần 4.000 văn bản các loại có liên quan đến chỉ đạo, điều hành về du lịch, trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách; xây dựng các quy hoạch, dự án, đề án của một số khu, điểm du lịch trọng điểm để gọi vốn đầu tư hoặc trực tiếp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; chấn chỉnh và tăng cường quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng du lịch, chỉnh trang đô thị; xây dựng chiến lược tuyên truyền, quảng bá, thông tin du lịch, giới thiệu về du lịch, lịch sử, danh lam thắng cảnh, văn hóa lễ hội; nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho du lịch; xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư cho du lịch và chiến lược các sản phẩm dịch vụ du lịch; xây dựng đề án về quản lý thuế, giá cả...

Hàng năm, tổ chức các hội nghị gặp gỡ các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài, hội doanh nghiệp trẻ, các doanh nghiệp đầu tư vào Khu du lịch, doanh nghiệp chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực du lịch để thông báo tình hình phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng của các tỉnh, các doanh nghiệp tham gia ý kiến và nêu lên những khó khăn, vướng mắc. Trên cơ sở đó, UBND các tỉnh tổng hợp và chỉ đạo các ngành giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; đồng thời chọn lọc ý kiến đóng góp của doanh nghiệp để đưa vào nhiệm vụ, giải pháp quản lý và chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Trong chương trình công tác của UBND các tỉnh hàng tháng đều bố trí thời gian làm việc trực tiếp với một số doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp có khó khăn để nắm tình hình hoạt động và chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đây là nhiệm vụ thường xuyên mà các cơ quan QLNN phải thực hiện trong quá trình quản lý, điều hành của mình. Những vấn đề có tính chất nghiêm trọng và cần

phải thanh tra toàn diện trong lĩnh vực hoạt động nào đó thì UBND các tỉnh trực tiếp thành lập đoàn thanh tra; những vấn đề thuộc về chuyên ngành và mang tính cục bộ thì có văn bản chỉ đạo cho cơ quan chuyên môn lập đoàn thanh tra tổ chức thanh tra và báo cáo kết quả với UBND các tỉnh. Các nội dung mà UBND các tỉnh quan tâm tập trung thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trong lĩnh vực hoạt động du lịch đó là: công tác cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước về du lịch, thực hiện các chính sách về đất đai, quản lý các danh lam thắng cảnh, bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng hạ tầng, thực hiện các quy định về thuế, giá cả...

Nhìn chung, công tác phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong xây dựng và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược quy hoạch, kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 của Chính phủ trong thời gian qua đã có những chuyển biến, UBND các tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành, địa phương, đơn vị đều giao cho một cơ quan chuyên ngành chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao. Song còn những hạn chế trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát như:

- Khi giải quyết các công việc có tính liên ngành, thì cơ quan được giao chủ trì không chủ động liên hệ với các cơ quan liên quan. Vì vậy, hầu như toàn bộ các lĩnh vực công việc UBND tỉnh đều phải có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp. Mặt khác, tính thống nhất trong quản lý thuộc lĩnh vực ngành giữa các cơ quan chuyên môn chưa cao; cùng một nội dung nhưng mỗi cơ quan hướng dẫn một cách khác nhau, do đó các doanh nghiệp phải "chạy" nhiều cửa làm tốn kém thời gian, công sức và chi phí; không có kế hoạch cụ thể về công tác kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp từ đầu năm, thiếu sự phối kết hợp như ngành thuế thì thanh, kiểm tra về chấp hành quy định nộp thuế, ngành lao động thì kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động và thực hiện các chính sách đối với người lao động... làm cho doanh nghiệp bị chi phối, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Các cấp chính quyền địa phương như cấp xã, huyện một số nơi cũng tiến hành kiểm tra doanh

nghiệp sai quy định; việc nhũng nhiễu, gây khó khăn phiền hà cho doanh nghiệp của các cơ quan QLNN cũng là vấn đề mà các nhà quản lý cần phải quan tâm có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

- Công tác quản lý còn nảy sinh nhiều bất cập, nhiều nơi còn bị buông lỏng, thiếu sự quản lý thống nhất, đồng bộ và còn có sự chông chéo giữa quản lý ngành và quản lý lãnh thổ giữa các ngành, các cấp. Nhiều vấn đề còn lẫn lộn, chưa phân định rõ giữa QLNN với quản lý kinh doanh. Việc cải tiến các thủ tục hành chính còn chậm, nhiều cửa, nhiều cấp, gây phiền hà cho doanh nghiệp, nhất là trong việc thành lập doanh nghiệp, cấp giấy phép kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà trọ và vận chuyển khách du lịch, các thủ tục xin xác lập quyền sử dụng nhà, đất, mặt nước và cảnh quan du lịch.

~~Đề nghị:~~

2.3.1. Ưu điểm và nguyên nhân

- *Ưu điểm:*

Thời gian qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn song công tác QLNN về phát triển du lịch bền vững đối với các tỉnh miền Trung đã có bước chuyển biến rất tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch. Cụ thể là:

Thứ nhất, ý thức về yêu cầu phát triển du lịch bền vững đã trở thành xu hướng của cả cán bộ công chức chính quyền, doanh nghiệp du lịch và một bộ phận không nhỏ du khách. Công tác tuyên truyền về yêu cầu của phát triển du lịch bền vững cho cư dân, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực du lịch từ tỉnh đến cơ sở được chú trọng. Bên cạnh đó, việc chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án phát triển du lịch của tỉnh có tiến bộ hơn. Điều đó đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về du lịch tại một số tỉnh miền Trung.

Thứ hai, công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung có sự đổi mới cả về nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện, tạo điều

kiện cho các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh của mình sát hợp với thị trường và phù hợp với định hướng phát triển chung của địa phương. Mặt khác, công tác phát triển hạ tầng cơ sở du lịch được tỉnh quan tâm hơn, đã tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm hơn, nhờ đó đã khắc phục được một phần hiện tượng đầu tư dàn trải, gây lãng phí. Ngoài ra, hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức, góp phần thực hiện có hiệu quả hơn chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển KT-XH trên địa bàn.

Thứ ba, công tác sắp xếp, đổi mới và cổ phần hóa DNNN được quan tâm thực hiện theo phương án, kế hoạch đã đề ra, góp phần lành mạnh hóa hoạt động của các DNNN trong lĩnh vực du lịch.

Thứ tư, công tác tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong hoạt động du lịch, giữa địa phương và Trung ương trong QLNN về du lịch có sự chuyển biến tích cực. Đã ký kết nhiều chương trình hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong nước và một số tỉnh của Lào, Vương quốc Campuchia, Thái Lan...

Thứ năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phát triển du lịch bền vững được tăng cường, đã tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo đa dạng hóa chuyên ngành đào tạo, nâng cao kiến thức về văn hóa, lịch sử, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn du lịch... cho lực lượng lao động ngành du lịch của tỉnh.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động du lịch được duy trì thường xuyên, góp phần ổn định thị trường, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh du lịch, giữ gìn kỷ cương pháp luật trong phát triển du lịch tại một số tỉnh miền Trung.

- *Nguyên nhân của những mặt tích cực:*

Nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động du lịch nói riêng, nhất là Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thực hiện, từng bước tạo sự thuận lợi cho QLNN đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung.

Thứ hai, thời gian qua, các tỉnh miền Trung luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, như Bộ Xây dựng, Giao thông vận tải, Tổng Cục du lịch... Đặc biệt, việc Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, với mục tiêu là xây dựng các tỉnh miền Trung thành Trung tâm du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao là điều kiện thuận lợi, là cơ hội quý báu để phát triển du lịch và tiếp tục hoàn thiện QLNN đối với phát triển du lịch bền vững đối với các tỉnh miền Trung trước yêu cầu mới.

Nguyên nhân chủ quan:

Tỉnh ủy, UBND các tỉnh miền Trung có sự năng động trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương cũng như ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành trong tỉnh, nhất là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh về QLNN đối với du lịch, đã có sự nỗ lực phấn đấu và quyết tâm hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn.

Chính quyền cấp tỉnh đã chủ động tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm QLNN về du lịch với các địa phương khác trong và ngoài nước.

Bộ máy QLNN về du lịch trên địa bàn từng bước được sắp xếp lại, đã có sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của tỉnh trong việc xử lý các hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực này. Chất lượng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch từng bước được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành du lịch đã được quan tâm thực hiện.

Công tác xây dựng cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền và cải cách thủ tục hành chính đối với kinh doanh nói chung, đối với HDDL nói riêng đã có sự chuyển biến tích cực.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

- *Những hạn chế:*

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được, QLNN đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung trong thời gian qua cũng bộc lộ những hạn chế:

Một là, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về du lịch cho người dân và việc nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về vai trò của du lịch trong phát triển KT-XH, mặc dù được chính quyền tỉnh thực hiện, song hiệu quả còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong bối cảnh hiện nay.

Hai là, việc cụ thể hoá và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để quản lý, điều hành phát triển du lịch từng lúc còn chậm, nội dung chưa sát hợp với điều kiện, tiềm năng phát triển du lịch ở tỉnh và chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch. Thủ tục hành chính đối với kinh doanh nói chung và phát triển du lịch nói riêng mặc dù được cải thiện nhưng nhìn chung còn phức tạp, gây phiền hà cho các nhà đầu tư.

Ba là, công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch nói chung, trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch nói riêng, từng lúc, từng nơi chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Một số quy hoạch đã có dấu hiệu lạc hậu, bất cập, chòng chéo có nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường và hủy hoại tài nguyên du lịch.

Bốn là, công tác quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn còn chòng chéo.

Năm là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực du lịch tại một số tỉnh miền Trung mặc dù có nhiều cố gắng nhưng vẫn chậm so với kế hoạch đề ra và hiệu quả thấp.

Sáu là, công tác tạo lập sự liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương khác trong nước và nước ngoài tuy được thực hiện nhưng nhìn chung mới dừng ở khâu kí kết và hoàn thiện các văn bản về hợp tác.

Bảy là, công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phát triển du lịch còn nhiều hạn chế, chưa khắc phục được những bất cập trong công tác đào tạo nghiệp vụ du lịch trước yêu cầu phát triển ngành hiện

nay cũng như tình trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu đội ngũ lao động tay nghề cao, chất lượng phục vụ chưa đồng đều và thiếu tính chuyên nghiệp.

Tóm lại, công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch mặc dù được chính quyền tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhưng nhìn chung còn nhiều bất cập, hiệu quả mang lại không cao, công tác xử lý sau kiểm tra, thanh tra từng lúc, từng nơi chưa dứt khoát, còn dễ kéo dài, việc tố cáo, khiếu nại trong lĩnh vực du lịch còn diễn biến phức tạp.

- Nguyên nhân của những hạn chế:

Nguyên nhân khách quan:

Nền kinh tế nước ta phát triển chưa cao, trình độ khoa học - công nghệ còn rất hạn chế. Đây là một thách thức đặc biệt lớn đối với hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước về kinh tế nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch nói riêng có mặt chậm sửa đổi, chưa đồng bộ, thiếu nhất quán và thiếu thông thoáng; việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Du lịch còn chậm, chưa kịp thời, gây khó khăn cho hoạt động QLNN về du lịch ở các địa phương. Mặt khác, du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. QLNN trong lĩnh vực du lịch liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực khác nhau.

Nguyên nhân chủ quan:

Một số cấp ủy Đảng và chính quyền trong tỉnh chưa coi trọng và quan tâm đúng mức đến công tác QLNN đối với phát triển du lịch trên địa bàn. Nhận thức về vị trí của du lịch trong phát triển KT-XH của tỉnh còn hạn chế, nên nhiều nơi, nhiều đơn vị trong tỉnh còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa năng động, sáng tạo, chưa quan tâm tạo môi trường thuận lợi cho du lịch phát triển, chưa chú trọng huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch.

Nội dung, phương thức và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật du lịch cho cộng đồng dân cư trên địa bàn còn nghèo nàn, đơn điệu và chưa phù hợp với điều kiện thực tế ở các địa phương.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung chưa được xây dựng. Mỗi quan hệ phối hợp trong quản lý quy hoạch du lịch giữa các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh có mặt thiếu chặt chẽ.

Nguồn vốn nhà nước dành cho đầu tư và hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch còn thấp, trong khi đó việc phân bổ vẫn còn thiếu tập trung, dẫn đến tình trạng đầu tư phân tán, nhỏ lẻ, các dự án đầu tư bị chậm tiến độ. Điều này cùng với việc thiếu cương quyết trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho hoạt động đầu tư và những bất cập về thủ tục hành chính đối với kinh doanh nói chung, phát triển du lịch bền vững nói riêng, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đến môi trường thu hút đầu tư ở tỉnh, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Bộ máy QLNN về du lịch thay đổi quá nhanh do sáp nhập, chia tách nhiều lần, thiếu tính ổn định nên không đảm bảo tính liên tục trong quản lý, hiệu lực quản lý chưa cao, nhất là bộ máy QLNN về du lịch ở cấp huyện, thị xã. Quyền hạn, trách nhiệm cũng như lợi ích của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Nhà nước về phát triển du lịch vào điều kiện cụ thể ở địa phương cũng như trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền và trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách đó chưa được làm rõ. Sự phối kết hợp trong quản lý hoạt động du lịch giữa các cơ quan chức năng của tỉnh chưa thật sự chặt chẽ trong khi đó lại chưa phân định được một cách rõ ràng trách nhiệm và lợi ích của các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư trong quản lý phát triển du lịch tại các khu, điểm du lịch. Trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành du lịch của các địa phương còn nhiều bất cập. Công tác quản lý cán bộ, quy hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ QLNN về du lịch của các địa phương, nhất là đội ngũ cán bộ kế cận, tuy có được quan tâm nhưng chưa thường xuyên. Bên cạnh đó, các chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ cán bộ, chính sách thu hút nhân tài chậm được ban hành hoặc chưa được chú trọng thực hiện.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho phát triển du lịch bền vững còn chắp vá, thiếu hệ thống. Môi quan hệ giữa cơ sở đào tạo nghề du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trong phát triển nguồn nhân lực chưa chặt chẽ.

Công tác tạo lập sự liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch và xây dựng hệ thống đảm bảo thông tin du lịch chưa được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư đúng mức. Công tác xúc tiến quảng bá du lịch chưa chuyên nghiệp; sản phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; hình thức quảng bá kém hấp dẫn; phạm vi quảng bá hẹp.

Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch chưa được xác định rõ ràng. Phương thức, trình tự thanh tra, kiểm tra bộc lộ nhiều hạn chế, chưa tạo được sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan QLNN liên quan, gây ra sự chông chéo và phiền hà cho các doanh nghiệp.



TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận án đã tập trung nghiên cứu 3 nội dung sau:

- Trên cơ sở phân tích các dữ liệu thứ cấp đã làm rõ được tình hình phát triển kinh tế xã hội và nội dung phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung, đặc biệt là 3 địa phương nghiên cứu.

- Phân tích thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung, trong đó tập trung các nội dung: tổ chức thực hiện các chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch; nhận xét đánh giá thực hiện chiến lược; tổ chức chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch; đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; phương thức điều hành và kiểm tra, kiểm soát.

- Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững các tỉnh miền Trung nói chung và 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa nói riêng. Trong đó, nêu lên những kết quả đạt được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân của những hạn chế.

Qua phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước địa phương về phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung đã có những chuyển biến tích cực, đã có những đề án quy hoạch cụ thể, các nghị quyết, kế hoạch chuyên đề về quản lý và phát triển du lịch bền vững cho từng vùng, từng địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì ngành du lịch các tỉnh miền Trung nói chung và 3 tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế so sánh, chưa thực hiện được vai trò sứ mệnh để miền Trung trở thành trung tâm du lịch của cả nước và khu vực. Thiếu chiến lược nuôi dưỡng và phát triển các tài nguyên có ảnh hưởng trực tiếp cho hoạt động và phát triển du lịch bền vững một cách hiệu quả; định hướng phát triển du lịch chưa có phân kỳ chọn điểm, lĩnh vực làm đột phá để vươn lên thực sự trở thành ngành kinh tế động lực.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

3.1.1.

3.1.1. Quan điểm phát triển du lịch

Trên cơ sở chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; căn cứ các đặc điểm riêng các tỉnh miền Trung, phát triển du lịch bền vững các tỉnh miền Trung được dựa trên các quan điểm sau:

- Tích cực phát triển du lịch đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của vùng và địa phương, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của miền Trung nhưng phải bảo đảm sự phát triển bền vững, gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

- Chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch của vùng, của địa phương phải hài hòa với Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, với định hướng phát triển tổng thể kinh tế - xã hội và môi trường các tỉnh miền Trung, thống nhất với các quy hoạch ngành khác có liên quan trên địa bàn, bảo đảm yêu cầu của an ninh và quốc phòng.

- Đa dạng hóa các loại hình du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện phát triển du lịch của vùng. Bên cạnh các loại hình du lịch truyền thống như du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch MICE, cần chú trọng phát triển các loại hình du lịch mới phù hợp với xu hướng phát triển du lịch bền vững như du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch sáng tạo, du lịch có trách nhiệm.

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm; tập trung phát triển có chiều sâu, theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp để đảm bảo sản phẩm du lịch có thương hiệu và tính cạnh tranh cao.

- Đa dạng hóa thị trường du lịch, phát triển đồng thời cả du lịch nội địa và du lịch quốc tế; chú trọng du lịch quốc tế đến, tăng cường quản lý du lịch ra nước ngoài.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế quốc gia về yếu tố tự nhiên và văn hóa dân tộc, thế mạnh đặc trưng của các vùng, miền trong cả nước; tăng cường liên kết phát triển du lịch.

- Xây dựng và quảng bá mạnh mẽ hơn nữa thương hiệu du lịch các tỉnh miền Trung đối với du khách trong nước và quốc tế.

3.1.2. Mục tiêu phát triển du lịch các tỉnh miền Trung

Căn cứ chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng phê duyệt, mục tiêu phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung đến năm 2020 là:

Phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của miền Trung và là trọng điểm phát triển du lịch của cả nước, góp phần quan trọng vào nỗ lực giảm nghèo và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế cũng như sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác.

Xây dựng vùng Quảng Bình (Bắc Trung bộ) và Đà Nẵng, Khánh Hòa (Duyên hải miền Trung) trở thành khu vực phát triển năng động, nhanh và bền vững, là một đầu cầu quan trọng của cả nước trong giao lưu hợp tác quốc tế; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của đất nước. Cải thiện căn bản đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng căn cứ kháng chiến; tăng cường công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân. Hạn chế tối đa ảnh hưởng của thiên tai lũ bão, hạn hán, bảo vệ môi trường sinh thái; ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.

Quy hoạch và phát triển mạnh 4 khu du lịch quốc gia, 12 khu du lịch địa phương, 6 điểm du lịch quốc gia, 25 điểm du lịch địa phương, 6 đô thị du lịch và 6 trọng điểm phát triển du lịch, làm động lực phát triển du lịch toàn miền Trung và

các địa phương. Tiến hành quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tại một số tỉnh miền Trung, trong đó tập trung quy hoạch đầu tư phát triển các dự án du lịch gắn với các khu, điểm du lịch quốc gia.

Bảng 3: Khu du lịch quốc gia

TT	Tên	Vị trí (thuộc tỉnh)
VÙNG BẮC TRUNG BỘ		
1	Khu du lịch Kim Liên	Nghệ An
2	Khu du lịch Thiên Cầm	Hà Tĩnh
3	Khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng	Quảng Bình
4	Khu du lịch Lăng Cô-Cảnh Dương	Thừa Thiên - Huế
VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ		
1	Khu du lịch Sơn Trà	Đà Nẵng
2	Khu du lịch Bà Nà	Đà Nẵng
3	Khu du lịch Cù Lao Chàm	Quảng Nam
4	Khu du lịch Mỹ Khê	Quảng Ngãi
5	Khu du lịch Phương Mai	Bình Định
6	Khu du lịch Vịnh Xuân Đài	Phú Yên
7	Khu du lịch Bắc Cam Ranh	Khánh Hòa
8	Khu du lịch Ninh Chữ	Ninh Thuận
9	Khu du lịch Mũi Né	Bình Thuận

Nguồn: Tổng cục Du lịch

Bảng 4: Điểm du lịch quốc gia

TT	Tên	Địa phương
	VÙNG BẮC TRUNG BỘ	
1	Điểm du lịch Thành Nhà Hồ	Thanh Hóa
2	Điểm du lịch Lưu niệm Nguyễn Du	Hà Tĩnh
3	Điểm du lịch Ngã Ba Đồng Lộc	Hà Tĩnh
4	Điểm du lịch thành phố Đồng Hới	Quảng Bình
5	Điểm du lịch thành cổ Quảng Trị	Quảng Trị
6	Điểm du lịch Bạch Mã	Thừa Thiên- Huế
	VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ	
1	Điểm du lịch Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng
2	Điểm du lịch Mỹ Sơn	Quảng Nam
3	Điểm du lịch Lý Sơn	Quảng Ngãi
4	Điểm du lịch Trường Lũy	Quảng Ngãi, Bình Định
5	Điểm du lịch Trường Sa	Khánh Hòa
6	Điểm du lịch Phú Quý	Bình Thuận

Nguồn: Tổng cục Du lịch

Bảng 5: Đô thị du lịch

TT	Tên	Địa phương
1	Đô thị du lịch Sầm Sơn	Thanh Hóa
2	Đô thị du lịch Cửa Lò	Nghệ An
3	Đô thị du lịch Huế	Thừa Thiên Huế
4	Đô thị du lịch Đà Nẵng	Đà Nẵng
5	Đô thị du lịch Hội An	Quảng Nam
6	Đô thị du lịch Nha Trang	Khánh Hòa
7	Đô thị du lịch Phan Thiết	Bình Thuận

Nguồn: Tổng cục Du lịch

3.1.3. Dự báo các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững

3.1.3.1. Căn cứ dự báo

- Các chỉ tiêu và phương án phát triển du lịch Việt Nam trong chiến lược và quy hoạch phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

- Các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, của các địa phương trong Vùng đến năm 2020.

- Quan điểm và mục tiêu phát triển Du lịch của Vùng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Xu hướng của dòng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn mới trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu, rộng và toàn diện.

- Xu hướng của dòng khách du lịch nội địa không ngừng gia tăng do nền kinh tế nước ta ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện và từng bước được nâng cao, nhận thức nhu cầu đi du lịch ngày càng phát triển.

- Môi trường đầu tư và các dự án đầu tư (cả trong nước và nước ngoài) về du lịch và các ngành liên quan đến du lịch tại một số tỉnh miền Trung.

- Thực trạng phát triển du lịch các tỉnh trong vùng giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015.

- Tiềm năng và khả năng phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung.

3.1.3.2. Các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững

Theo dự báo của Viện NC&PTDL thì lượng khách du lịch đến các tỉnh miền Trung; mức chi tiêu trung bình của khách du lịch; tổng thu từ du lịch; nhu cầu cơ sở lưu trú và định hướng phát triển du lịch miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là:

a. Khách du lịch

- *Khách du lịch quốc tế:* Đến thời điểm năm 2015 các tỉnh miền Trung sẽ đón được khoảng 4,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế; năm 2020 trên 5,9 triệu lượt; năm 2025 là 7,5 triệu lượt và đến năm 2030 đón được trên 9,1 triệu.

Bảng 3.1: Dự báo tổng lượt khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung

Tiêu chí	2015	2020	2025	2030
Tổng số lượt khách (nghìn)	4.500	5.900	7.500	9.100
Thời gian lưu trú trung bình (ngày)	3,52	4,00	4,73	4,89
Tổng số ngày khách (nghìn)	10.900	18.000	27.900	36.700

(Nguồn : Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch)

- Khách du lịch nội địa: Theo tính toán dự báo, đến năm 2015 các tỉnh miền Trung sẽ đón được khoảng 25,1 triệu lượt khách; năm 2020 khoảng 29,5 triệu lượt; năm 2025 đón khoảng 32,6 triệu lượt và đến 2030 có thể đón được khoảng 37,5 triệu lượt khách.

Bảng 3.2: Dự báo khách du lịch nội địa đến các tỉnh miền Trung

Tiêu chí	2015	2020	2025	2030
Tổng số lượt khách (nghìn)	25.100	29.500	32.600	37.500
Thời gian lưu trú trung bình (ngày)	2,10	2,54	2,81	3,00
Tổng số ngày khách (nghìn)	25.300	34.200	45.400	52.000

(Nguồn : Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch)

b. Tổng thu từ du lịch, GDP và nhu cầu vốn đầu tư du lịch

- Tổng thu du lịch:

Trong những năm tới, khi sản phẩm của các tỉnh miền Trung ngày càng phong phú, đa dạng, chất lượng sản phẩm được nâng cao; chất lượng dịch vụ du lịch được cải thiện thì mức độ chi tiêu của khách du lịch (cả quốc tế và nội địa) cũng dần dần được tăng lên (không tính đến sự biến động của giá cả thị trường).

Bảng 3.3: Mức chi tiêu trung bình của khách du lịch

Đơn vị : Đồng

Loại khách	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
Khách quốc tế	2.310.000 (110 USD)	2.625.000 (125 USD)	2.690.000 (128 USD)	2.725.000 (130 USD)
Khách nội địa	800.000 (38 USD)	950.000 (45 USD)	990.000 (47 USD)	1.155.000 (55 USD)

(Nguồn : Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch)

Căn cứ vào số lượt khách, thời gian lưu trú trung bình và mức chi tiêu của khách, tổng thu nhập từ du lịch các tỉnh của miền Trung được trình bày ở bảng 3.4

Bảng 3.4: Tổng thu từ du lịch của miền Trung

Đơn vị : Tỷ đồng

Loại thu nhập	2015	2020	2025	2030
Tổng thu từ khách quốc tế	47.000	75.000	100.000	125.000
Tổng thu từ khách nội địa	67.000	91.000	123.000	150.000
Tổng cộng	114.000	166.000	223.000	275.000

(Nguồn : Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch)

- *Tổng sản phẩm GDP du lịch và nhu cầu vốn đầu tư:* Căn cứ trên các số liệu dự báo về khách du lịch, tổng thu nhập từ du lịch của các tỉnh miền Trung như đã trình bày ở phần trên, sau khi trừ chi phí trung gian (dịch vụ lưu trú: 10% đến 15%; dịch vụ ăn uống: 60% đến 65%; dịch vụ vận chuyển du lịch: 20% đến 25%; bán hàng hóa lưu niệm: 65% đến 70%; các dịch vụ khác: 15% đến 20%; tính trung bình khoảng 30% đến 35% tổng thu nhập). Việc tính toán nhu cầu đầu tư trong từng thời kỳ được dựa trên tổng giá trị GDP đầu và cuối kỳ, và hệ số ICOR là chỉ số xác định hiệu quả của việc đầu tư (hệ số đầu tư tăng trưởng). Hệ số ICOR chung cho các ngành kinh tế cả nước là 6,3 cho giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2013 (Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Đối với ngành Du lịch, hiệu quả đầu tư thường cao hơn, do đó hệ số ICOR du lịch sẽ thấp hơn. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, việc đầu tư cho phát triển du lịch Vùng được tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành..., hiệu quả đầu tư thấp nên hệ số ICOR vẫn còn cao.

- *Nhu cầu cơ sở lưu trú:* Căn cứ các chỉ tiêu dự báo về khách du lịch, thời gian lưu trú trung bình, công suất sử dụng buồng, hệ số sử dụng chung buồng và dựa theo các chỉ tiêu trong quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Dự báo về nhu cầu cơ sở lưu trú của miền Trung được trình bày ở bảng 3.5

Bảng 3.5: Nhu cầu cơ sở lưu trú của miền Trung*Đơn vị: Buồng*

Nhu cầu khách quốc tế	26.700	42.000	56.500	63.000
Nhu cầu khách nội địa	37.300	53.000	68.500	77.000
Tổng cộng	64.000	95.000	125.000	140.000

(Nguồn : Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch)

Trong đó, đến năm 2020 tỷ lệ buồng đạt tiêu chuẩn từ 3 sao đến 5 sao chiếm khoảng 15%; đến năm 2030 tỷ lệ buồng đạt tiêu chuẩn từ 3 sao đến 5 sao chiếm khoảng 30%.

- Nhu cầu lao động trong du lịch

Với đặc trưng du lịch nghỉ dưỡng biển, nhu cầu lao động cao hơn ở các vùng khác, dự kiến từ 1,4 lao động đến 1,5 lao động trực tiếp/1 buồng khách sạn và một lao động trực tiếp kèm theo 2,0 lao động gián tiếp.

3.1.4. Định hướng phát triển du lịch của các tỉnh miền Trung Việt Nam

3.1.4.1. Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

- Thị trường khách du lịch quốc tế: Trên cơ sở định hướng của Chiến lược và Quy hoạch tổng thể, căn cứ thực tế và nhu cầu phát triển, mức độ ưu tiên thu hút thị trường khách quốc tế đến Vùng theo thứ tự như sau: 1) Thị trường Đông Bắc Á; 2) Thị trường Đông Âu; 3) Thị trường Tây Âu; 4) Thị trường ASEAN; 5) Thị trường Bắc Âu; 6) Thị trường Bắc Mỹ; 7) Thị trường Úc. Trong đó, các địa bàn là các đô thị biển ưu tiên thu hút thị trường khách Đông Âu, ASEAN, Đông Bắc Á.

- Thị trường khách du lịch nội địa: Đối với thị trường khách du lịch nội địa, mức độ ưu tiên thu hút thị trường theo thứ tự như sau:

- 1) Thị trường các tỉnh Tây Nguyên.
- 2) Thị trường khách nội Vùng.
- 3) Thị trường khách từ thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh phía Nam.
- 4) Thị trường khách từ Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

3.1.4.2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Các dòng sản phẩm chính này mang tính đặc trưng cho Vùng, có khả năng tạo dựng thương hiệu du lịch Vùng. Đối với vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ thì hai dòng sản phẩm chính cần ưu tiên gồm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo và du lịch di sản.

- *Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo*: Đây là sản phẩm tiêu biểu với thế mạnh chính của Vùng. Hầu như địa phương nào trong vùng cũng có những bãi biển đẹp phù hợp nghỉ dưỡng, tắm biển. Các trọng điểm chính tập trung phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển là Nha Trang, Bình Thuận. Sản phẩm du lịch biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, đặc biệt là du lịch nghỉ dưỡng biển là đại diện cho dòng sản phẩm du lịch biển của Việt Nam, là sản phẩm có khả năng cạnh tranh của du lịch Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Để trở thành quốc gia mạnh về sản phẩm du lịch biển, đảo thì toàn bộ hệ thống dải ven biển và các đảo của Vùng, trong đó đặc biệt chú ý hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa phải được quan tâm đầu tư phát triển phù hợp. Trong đó, cần chú trọng việc phát triển các địa bàn với các hình thái sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo khác nhau dựa trên việc kết hợp với các dòng sản phẩm du lịch chính hoặc bổ trợ khác hoặc dựa trên tính hoang sơ của tài nguyên để phát triển thành khu vực nghỉ dưỡng biển, đảo với cảnh quan hiện đại hoặc giữ những cảnh quan còn hoang sơ.

Các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo tại các địa phương với các sắc thái khác nhau, trình độ phát triển khác nhau sẽ bổ trợ trong việc kéo dài vòng đời của sản phẩm du lịch biển, đảo Việt Nam nói chung, của mỗi tỉnh nói riêng cũng như đáp ứng nhu cầu của các phân đoạn thị trường khách khác nhau. Thị trường khách Nga ưa thích các hoạt động vui chơi giải trí sôi nổi cùng các địa bàn có hoạt động du lịch phát triển, phù hợp với sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo cùng các hoạt động bổ trợ tại Khánh Hoà, Bình Thuận. Khách Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ, Úc ưa thích nghỉ dưỡng tại những nơi ít có sự náo nhiệt và thiên nhiên còn hoang sơ, phù hợp với sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển tại Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận.

Sản phẩm nghỉ dưỡng biển tại Vùng là một dòng sản phẩm lớn của du lịch Việt Nam với 2 phân khúc lớn về nghỉ dưỡng biển, đảo tại trung tâm đô thị biển và

nghi dưỡng biển tại các địa bàn gắn với khám phá thiên nhiên hoang sơ. Mỗi địa phương trong Vùng đều có thể phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo với các nét đặc thù riêng và nằm trong hai nhóm phân khúc sản phẩm thị trường. Cụ thể hướng phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển theo địa bàn mỗi tỉnh như sau:

- Khu vực Đà Nẵng phát triển sản phẩm du lịch biển nghỉ dưỡng, đảo cao cấp gắn với các hoạt động du lịch vui chơi giải trí, đô thị, du lịch MICE.

- Quảng Nam phát triển du lịch biển, đảo gắn với du lịch di sản, du lịch đô thị, du lịch cộng đồng.

- Quảng Ngãi phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với du lịch tham quan di tích lịch sử văn hóa.

- Bình Định phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với tìm hiểu văn hoá lịch sử.

- Phú Yên phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với khám phá các giá trị còn nguyên sơ.

- Khánh Hoà là trung tâm du lịch biển, đảo tổng hợp gắn liền với du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo cao cấp, thể thao biển, khám phá cảnh quan, tham quan vịnh, đảo; gắn với đô thị và du lịch MICE.

- Ninh Thuận phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với du lịch văn hóa Chăm Pa, sinh thái nông nghiệp, khám phá cảnh quan.

- Bình Thuận phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với khám phá cảnh quan và thể thao biển.

Phát triển được hệ thống sản phẩm biển nghỉ dưỡng của Vùng sẽ tạo ra một địa bàn có sự tập trung chuyên biệt cho hoạt động du lịch, về lâu về dài tạo ra nguồn lợi kinh tế lớn do thu hút được thị trường khách du lịch thuần túy, nghỉ dưỡng dài ngày và có khả năng chi trả cao so với các vùng du lịch khác.

- *Sản phẩm du lịch di sản văn hóa thế giới*: Mặc dù chỉ nằm ở một tỉnh trong Vùng nhưng đây lại là sản phẩm quan trọng với hai di sản văn hoá thế giới Hội An và Mỹ Sơn có giá trị khác nhau trong cùng một địa phương. Sản phẩm du lịch di sản là sản phẩm độc lập thu hút thị trường khách riêng. Bên cạnh đó cũng là sản phẩm

có thể kết hợp với các sản phẩm du lịch khác như sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, đảo; tham quan, khám phá, tìm hiểu cuộc sống, đô thị, MICE.

Các dòng sản phẩm du lịch bổ trợ: Các sản phẩm không thuộc mức độ ưu tiên cao, không phải sản phẩm chính có thể thu hút số đông thị trường và tạo ra sự nhận diện của vùng nhưng có khả năng hỗ trợ, bổ sung cho các sản phẩm du lịch chính đảm bảo tính hấp dẫn. Bên cạnh đó, các sản phẩm này cũng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các thị trường khách và tạo sự đa dạng hoá về sản phẩm du lịch cho vùng.

- MICE: Các đô thị Đà Nẵng, Nha Trang phù hợp với việc tổ chức các sản phẩm du lịch sự kiện, hội nghị hội thảo, triển lãm và khuyến thưởng. Sự kiện lớn là một trong những hoạt động có khả năng tạo dựng thương hiệu du lịch, đồng thời có thể tạo dựng được nhiều sản phẩm du lịch trong khuôn khổ sự kiện. Tuy nhiên, hoạt động này mang tính thời vụ cao và không sử dụng nhiều đến thế mạnh tài nguyên du lịch mà các địa phương trong vùng có ưu thế. Vì vậy, các nhóm sản phẩm này được định hướng phát triển như các sản phẩm bổ trợ cho các dòng sản phẩm ưu tiên chính.

- Thể thao biển: Gồm các sản phẩm cho khách du lịch nghỉ dưỡng biển tham gia các hoạt động thể thao giải trí ven biển đến các sản phẩm chuyên biệt dành cho thị trường khách có nhu cầu tập luyện thể thao. Đây là sản phẩm bổ trợ tích cực cho dòng sản phẩm nghỉ dưỡng biển.

- Khám phá biển, đảo: Các địa phương trong vùng duyên hải Nam trung bộ không chỉ có các bãi tắm lớn nhỏ có giá trị nghỉ dưỡng biển tốt nhưng cũng có sự đa dạng về địa hình tạo ra những cảnh quan hấp dẫn với các loại hình tham quan, chiêm ngưỡng thắng cảnh sử dụng tàu lượn, tàu, thuyền, ca nô, ô tô...

- Sinh thái biển, đảo: Nhiều hoạt động du lịch gắn với hệ sinh thái biển có thể được tổ chức thành sản phẩm thu hút khách. Các sản phẩm này giúp đa dạng hoá các hoạt động của sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển dài ngày. Sản phẩm sinh thái biển được định hướng phát triển tại các khu bảo tồn biển như Cù Lao Chàm, hòn Mun... Cũng như thể thao biển, đây là sản phẩm bổ trợ tích cực cho dòng sản phẩm nghỉ dưỡng biển, đảo.

- Tàu biển: Du lịch tàu biển gắn liền với các cảng biển quốc tế ở Đà Nẵng, Nha Trang và có thể phát triển ở Quy Nhơn, Phan Thiết. Phát triển du lịch tàu biển sẽ phát huy được các giá trị văn hóa, ẩm thực và cảnh quan theo từng khu vực.

- Tham quan di tích văn hoá - lịch sử - cách mạng: Bên cạnh di sản thế giới Hội An và Mỹ Sơn, văn hóa Chăm, văn hóa Sa Huỳnh du lịch Vùng cần mở rộng phát triển sản phẩm gắn với các di sản khác như hát bài Chòi, hát bội (tuồng), võ Bình Định, hệ thống di tích chiến tranh giữ nước... Trong đó, cần tập trung khai thác phát triển dòng sản phẩm gắn với văn hóa Chăm và di tích gắn với chiến tranh chống Pháp và Mỹ của dân tộc trên địa bàn Vùng.

- Văn hóa ẩm thực: Sử dụng thế mạnh về nguồn lợi thủy sản và cách chế biến đặc sản địa phương, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có thể phát triển nhiều sản phẩm du lịch gắn với thưởng thức, chế biến, quan sát, mua sắm làm quà các loại ẩm thực là đặc sản địa phương. Các loại hải sản tươi sống, đa dạng là những nguyên liệu quan trọng tạo sức hấp dẫn về ẩm thực với cả thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế. Các loại mắm nêm, nước mắm, cá, tôm, mực khô là đặc trưng vùng du lịch này là những sản vật được khách quan tâm, đóng góp vào cho chuyên du lịch chính.

- Đô thị: Du lịch đô thị cùng các hoạt động vui chơi giải trí đô thị, tìm hiểu văn hóa (bảo tàng, kiến trúc, nghệ thuật, nghệ thuật biểu diễn..), tham quan thành phố...phù hợp với các thành phố lớn như Đà Nẵng, Khánh Hòa.

- Chữa bệnh, làm đẹp: Các sản phẩm du lịch gắn với chữa bệnh, làm đẹp trên cơ sở khai thác các mỏ khoáng nóng và bùn là những sản phẩm hấp dẫn của Vùng, tập trung chủ yếu ở Khánh Hòa. Đây là một trong những sản phẩm hấp dẫn bởi tính độc đáo nhưng chỉ phục vụ cho một nhóm đối tượng khách du lịch.

- Cộng đồng, nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao: Các hoạt động du lịch gắn với du lịch cộng đồng ở một số địa phương trong vùng, đặc biệt tại các đảo ven bờ của một số địa phương như Quảng Nam, Quảng Ngãi có thể hình thành các sản phẩm du lịch hấp dẫn nhiều thị trường khách. Các hoạt động liên quan đến tìm hiểu nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao ở Ninh Thuận, Bình Thuận cũng có thể là các sản phẩm bổ trợ phục vụ nhu cầu của đa dạng thị trường khách.

- Lễ hội tâm linh: Các hoạt động lễ hội tâm linh gắn liền với hệ thống di tích lịch sử văn hóa và các lễ hội văn hóa dân gian vùng ven biển. Đây cũng là dòng sản phẩm gắn liền với các sự kiện và thu hút khách du lịch đặc biệt là khách du lịch nội địa, vì vậy được định hướng là một trong những dòng sản phẩm bổ trợ.

3.2.1.1. Miền Trung

Miền Trung là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch. Sức ép đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của khu vực đòi hỏi Nhà nước phải có sự hỗ trợ cả về sự thông thoáng của môi trường đầu tư lẫn những hoạt động marketing địa phương, đào tạo nguồn nhân lực. Tuy nhiên, chính quy mô phát triển này cũng tạo sức ép về bảo vệ tài nguyên, môi trường, bản sắc văn hóa, công bằng trong phân phối thu nhập từ du lịch để có một sự phát triển bền vững. Tất cả đòi hỏi nhà nước phải tăng cường khả năng quản lý nhà nước về du lịch. Các nỗ lực này xoay quanh việc nâng cao trình độ quản lý bằng pháp luật, định hướng phát triển du lịch và các hoạt động hỗ trợ cho ngành.

3.2.1. Cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của miền Trung.

Đề xuất các quy định pháp luật, các chính sách phát triển du lịch phù hợp với tình hình mới, nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật và tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật về du lịch cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cán bộ, nhân dân trong địa phương.

Để phát triển du lịch đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội chung, vấn đề đầu tiên là xây dựng một môi trường đầu tư thuận lợi. Hiện nay, các địa phương đang cạnh tranh nhau ráo riết để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (CPI). Đi đầu trong lĩnh vực này của khu vực và cả nước là thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, đối với du lịch, vấn đề còn ở chỗ là khả năng thu hút nhà đầu tư quy mô nhỏ tại địa phương để sự phát triển du lịch trước hết phải mang lại lợi ích thỏa đáng cho người dân địa phương. Các địa phương cần phải xây dựng mô hình "vườn ươm doanh nghiệp" để có hỗ trợ bước đầu mạnh mẽ và hiệu quả hơn cho các doanh nghiệp địa phương.

Về bảo đảm tính bền vững, trước hết là bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường, các tỉnh miền Trung khai thác các Vườn quốc gia như Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Bạch Mã (Thừa Thiên - Huế), khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù lao Chàm (Hội An, Quảng Nam) và nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng. Các khu này đều đã có những quy định pháp luật nghiêm ngặt trong bảo vệ môi trường nhưng với sự xuất hiện ngày càng nhiều du khách, cần bổ sung các quy định về quyền lợi và trách nhiệm của du khách, doanh nghiệp du lịch. Vấn đề cũng tương tự đối với các di sản văn hóa thế giới trong vùng như Cảnh quan hai bên bờ sông Hương (Huế), phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). Trong bảo vệ môi trường biển, bên cạnh các doanh nghiệp du lịch, hoạt động của du khách, thì sự xả thải của các khu công nghiệp ven biển là vấn đề cần đặc biệt lưu tâm. Tuy nhiên, các mức phạt hiện hành tỏ ra quá nhẹ. Với vai trò và sự nhạy cảm của du lịch, đề xuất nâng cao mức phạt hành chính đủ sức răn đe, không loại trừ truy tố hình sự nếu cần thiết là yêu cầu cấp bách hiện nay.

Bên cạnh việc ban hành quy định, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ thanh tra du lịch, thanh tra môi trường cũng hết sức cần thiết.

Để nâng cao hiệu lực pháp luật, công tác giáo dục tuyên truyền cần được đầu tư triển khai. Các tỉnh miền Trung có mật bằng dân trí còn thấp, nên việc nhận thức về pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng còn nhiều hạn chế. Vì vậy, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong địa phương, nhất là những nơi có tiềm năng du lịch cần phải tiếp thu, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và nhận thức về phát triển du lịch một cách nghiêm túc, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật du lịch, nhất là Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Chính phủ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong địa phương để vừa góp phần đưa các quy định pháp luật đi vào cuộc sống, tạo môi trường hoạt động du lịch lành mạnh, vừa nâng cao nhận thức của họ về vai trò, ý nghĩa của phát triển du lịch trong phát triển KT-XH, về yêu cầu hoàn thiện QLNN đối với phát triển du lịch trong tình hình mới.

Việc giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các cơ chế, chính sách về du lịch phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, thông qua nhiều hình thức như: xây dựng chuyên mục phát trên các đài phát thanh - truyền hình tỉnh, huyện, thị, thành phố; đăng tải nội dung trên các báo đài địa phương, thông tin tư tưởng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các tạp chí chuyên đề, tài liệu sinh hoạt tổ nhân dân tự quản; tổ chức các đợt nghiên cứu học tập trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo chuyên đề; đưa vào chương trình giáo dục học đường, nhất là bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông về thái độ đối với môi trường thiên nhiên, thái độ và cung cách ứng xử thân thiện đối với du khách... Ngoài ra, cũng cần nâng cao ý thức pháp luật du lịch cho khách du lịch thông qua việc phát hành các ấn phẩm ngắn gọn và súc tích, trong đó tóm tắt những quy định thiết yếu chỉ dẫn cho khách du lịch khi đến du lịch và thông qua vai trò của hướng dẫn viên du lịch giúp cho khách du lịch tuân thủ pháp luật chặt chẽ hơn.

Mặt khác, cần tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng dự án đầu tư phát triển du lịch thực hiện việc giải phóng mặt bằng; khuyến khích, động viên các doanh nghiệp du lịch thành lập các hiệp, hội nhằm bảo vệ lợi ích và chia sẻ trách nhiệm cùng nhau phát triển trong xu thế hội nhập quốc tế. Song song với công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật du lịch, các địa phương cần đề ra những biện pháp cụ thể, thiết thực như hỗ trợ phục hồi các làng nghề truyền thống của người dân địa phương, tạo ra sản phẩm thu hút du khách; nghiên cứu cho phép thành lập một số làng du lịch; tiến hành rà soát tất cả các dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch, cần chú trọng đến vấn đề giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho các hộ dân và lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có dự án để cải thiện cuộc sống của người dân, qua đó nâng cao dần nhận thức cho quần chúng nhân dân về vai trò của phát triển du lịch bền vững trong phát triển KT-XH của địa phương.

Việc giáo dục, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch thông qua các hình thức sau:

- Tăng cường gắn kết hoạt động đầu tư khai thác du lịch với bảo vệ môi trường, tuyên truyền quảng cáo bằng nhiều hình thức vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch. Hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở của Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đa dạng Sinh học và Luật Du lịch. Có các chính sách cụ thể khuyến khích các dự án, chương trình thân thiện với môi trường, xây dựng các chương trình, tour du lịch gắn với các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Việc phát triển hoạt động du lịch bền vững ở các tỉnh miền Trung cần thực hiện những hoạt động ưu tiên như lồng ghép quy hoạch phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển hoạt động du lịch; thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển và kinh doanh du lịch; khuyến khích phát triển hoạt động du lịch, hỗ trợ các cộng đồng dân cư tham gia quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn của từng địa phương nhằm tăng thêm lợi ích kinh tế, đồng thời tham gia giám sát, bảo đảm tới mức thấp nhất những tác động tiêu cực và rủi ro của du lịch đối với môi trường, truyền thống văn hoá và điều kiện sống của nhân dân địa phương; tăng cường đầu tư, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi người để bảo tồn những di sản tự nhiên, lịch sử và văn hoá dân tộc. Huy động sự tham gia rộng rãi của các cấp chính quyền, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư trong việc phát triển du lịch sinh thái, văn hoá, bảo vệ di sản và môi trường. Chính vì những lý do trên, việc quy hoạch phát triển hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung cần phải gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái trong phát triển bền vững. Từ đó, đặt ra các kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp với việc tôn tạo, khai thác các tài sản tự nhiên, nhân văn sao cho môi trường cảnh quan tự nhiên và các khu thắng cảnh không những không bị xâm hại mà còn được bài trí và nâng cấp tốt hơn.

- Phát triển hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung cũng cần phải gắn việc khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch, đi đôi với việc bảo vệ môi trường và tôn tạo những di sản văn hoá, lịch sử. Cần có biện pháp quản lý chặt chẽ để ngăn

ngừa những ảnh hưởng tiêu cực và xử lý nghiêm minh những hành vi làm tổn hại đến tài nguyên, môi trường.

Mặt khác, ứng phó với biến đổi khí hậu để phát triển du lịch:

- Tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cho người dân về biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tác động của chúng đến tự nhiên, kinh tế, xã hội, AN - QP nói chung và hoạt động du lịch nói riêng, đồng thời, nâng cao nhận thức của các sở, ban, ngành có liên quan về ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển và hoạt động du lịch nhất là ở các dải ven biển và vùng núi cho phù hợp với kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tỉnh miền Trung. Tăng cường các biện pháp bảo vệ cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, nhất là ở những vùng có nguy cơ, rủi ro cao. Duy trì, bảo tồn và phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nhất là vùng đất ngập nước, trên núi cao.

- Nghiên cứu tổng thể và có hệ thống tác động của biến đổi khí hậu đối với đa dạng sinh học rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đánh giá một cách có hệ thống, khoa học khả năng bị tổn thương và khả năng thích ứng, các tác động của biến đổi khí hậu tới phát triển hoạt động du lịch. Khi xây dựng các khu, điểm du lịch cần có tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

3.2.2. Hoàn thiện quy hoạch, chính sách, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch

Tập trung hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch các tỉnh miền Trung từ nay đến năm 2020 và 2030 phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch trong giai đoạn mới, trên cơ sở đó, tiếp tục xây dựng và bổ sung, điều chỉnh kịp thời quy hoạch cụ thể các khu, điểm du lịch trọng điểm, đảm bảo chất lượng và tính khả thi cao để thu hút đầu tư. Việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của từng địa phương, tập trung vào hai nội dung: quy hoạch không gian du lịch và định hướng phát triển các sản phẩm du lịch. Cụ thể hơn là xây dựng và phát triển các

khu, điềm du lịch ở các địa bàn có tiềm năng, bao gồm:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách đối với hoạt động du lịch. Về thuế, cần ưu tiên thuế nhập khẩu với thuế suất bằng thuế suất nhập tư liệu sản xuất đối với các trang thiết bị khách sạn, cơ sở vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách du lịch, vật tư phục vụ du lịch mà trong nước chưa sản xuất được hoặc không đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá cơ sở du lịch theo yêu cầu của du khách. Có chế độ hợp lý về thuế, về giá điện, nước trong kinh doanh khách sạn, rà soát điều chỉnh phương pháp tính thuế, lệ phí, các hình thức vé liên quan đến hoạt động du lịch. Về chính sách đầu tư, cần áp dụng một cách linh hoạt nhất, ưu đãi nhất đối với các nhà đầu tư. Để thay đổi cơ cấu đầu tư, các tỉnh miền Trung cần phải áp dụng các chính sách ưu tiên miễn giảm thuế hoặc không thu thuế có giới hạn đối với các vùng đất khác nhau và ngay cả trong một khu du lịch có các chức năng khác nhau hoặc các loại hình kinh doanh du lịch mới, ngoài các quy định hiện hành của Nhà nước như được thuê đất với mức giá hợp lý trong khung giá Nhà nước quy định; được hỗ trợ tuyển dụng lao động và hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động đối với trường hợp các dự án sử dụng lao động tại địa phương; được các tỉnh cam kết đảm bảo tiến độ trong việc đền bù giải phóng mặt bằng để nhà đầu tư thực hiện dự án; được hỗ trợ về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp; đối với các dự án đầu tư cho hoạt động du lịch ở các khu vực miền núi được hỗ trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho thuê đất lâu dài; được quan tâm đầu tư phát triển cơ sở vật chất - hạ tầng phục vụ triển khai dự án; giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn; trong quá trình thực hiện, cần nghiên cứu và ban hành riêng chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với đầu tư cho hoạt động du lịch.

- Các địa phương áp dụng cơ chế “mở cửa” hơn thông qua đơn giản hóa thủ tục xin visa du lịch bao gồm: giảm các yêu cầu hành chính về thư cho phép, giảm phí làm visa, đăng ký trực tuyến, cho phép lấy visa tại sân bay, tự động cho phép loại hình visa nhập cảnh nhiều lần để thúc đẩy thương mại trong khu vực và kéo dài được thời hạn của visa.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch, phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát triển bền vững.

- Rà soát quy hoạch của các địa phương, các dự án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, kêu gọi đầu tư cũng cần được xem xét về nội dung và mức độ ưu tiên nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng chung của cả miền Trung.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn nghề và các tiêu chuẩn có liên quan khác, ban hành các chế tài để tạo cơ chế tự giám sát, kiểm soát. Xúc tiến hình thành các mạng lưới liên kết như “hiệp hội di sản”, “mạng lưới du lịch cộng đồng”, “mạng lưới du lịch sinh thái”, “mạng lưới du lịch lễ hội”... các mạng lưới này hoạt động cả trên mạng và ngoài mạng nhằm trao đổi kinh nghiệm, quảng bá sản phẩm trực tuyến và hỗ trợ kinh doanh bán hàng v.v...

- Sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy phép cho các loại hình sở hữu của các đơn vị tổ chức du lịch. Vận dụng hợp lý Luật Đất đai hoặc ít nhất dỡ bỏ sự phân biệt đối xử giữa công ty tư nhân và Nhà nước trong hoạt động du lịch.

Mặt khác, tập trung tăng cường đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động du lịch vào các công tác cơ bản như tôn tạo di tích lịch sử, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng, quảng bá, xúc tiến phát triển hoạt động du lịch. Mặt khác, huy động các nguồn lực tài chính trong nhân dân thông qua hình thức cổ phần hóa một số khách sạn, cơ sở du lịch của Nhà nước hoạt động kém hiệu quả, tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài, khuyến khích các doanh nghiệp du lịch tư nhân đầu tư kinh doanh du lịch để đảm bảo đủ nguồn vốn với cơ cấu 80% vốn đầu tư từ khu vực tư nhân. Tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư để nâng cấp phát triển đồng bộ, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nói chung và kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch nói riêng.

- Các địa phương tăng cường nguồn vốn đầu tư cho hoạt động du lịch và cần có những biện pháp hữu hiệu để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư trong nước cũng như ngoài nước, vốn vay từ các quỹ đầu tư gián tiếp nước ngoài trên cơ sở các dự án khả thi được bảo hộ của Nhà nước, cạnh tranh thu nguồn vốn từ các nước phát

triển, các tổ chức quốc tế, các ngân hàng thế giới, ngân hàng Châu Á... cho các hạng mục công trình công cộng như hệ thống xử lý nước thải và rác thải. Thực hiện cổ phần hoá một số cơ sở du lịch nhằm mở rộng nguồn vốn nhân rồi để đầu tư trong nhân dân, đồng thời phát huy được hiệu quả hoạt động của các nguồn lực trong quá trình phát triển hoạt động du lịch.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn cho hoạt động du lịch. Đầu tư cho hoạt động du lịch là một hướng đầu tư có hiệu quả không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt xã hội. Tuy nhiên, với đặc thù của từng địa phương, nội dung và hình thức đầu tư có thể khác nhau.

Đối với đầu tư hạ tầng các khu du lịch, cần phải được tập trung ưu tiên các dự án quan trọng. Các dự án này do địa phương làm chủ đầu tư nên cần phải được triển khai một cách đồng bộ và do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

Đối với các dự án du lịch chuyên đề sinh thái do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư phải có sự phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương để triển khai kế hoạch đầu tư phù hợp với nhiệm vụ của ngành và khai thác phục vụ du lịch.

Đối với đầu tư các công trình dịch vụ du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú là một loại hình dịch vụ du lịch hết sức quan trọng chứa đựng đầy đủ nội dung và hình thức giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm du lịch. Việc xây dựng các cơ sở lưu trú phải nhằm mục đích nâng cao chất lượng và tăng cường về quy mô để tạo điều kiện tiếp thu công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú. Mục tiêu cụ thể là đầu tư nâng cấp số khách sạn hiện nay mới chỉ đủ tiêu chuẩn tối thiểu lên đạt tiêu chuẩn từ một sao đến hai sao. Số khách sạn đạt tiêu chuẩn sao phải nâng cấp thêm sao. Đối với những khách sạn mới xây dựng phải có quy mô từ 150 phòng trở lên và chất lượng phải đảm bảo từ ba sao trở lên.

Trong khi xây dựng khách sạn, cần chú ý đến việc khai thác các loại hình kinh doanh như hội nghị, hội thảo và các dịch vụ bổ trợ khác.

Đầu tư hệ thống các công trình vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách và kéo dài thời gian lưu trú của họ. Hiện tại, các công trình này ở các tỉnh

miền Trung rất nghèo nàn về nội dung và nhỏ hẹp về quy mô. Để khắc phục tình trạng trên, trong những năm tới, việc xây dựng các công trình vui chơi giải trí phải được coi trọng, đây là nội dung không thể thiếu ở các dự án đầu tư.

Đầu tư thỏa đáng cho việc tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội. Các tài nguyên du lịch văn hoá ở các tỉnh miền Trung cần phải được xếp hạng và quản lý, nhất là các tài nguyên có giá trị văn hoá, lịch sử cao. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần xây dựng kế hoạch tôn tạo, tu bổ các di tích văn hoá, lịch sử phù hợp với mục tiêu của đề án đặt ra để nhanh chóng biến các tài nguyên văn hoá vật thể và phi vật thể thành những sản phẩm du lịch nhằm thu hút du khách.

Các tỉnh miền Trung có số lượng danh thắng rất lớn, việc đầu tư và tôn tạo bảo vệ cảnh quan thiên nhiên được phân bố ở cả bốn khu vực miền biển, đồng bằng, trung du và miền núi. Mặc dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng trong thời gian qua việc khai thác, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan thiên nhiên chưa đạt hiệu quả cao. Do vậy, một nhiệm vụ hết sức quan trọng của các tỉnh miền Trung là làm thế nào để khai thác các tài nguyên ấy một cách có hiệu quả, đồng thời, đi đôi với việc khai thác cần phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ và tái tạo tài nguyên đó. Trong những năm tới, hoạt động du lịch các tỉnh miền Trung bên cạnh việc khai thác tài nguyên một cách hợp lý cần phải đầu tư hơn nữa nguồn vốn để bảo vệ và tái tạo các tài nguyên du lịch biển, các hang động tự nhiên nhằm đạt mục tiêu phát triển hoạt động du lịch một cách bền vững.

- Coi trọng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, thúc đẩy hội nhập quốc tế về hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung

Để hoạt động du lịch của các tỉnh miền Trung phát triển theo hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức. Trong thời gian tới, cần tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý điểm đến cho các tỉnh miền Trung. Hướng nghiên cứu cần tập trung vào nghiên cứu quản lý và khai thác hiệu quả các dạng tài nguyên du lịch, nghiên cứu phương pháp thống kê du lịch, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môi trường hoạt động du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, đặc biệt là các sản phẩm hiện đại mang hàm lượng công nghệ cao, nghiên cứu các nguồn

năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và công nghệ xây dựng, vận hành thân thiện với môi trường, nghiên cứu phát triển hoạt động du lịch trong mối quan hệ với bảo tồn văn hóa và thể thao, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý du lịch bằng việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý du lịch ở các tỉnh miền Trung kết nối với các trung tâm thông tin trong và ngoài nước, học tập và áp dụng các mô hình công nghệ quản lý tiên tiến trong hoạt động du lịch, khuyến khích và hỗ trợ giải pháp học qua mạng internet.

- Phát triển cơ sở vật chất - hạ tầng cho hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung

- + Phát triển toàn diện hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không, đặc biệt là tuyến đường giao thông đường bộ có mối liên quan chặt chẽ với các tài nguyên du lịch ở các tỉnh miền Trung.

- + Trước mắt, cần tập trung đầu tư nâng cấp hoàn thiện các tuyến quốc lộ quan trọng, các tuyến quốc lộ có Cửa khẩu quốc tế. Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống đường nối quốc lộ, tỉnh lộ đến các khu, tuyến, điểm du lịch, di tích danh thắng. Chú trọng khai thác hiệu quả các sân bay và tuyến đường sắt Bắc Nam qua các địa phương.

- + Hoàn chỉnh mạng lưới điện từ nguồn cung cấp lưới điện quốc gia. Tăng cường các trạm cung cấp điện, cải tạo nâng cấp mạng lưới chuyển tải điện để đáp ứng các yêu cầu cho hoạt động du lịch. Hiện đại hoá mạng lưới thông tin toàn miền Trung theo hướng tự động hoá, điện tử hoá và tin học hoá, mở rộng phát triển các dịch vụ điện thoại mới, tăng cường hiệu quả dịch vụ thuê bao, dịch vụ truyền số liệu qua mạng internet; phát triển cơ sở bưu chính viễn thông tại các khu du lịch, các điểm du lịch, một số khu vực du lịch quan trọng và ở vùng xa trung tâm đô thị bảo đảm phủ sóng liên lạc nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt của nhân dân địa phương, đồng thời, phục vụ cho quá trình phát triển của các ngành kinh tế trong vùng, đặc biệt là phát triển hoạt động du lịch.

- + Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh và nâng cao chất lượng cấp nước ở khu vực trung tâm, đảm bảo cung cấp cho khu trung tâm du lịch trong quãng thời gian 10 - 15 năm tới. Tại các cụm, các điểm du lịch khác, cần đầu tư các trạm cấp nước sử dụng nước

ngầm tại chỗ cho toàn Vùng. Cải tạo hệ thống thoát nước cho các tỉnh (thành phố), xây dựng ngay từ đầu hệ thống thoát nước cho các khu, điểm du lịch theo quy hoạch dự án được phê duyệt để đảm bảo độ bền vững của công trình du lịch và vệ sinh môi trường du lịch.

+ Khẩn trương xây dựng hệ thống chế biến, xử lý rác thải, nước thải tại các trung tâm. Các vị trí du lịch khác phải có quy hoạch ngay từ đầu, việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và lỏng đảm bảo vệ sinh môi trường; đặt nhiều thùng rác công cộng trên các tuyến đường, các khu vực công cộng, các khu cắm trại, vui chơi giải trí. Tăng cường giáo dục nâng cao ý thức của nhân dân địa phương, khách du lịch và nhân viên phục vụ du lịch trong vấn đề bảo đảm vệ sinh môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp.

Đối với tỉnh Quảng Bình

- Hoàn thiện và tổ chức công bố quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 vừa là biện pháp tuyên truyền, vừa là biện pháp quảng bá du lịch hữu hiệu, đồng thời tạo lập tính minh bạch cho môi trường phát triển du lịch.

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch Quảng Bình bền vững gắn với việc giải quyết tốt các mối quan hệ và các cân đối lớn sau:

+ Quy hoạch phát triển du lịch gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch phát triển du lịch là một bộ phận của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Quy hoạch phát triển du lịch gắn với quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phát triển các ngành kinh tế khác.

+ Quy hoạch phát triển du lịch các vùng, khu, điểm du lịch chủ đạo, trọng điểm với quy hoạch các vùng phụ trợ, vùng sản xuất sản phẩm du lịch, làng nghề, cơ sở sản xuất phục vụ nhu cầu du lịch, dịch vụ...

+ Quy hoạch phát triển du lịch gắn với quy hoạch phát triển các loại hình du lịch lễ hành, dịch vụ, Tour, Tuyến du lịch...

+ Quy hoạch phát triển du lịch gắn liền với việc giải quyết tốt mối quan hệ với cộng đồng dân cư địa phương, nhất là việc chia sẻ lợi ích kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần dân cư, bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sống, môi trường du lịch và môi trường sinh thái.

+ Quy hoạch phát triển du lịch bền vững cần đặc biệt quan tâm vấn đề bảo vệ, giữ gìn thuộc tính tự nhiên, hạn chế các yếu tố, hoạt động nhân tạo tác động tiêu cực đến tài nguyên du lịch, nhất là giữ cho được môi trường tự nhiên của kỳ quan thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng.

- Từ quy hoạch tổng thể, chỉ đạo và tổ chức lập các quy hoạch chi tiết tại các khu vực ưu tiên đầu tư, tạo hành lang pháp lý để quản lý và đầu tư phát triển du lịch. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết, tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi và thu hút đầu tư vào các địa bàn trọng điểm và các địa bàn khác để phát triển du lịch.

- Công tác quản lý quy hoạch là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động quản lý Nhà nước về du lịch. Vì vậy, cần tập trung:

+ Nâng cao nhận thức về phát triển du lịch bền vững cho các đối tượng quản lý cũng như các chủ thể quản lý.

+ Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý du lịch (như quy chế quản lý quy hoạch, quy chế quản lý các khu du lịch, quy chế xây dựng các công trình du lịch...) nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để quản lý và khuyến khích phát triển du lịch. Đảm bảo mục tiêu là quy hoạch được duyệt làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch, quản lý đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng du lịch, quản lý kinh doanh du lịch, thị trường du lịch, bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường sinh thái.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn để tham mưu và thực hiện các quy hoạch phát triển du lịch. Chủ động phối hợp liên ngành, liên vùng trong thực hiện quy hoạch cũng như khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch, tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.

Đối với Tp. Đà Nẵng

Có chính sách ưu tiên, miễn giảm hoặc không thu thuế (nhất là trong lĩnh vực đất đai) tại các khu vực, điểm có tiềm năng du lịch nhưng chưa thu hút được khách du lịch và các nhà đầu tư. Ưu tiên miễn giảm thuế, cho chậm nộp thuế, giảm tiền thuê đất đối với các dự án ưu tiên tại các khu vực trọng điểm phát triển du lịch.

Nên có cơ chế, chính sách giảm thuế đối với ngành sản xuất hàng lưu niệm, đồ ăn, đồ uống phục vụ khách du lịch và kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế.

Ưu tiên phát triển du lịch biển và nghỉ dưỡng biển chất lượng cao theo hướng hình thành các khu nghỉ dưỡng ven biển quy mô lớn, chất lượng cao có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới; đây là hướng đột phá để xây dựng du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Bên cạnh đó cần chú trọng khai thác các dịch vụ vui chơi, giải trí như đánh golf, thuyền buồm, lướt sóng, câu cá thể thao trên biển, lặn biển, du thuyền ban đêm...

Đối với tỉnh Khánh Hòa

Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng du lịch từ nguồn vốn tỉnh, Trung ương và các nguồn vốn khác. Tập trung đầu tư xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm, nghỉ dưỡng, vừa phục vụ nhu cầu dân cư địa phương, vừa phục vụ thuận tiện khách du lịch nhằm tăng tính hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách.

Tạo cơ chế thông thoáng để xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch, tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước được trực tiếp hoặc phối hợp khai thác, đầu tư kinh doanh du lịch không giới hạn ở các ngành nghề chuyên môn. Có chính sách khuyến khích và phát triển các dịch vụ hỗ trợ để thu hút các nhà đầu tư.

Tạo sự bình đẳng giữa đầu tư của tư nhân với đầu tư của Nhà nước, giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, mở rộng các hình thức thu hút đầu tư. Đảm bảo sự công bằng và điều hòa quyền lợi trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh giữa chủ đầu tư, chủ thể quản lý hành chính lãnh thổ, chủ thể có quyền quản lý sử dụng tài nguyên du lịch, tài nguyên đất, rừng...và cộng đồng dân cư địa phương.

3.2.3. Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, nghiên cứu hình thành các thể chế quản lý phát triển du lịch bền vững hiệu quả

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến cơ sở, đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch bền vững. Hoạt động quản lý nhà nước chỉ có thể được thực hiện tốt khi chúng ta có một bộ máy quản lý nhà nước được tổ chức tốt và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có năng lực và trách nhiệm.

Trước hết là xây dựng một thể chế (tổ chức) có phạm vi bao quát được các lãnh thổ, các lĩnh vực liên quan trong sự quan hệ chặt chẽ nhau để phát triển du lịch bền vững. Để quản lý hiệu quả quá trình phát triển du lịch bền vững trong tình hình mới đòi hỏi chúng ta phải có một tư duy mới về nghiên cứu xây dựng những thể chế mới. Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, bản thân sản phẩm du lịch chứa đựng trong đó là các dịch vụ của các ngành khác nhau từ dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tham quan, giải trí, dịch vụ mua sắm. Sự phát triển của du lịch gắn liền với sự hỗ trợ của các ngành an ninh, hải quan, viễn thông, y tế, xây dựng,... Loại hình du lịch chủ yếu của miền Trung là du lịch biển, là loại hình du lịch khá nhạy cảm với sự ô nhiễm môi trường. Dòng hải lưu ven bờ khiến cho việc ô nhiễm tại một vùng biển ở một địa phương nào cũng sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến các địa phương khác trong vùng. Hơn nữa, sự liên kết của các điểm du lịch trong hệ thống một tuyến, điểm du lịch thường vượt ra khỏi các ranh giới hành chính. Sự phát triển du lịch Đà Nẵng không thể tách rời sự phát triển du lịch của thành phố Hội An (Quảng Nam) và Thánh địa Mỹ Sơn (Duy Xuyên, Quảng Nam). Tam giác du lịch Đà Nẵng - Hội An - Mỹ Sơn đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa thành phố Đà Nẵng với thành phố Hội An, huyện Duy Xuyên hơn là phối hợp với toàn bộ tỉnh Quảng Nam. Tương tự, là sự phối hợp giữa các huyện ven biển của Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận sẽ hiệu quả hơn là liên kết của cả ba tỉnh này. Sự phát triển du lịch bền vững còn đòi hỏi sự tham gia vào định hướng phát triển và kinh doanh du lịch của cộng đồng cư dân địa phương, sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp du lịch. Từ kinh nghiệm của một số địa phương trong quản lý nhà

nước về du lịch đã giới thiệu ở chương 1, từ thực tế hoạt động thời gian qua của các Ban Chỉ đạo phát triển du lịch các tỉnh và nhất là sự mạnh dạn đột phá hình thành Ban Điều phối vùng duyên hải miền Trung, dù rằng các đơn vị hành chính nước ta được tổ chức thành ba cấp, cần nghiêm túc thí điểm mô hình Tổ chức quản trị điểm đến du lịch vốn khá phổ biến trên thế giới. Đó là một Hội đồng phát triển du lịch vùng các tỉnh ven biển miền Trung hay của các khu du lịch nhỏ hơn trong vùng. Hội đồng sẽ bao gồm đại diện của chính quyền các địa phương, hiệp hội doanh nghiệp du lịch, các hiệp hội quần chúng (mà ở nước ta nên là các Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh), các nhà nghiên cứu, các hội bảo vệ môi trường. Hội đồng hoạt động trong các kỳ họp, có cơ quan thường trực giúp việc, có quỹ hoạt động, họ không chỉ là các người phản biện cho các chính sách và quy hoạch phát triển du lịch mà còn là tổ chức tư vấn vào đề xuất các chính sách, các định hướng phát triển du lịch, liên kết trong truyền thông quảng cáo, đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho các doanh nghiệp du lịch trong vùng.

Tại mỗi địa phương, vấn đề là thực hiện việc củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch ở các địa phương qua nhiều nội dung hoạt động. Các nội dung cần triển khai là khá đa dạng.

Một là, củng cố tổ chức bộ máy QLNN ở các tỉnh gắn với việc cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ QLNN về du lịch, đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan.

Hệ thống cơ quan QLNN về du lịch cần được tổ chức thống nhất từ tỉnh đến huyện, thị, thành phố (sau đây gọi cấp huyện) cho đến xã, phường và thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả giữa các ngành, các cấp trong QLNN về du lịch, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi cấp nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trong quản lý, đảm bảo giải quyết nhanh gọn các vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch (như quản lý quy hoạch, đầu tư, khai thác tài nguyên du lịch, quản lý trật tự trong hoạt động kinh doanh du lịch...).

Theo đó, cần nghiên cứu việc phân cấp quản lý hoạt động du lịch phù hợp cho cấp huyện và xã theo vị trí của các khu, tuyến, điểm du lịch. Thành lập ban quản lý

du lịch tại một số khu vực trọng điểm để trực tiếp quản lý các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực quản lý ngành bằng các nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và tài trợ của các tổ chức quốc tế. Cũng cố tổ chức bộ máy QLNN về du lịch ở các địa phương phải đảm bảo việc tổ chức hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch; kiểm tra hoạt động của các ban quản lý các khu, điểm du lịch của các địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan: minh bạch hóa các thủ tục hành chính, áp dụng mô hình một cửa liên thông trong đăng ký đầu tư, kinh doanh du lịch nhằm đảm bảo cho các hoạt động này được thực hiện một cách thuận tiện và tiết kiệm nhất.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong QLNN đối với phát triển du lịch bền vững: tăng cường sử dụng các công nghệ thông tin hiện đại, khai thác hiệu quả Internet, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch. Ngoài ra, cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của Hiệp hội du lịch của tỉnh để làm cầu nối giữa các cá nhân, tổ chức kinh doanh du lịch và Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các sở, ngành khác trong QLNN đối với phát triển du lịch bền vững cũng như trong việc tham mưu cho UBND tỉnh về QLNN đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch phải luôn gắn với việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của các địa phương, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch của Trung ương và tùy thuộc vào khả năng đáp ứng các điều kiện về chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và môi trường đầu tư của địa phương... Chính vì vậy, QLNN về du lịch không thể thiếu sự phối hợp của các cơ quan QLNN về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

Theo đó, tập trung chỉ đạo xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các sở, ngành khác trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh về QLNN đối với hoạt động du lịch. Cụ thể như sau:

Quy chế phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Giao thông vận tải và UBND huyện, thị, thành phố trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, kế hoạch đầu tư KCHT, CSVC-KT du lịch tại các khu, điểm du lịch, đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển phục vụ du khách, kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư xây dựng các công trình du lịch (khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn...).

Quy chế phối hợp với Sở Công thương trong phát triển hệ thống cửa hàng dịch vụ đạt chuẩn để khuyến khích hoạt động mua sắm, tăng chi tiêu của du khách khi đến các tỉnh miền Trung.

Quy chế phối hợp với Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ đội biên phòng, Cục Hải quan trong việc xây dựng đề án nâng cao chất lượng phục vụ tại các đầu mối tiếp xúc với du khách.

Quy chế phối hợp với Công an trong việc quy hoạch mở các tuyến du lịch mới, các loại hình du lịch mới; xây dựng các nội quy, chế độ chung cho hoạt động du lịch, các khách sạn, cơ sở phục vụ du lịch và xử lý những vi phạm xảy ra trên địa bàn đối với các tổ chức, cá nhân (kể cả trong nước và ngoài nước) trong hoạt động du lịch...

Ngoài ra, thường xuyên kết hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương, các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch nhằm nâng cao nhận thức xã hội về du lịch.

Ba là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN đối với phát triển du lịch tại một số tỉnh miền Trung về nghề nghiệp, có phẩm chất tốt, có năng lực tổ chức quản lý, điều hành theo mục tiêu đã định. Theo đó, cần thực hiện các biện pháp chủ yếu sau: trên cơ sở định hướng phát triển du lịch các tỉnh miền Trung, tính toán nhu cầu về số lượng cán bộ QLNN về du lịch cho từng thời kỳ, từng cấp để xây dựng quy hoạch, kế

hoạch đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức thích hợp, kể cả ngắn hạn và dài hạn, kể cả trong nước và ngoài nước về chuyên môn nghiệp vụ du lịch, kiến thức về luật pháp quốc tế, khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện đại... Cần chú trọng đào tạo các chức danh chủ chốt của bộ máy QLNN về du lịch. Trong đào tạo, cần định hướng đúng nội dung đào tạo, những gì còn hụt hẫng, chưa chuyên sâu thì tổ chức đào tạo lại, hoặc mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo từng chuyên đề. Mặt khác, phải từng bước thực hiện "xã hội hóa" công tác đào tạo; thực hiện chế độ Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, mua tài liệu học tập... Bên cạnh đó, khuyến khích cán bộ tự rèn luyện, học tập để trưởng thành, hạn chế sự trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào sự bao cấp của Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện cơ chế thi tuyển, tuyển chọn cán bộ và sử dụng cán bộ đúng khả năng và trình độ chuyên môn được đào tạo để phát huy sở trường, kiên quyết thay thế những cán bộ có phẩm chất kém và năng lực yếu. Đổi mới cách thức đánh giá cán bộ. Theo đó, không thể đánh giá cán bộ một cách chung chung mà phải dựa trên tiêu chuẩn đã quy định. Năng lực cán bộ phải được đo bằng chất lượng và hiệu quả công việc được giao.

3.2.4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực

Các tỉnh miền Trung cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch qua các hình thức sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhằm nâng cao nhận thức cho bản thân người lao động làm du lịch về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hoạt động du lịch đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Nội dung công tác tuyên truyền vận động cần làm rõ vai trò của hoạt động du lịch trong việc giải quyết việc làm, nâng cao mức sống cho người dân địa phương, tạo điều kiện phát triển các ngành kinh tế khác... để từ đó giáo dục ý thức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân lực du lịch. Để làm được điều đó, các tỉnh miền Trung cần có định

hướng đúng đắn cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho du lịch. Vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong công tác quy hoạch phát triển các loại hình du lịch gắn với củng cố, sắp xếp lại các cơ sở phục vụ kinh doanh du lịch và việc đưa ra chỉ tiêu đào tạo cho từng loại đối tượng lao động theo yêu cầu phát triển của ngành. Hàng năm, cần tiếp tục tổ chức chặt chẽ các cuộc thi tay nghề như lễ tân, hướng dẫn viên, nhà kinh doanh giỏi... nhằm thúc đẩy phong trào thi đua và tôn vinh những người lao động giỏi trong hoạt động du lịch.

- Bảo đảm tính hợp lý trong cơ cấu đào tạo, chú trọng đào tạo đồng bộ từ nhân viên phục vụ đến cán bộ quản lý kinh doanh, cán bộ KH - CN, tránh tình trạng chỉ tập trung đào tạo ở bậc đại học mà ít quan tâm đến việc đào tạo ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề; cần đào tạo đồng bộ ở tất cả các khâu như tiếp thị, phục vụ, thuyết minh viên,... đồng thời, phải tạo ra môi trường nghề thật sự ở các cơ sở đào tạo, “học đi đôi với hành”.

- Thực hiện đa dạng hoá các hình thức đào tạo, kết hợp đào tạo lại, đào tạo mới, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, đào tạo ngắn hạn, dài hạn... cho tất cả các trình độ về chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, giao tiếp, ứng xử, ngoại ngữ. Liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo về ngành du lịch với các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn miền Trung, gắn đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực du lịch. Các cơ sở đào tạo trên địa bàn cần xác định được cơ cấu đào tạo phù hợp sẽ tránh được sự mất cân bằng cung cầu lao động trên thị trường, không gây lãng phí nguồn lực của xã hội và tránh được tình trạng “thợ ít, thầy nhiều” trong lĩnh vực du lịch.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý lao động trong doanh nghiệp du lịch, thực hiện tốt việc đóng bảo hiểm cho người lao động, có kế hoạch cụ thể trong việc tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ cho người lao động trong các doanh nghiệp du lịch, chỉ tuyển dụng những lao động đã có chứng chỉ được đào tạo nghiệp vụ du lịch. Các doanh nghiệp du lịch cần tuyển đội ngũ thuyết minh viên giỏi làm việc tại các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia. Việc đào tạo, quản lý và sử dụng đội ngũ thuyết minh phải được thực hiện dựa trên các tiêu chí của ngành Văn hoá - Thông tin. Xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, trước hết cần phải đáp ứng tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Để đáp ứng được yêu cầu bức xúc về nguồn nhân lực du lịch ở các tỉnh miền Trung, đã đến lúc cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo bổ túc, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên hiện đang công tác trong ngành thuộc các khu vực Nhà nước, liên doanh và tư nhân.

Đối với tỉnh Quảng Bình

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng nhất để phát triển du lịch bền vững. Vì vậy cần:

- Rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực du lịch để xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập.

- Dành vốn ưu tiên các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp cho lực lượng lao động du lịch. Bổ sung ngành nghề đào tạo về nghiệp vụ du lịch trong chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch với các trung tâm đào tạo lớn và có uy tín, các doanh nghiệp, tập đoàn kinh doanh du lịch lớn có uy tín, thương hiệu trong và ngoài nước.

- Có chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài về quản lý và kinh doanh dịch vụ, du lịch.

- Ưu tiên nguồn vốn cho việc nghiên cứu khoa học công nghệ có trình độ cao, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả kinh doanh dịch vụ, du lịch. Lập hệ thống cơ sở dữ liệu tin học về du lịch Quảng Bình nhằm cung cấp khai thác thông tin về tài nguyên du lịch, hoạt động dịch vụ, du lịch, hiện trạng môi trường du lịch cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu, vừa quảng bá du lịch, vừa là công cụ quản lý có hiệu quả.

Tăng cường áp dụng KHCN trong hoạt động du lịch, đặc biệt là tin học hóa kinh doanh dịch vụ, du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quảng bá, tuyên truyền, xúc tiến đầu tư và quản lý du lịch.

Đối với thành phố Đà Nẵng

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan xây dựng quy định chuẩn trường đào tạo về du lịch

(chuẩn cơ sở vật chất kỹ thuật, chuẩn giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý và chuẩn chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở đào tạo du lịch).

- Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên du lịch đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn về chất lượng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, tăng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành du lịch. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và giáo viên của các cơ sở đào tạo nghề du lịch bằng nhiều hình thức ở trong và ngoài nước; thu hút công chức, viên chức, các nhà quản lý, các nhà khoa học có trình độ, các doanh nhân, nghệ nhân, chuyên gia, công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao tham gia đào tạo; tiếp tục đào tạo kỹ năng cho đội ngũ thẩm định viên, giám sát viên, đào tạo viên du lịch và sử dụng hiệu quả đội ngũ này trong đào tạo du lịch. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đẩy mạnh đào tạo sau đại học về du lịch. -

Đối với tỉnh Khánh Hòa

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, cơ chế quản lý phát triển nhân lực ngành du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy phát triển nhân lực ngành du lịch thống nhất, chất lượng, hiệu quả, được thừa nhận và đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong cả nước và hội nhập khu vực.

- Đổi mới và thống nhất về chính sách, tiêu chuẩn, điều kiện triển khai thực hiện công tác phát triển nhân lực ngành du lịch. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý phát triển nhân lực ngành du lịch trên cơ sở xác lập một hệ thống các cơ quan quản lý chuyên môn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nhân lực ngành du lịch trên cơ sở đảm bảo quá trình đào tạo tại cơ sở đào tạo du lịch và tại doanh nghiệp được thuận lợi, đạt chất lượng cao và thiết lập công nhận kết quả đào tạo du lịch trong nước và khu vực.

3.2.5. Tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch của tỉnh

3.2.5.1. Tăng cường xúc tiến du lịch ở các tỉnh miền Trung

Tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của các hoạt động xúc tiến du lịch các tỉnh miền Trung. Đây là yêu cầu hết sức bức thiết của du lịch các tỉnh miền Trung trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt sau khi Việt Nam chính thức trở

thành thành viên của WTO. Để thực hiện được điều này, tỉnh cần tập trung làm tốt những công việc chủ yếu sau:

Một là, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, xây dựng phong cách hoạt động chuyên nghiệp. Đổi mới quan điểm và phương pháp xúc tiến, quảng bá du lịch; đổi mới cách xây dựng ấn phẩm, sản phẩm quảng bá du lịch; xúc tiến xây dựng thư viện ảnh, ngân hàng dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng ấn phẩm.

Hai là, đẩy mạnh khai thác các phương tiện và công nghệ truyền thông trong và ngoài nước, tăng cường tham gia các sự kiện du lịch mang tính tuyên truyền cao như hội chợ, lễ hội, các sự kiện thể thao lớn... để tuyên truyền quảng bá, xúc tiến kêu gọi đầu tư, liên kết, hợp tác phát triển du lịch của tỉnh. Đặc biệt, chú trọng các thị trường du lịch trọng điểm để mở rộng hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch các tỉnh miền Trung.

Ba là, hoàn thiện hệ thống thông tin về tiềm năng và lợi thế phát triển du lịch của địa phương; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của các tỉnh miền Trung. Xây dựng hệ thống chỉ dẫn thông tin du lịch. Đẩy nhanh dự án ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức triển khai ngay vào công tác quản lý, quảng bá du lịch, hoàn thiện và đưa website du lịch các tỉnh miền Trung vào hoạt động. Đồng thời, công khai hóa các quy hoạch, các dự án du lịch, các chính sách ưu đãi đầu tư bằng nhiều hình thức như: biên soạn, phát hành các ấn phẩm về tiềm năng du lịch của tỉnh để giới thiệu với các đại lý du lịch nước ngoài nhằm mở rộng phạm vi quảng bá.

Bốn là, chú trọng và chủ động phối hợp với các tỉnh, thành phố trong nước, nhất là TP Hồ Chí Minh và các tỉnh thuộc ĐBSCL, xây dựng các phương án, kế hoạch hợp tác phát triển du lịch một cách cụ thể, thiết thực và hiệu quả. Bên cạnh đó, không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế trong phát triển du lịch với các nước, các tổ chức UNWTO, ASEAN... để tranh thủ kinh nghiệm quản lý, vốn, công nghệ và nguồn khách, tạo điều kiện vật chất cho hoạt động QLNN về du lịch. Trước mắt, đẩy nhanh việc kí kết các kế hoạch hợp tác phát triển du lịch với các nước trong khu vực, nhất là Vương quốc Campuchia và Thái Lan.

Năm là, tích cực vận động đăng cai tổ chức tại tỉnh các hoạt động văn hóa - du lịch, văn hóa - thể thao, giao lưu văn hóa... cấp quốc gia, quốc tế để xây dựng thương hiệu cho du lịch các tỉnh miền Trung.

Sáu là, tiến hành phân tích nhu cầu vốn đầu tư; xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban ngành trong việc thu hút, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, đồng thời khai thác tối đa nguồn lực bên trong cho phát triển du lịch.

4.2.5.2. Liên kết để phát triển hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung

Mở rộng liên kết nội vùng và ngoại vùng trong việc tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, kết nối tour du lịch một cách có hiệu quả nhất. Để đạt được mục tiêu đó, trong những năm tới, hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung cần chú trọng:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích của sự liên kết trước yêu cầu hội nhập quốc tế, với khẩu hiệu: “liên kết cùng phát triển” hay “liên kết vì một điểm đến chung”. Bên cạnh việc sử dụng tài nguyên du lịch của nhau, các bên cũng cần tạo nên các sản phẩm có tính kết nối cao hơn. Đồng thời, nâng cao tuyên truyền, cùng nhau tham gia vào các hoạt động xúc tiến, quảng bá, quản lý chất lượng sản phẩm du lịch, nhằm tăng tính hấp dẫn của điểm đến du lịch, thu hút nhiều hơn nữa các thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Thống nhất về quy hoạch, phát triển mạnh hệ thống giao thông, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch. Cần xây dựng đề án quy hoạch hoạt động du lịch của mỗi địa phương và từ đó đưa ra quy hoạch cho toàn miền Trung. Xây dựng các trung tâm hoạt động du lịch lớn, đầu tư phát triển các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, nối các chương trình du lịch của các tỉnh với nhau, nhất là quan tâm liên kết với các địa phương lân cận.

- Khuyến khích đầu tư cho các dịch vụ còn thiếu và chưa đạt chất lượng, đặc biệt là hệ thống nhà hàng, khách sạn, phương tiện vận chuyển, địa điểm mua sắm trên đường, khu giải trí ban đêm. Cần có cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư cho hoạt động du lịch tại khu vực kinh tế cửa khẩu. Đây sẽ là những cơ hội mới để các doanh nghiệp du lịch ở các tỉnh miền Trung hợp tác với các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước tạo lập sản phẩm du lịch chung, thực hiện kết nối các chương trình du lịch để thu hút du khách quốc tế.

- Phối hợp xây dựng chương trình, sản phẩm du lịch độc đáo, đặc sắc, mang tính riêng biệt của mỗi địa phương. Các địa phương cần hỗ trợ nhau trong việc sưu tập, phục hồi và phát triển các sản phẩm du lịch như các làn điệu dân ca đặc trưng,

các lễ hội đặc sắc, các làng nghề sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ, đồ lưu niệm, sản vật quý hiếm của từng địa phương... Những sản phẩm này được chọn lọc đưa vào từng chương trình du lịch, từng sản phẩm du lịch ở các địa phương. Sự kết nối tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng chính là sự chia sẻ các sản phẩm du lịch trong cùng một tuyến du lịch với các sản phẩm đặc sắc nhất và đó chính là yếu tố giữ chân du khách.

- Các cơ quan quản lý du lịch địa phương cần có sự hợp tác chặt chẽ với nhau để có biện pháp quản lý hiệu quả các hoạt động kinh doanh du lịch, nhất là lữ hành quốc tế; quản lý tốt các khu, điểm du lịch, xử lý nghiêm các hành vi đeo bám khách để bán hàng, xin tiền, lừa đảo và hành hung du khách. Cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các địa phương lân cận để tạo lập các tuyến, điểm du lịch hấp dẫn, nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của các tỉnh miền Trung.

- Để hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung phát triển đồng đều mà không lãng phí, cần phối hợp chặt chẽ, liên kết để tạo sản phẩm du lịch chung cho toàn vùng và sản phẩm du lịch đặc trưng của mỗi địa phương nhằm tránh sự trùng lặp về sản phẩm du lịch. Khuyến khích các ngành liên quan như Giao thông vận tải, Bưu chính viễn thông, Ngoại giao... chủ động tích cực tham gia cung ứng dịch vụ du lịch trên cơ sở hoạt động du lịch là chủ lực. Việc liên kết giữa các ngành cần được phối kết hợp nhịp nhàng, linh hoạt, chặt chẽ để tạo ra những sản phẩm du lịch thật hấp dẫn du khách, góp phần nâng cao hình ảnh du lịch miền Trung.

- Mở rộng hoạt động du lịch nhiều thành phần, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức tại một số tỉnh miền Trung có điều kiện tham gia hoạt động kinh doanh du lịch, một mặt, nhằm huy động được mọi nguồn lực như nguồn vốn nhân rồi, nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên,... phát huy được lợi thế so sánh của vùng, mặt khác, phát triển các làng nghề truyền thống, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, cải thiện đời sống xã hội.

Tuy nhiên, trong đường lối phát triển hoạt động du lịch nhiều thành phần ở các tỉnh miền Trung cần đảm bảo được vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Nhìn chung, cần có sự liên kết thực sự, đi vào bản chất của các địa phương

của miền Trung. Việc xác định rõ những vấn đề chủ yếu đặt ra trên đây sẽ góp phần làm rõ bức tranh du lịch miền Trung trong thời gian tới, sao cho sự phát triển hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung tương xứng với vị trí và tiềm năng, để xứng đáng là điểm đến hấp dẫn của du lịch Việt Nam và để hoạt động du lịch thực sự là ngành kinh tế quan trọng của phát triển KT -XH ở các tỉnh miền Trung. Tuy nhiên, để thực hiện tốt định hướng liên kết du lịch, hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung cần tìm ra “một nhạc trưởng xứng tầm”.

Đối với Quảng Bình

Tổ chức các không gian du lịch

Hướng phát triển du lịch

- Hướng phát triển du lịch quốc lộ I. Khai thác động lực chính gồm thành phố Đồng Hới, khu kinh tế Hòn La, khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đèo Ngang và toàn bộ vùng ven biển dài hơn 116 km với hàng loạt bãi biển đẹp.

- Hướng phát triển đường Hồ Chí Minh: Khai thác toàn bộ khu vực phía Tây, trong đó động lực chính là di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng và các di tích lịch sử đường Hồ Chí Minh.

Các không gian phát triển du lịch chính

- Không gian phía Tây

Tập trung ở 2 huyện Minh Hóa và Bố Trạch với tiềm năng và động lực là di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng, hệ thống hang động ở Tân Hóa, khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, hệ thống các di tích lịch sử cách mạng đường Hồ Chí Minh, hệ thống văn hóa dân tộc thiểu số và tiềm năng du lịch sinh thái.

Các loại hình du lịch chính là: Du lịch gắn với di sản thế giới, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch văn hóa dân tộc thiểu số, du lịch thám hiểm, du lịch mạo hiểm.

- Không gian phía Đông

Tập trung ở khu vực bờ biển dài từ Đèo Ngang đến thành phố Đồng Hới với tiềm năng và động lực chính: thành phố Đồng Hới, Đá Nhảy, khu kinh tế Hòn La, Vũng Chùa - Đảo Yến và khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đền thờ Công chúa Liễu Hạnh, Đèo Ngang và các bãi tắm đẹp, các danh thắng đẹp, văn hóa truyền thống như: Lễ hội, ca trù, ẩm thực, các di tích lịch sử.

Các loại hình du lịch chính là: Du lịch gắn với biển, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch đô thị, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và mua sắm.

- Không gian phía Nam

Tập trung ở huyện Lệ Thủy và một phần huyện Quảng Ninh với tiềm năng và động lực chính là: nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà thờ và lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Non và Núi Thần Đinh, Phà Long Đại, Hội trường Bộ tư lệnh 559, suối Bang.

Các loại hình du lịch chính là: Du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch gắn với biển, du lịch tìm hiểu văn hóa dân tộc Vân Kiều...

Các trung tâm du lịch

Các trung tâm du lịch mang tính chất là trung tâm động lực phát triển du lịch ở tỉnh gồm:

- Trung tâm du lịch thành phố Đồng Hới: là điểm đầu mỗi xuất phát tới các điểm tham quan quan trọng trong toàn tỉnh, vừa là điểm du lịch quá cảnh với các khu, tuyến, điểm du lịch khác ngoài tỉnh và kết nối con đường di sản miền Trung.

- Trung tâm du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng: là nơi đón tiếp khách đến với di sản thiên nhiên thế giới và các di tích lịch sử cách mạng đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại.

- Trung tâm du lịch phía Bắc gắn với động lực du lịch là khu kinh tế Hòn La, với các sản phẩm du lịch chính: nghỉ dưỡng, tâm linh, tắm biển, thể thao cao cấp, du lịch vui chơi giải trí.

- Trung tâm du lịch Phía Nam là nơi đón tiếp khách đến với các di tích lịch sử, văn hóa tâm linh, văn hóa dân tộc thiểu số, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, tín ngưỡng dân gian, làng nghề truyền thống.

Hệ thống các điểm du lịch

- Khu du lịch quốc gia: Phong Nha - Kẻ Bàng không chỉ là khu du lịch động lực của tỉnh, mà còn là điểm đến trên tuyến hành trình con đường di sản miền Trung.

- Các điểm du lịch quan trọng:

+ Các điểm du lịch sinh thái, du lịch biển: bãi tắm Nhật Lệ, Bão Ninh, Quang Phú, Đá Nhảy, Hải Ninh, Ngư Thủy, khu du lịch Vũng Chùa - Đảo Yến, làng biển Bão Ninh, Cảnh Dương, khu du lịch suối nước khoáng Bang.

+ Các điểm di tích lịch sử cách mạng: hang Tám cô TNXP, điểm du lịch Cha Lo - Cổng Trời, sân bay dã chiến Khe Gát, khe Ve, đèo Đá Đẽo, điểm du lịch nhà lưu niệm và khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

+ Các di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan: đền thờ Công chúa Liễu Hạnh, chùa Non và Núi Thần Đinh, đèo Lý Hòa, di chỉ khảo cổ Bầu Tró, đền thờ và lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh, Khu lưu niệm Hoàng Hối Khanh, đền thờ Đền đốc Lê Trực.

+ Các điểm du lịch văn hóa dân tộc: Làng Dân tộc Vân Kiều, bản dân tộc Arem, bản dân tộc Rục, ...phường ca trù Đông Dương (Quảng Trạch)...

Hệ thống các tuyến du lịch chính

- Tuyến du lịch theo quốc lộ I (Tuyến du lịch con đường di sản miền Trung)

- Đây là tuyến du lịch chủ đạo kết nối Quảng Bình với các di sản trong tuyến hành trình con đường di sản miền Trung với các điểm chính: Đèo Ngang, đền thờ Công chúa Liễu Hạnh, khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bãi biển Vũng Chùa - Đảo Yến, Khu kinh tế Hòn La, bãi tắm Quảng Thọ, đèo Lý Hòa và bãi biển Đá Nhảy, thành phố Đồng Hới, biển Hải Ninh, Bầu Sen...

- Tuyến du lịch theo hành lang Đông Tây

- Tuyến Đồng Hới - Phong Nha - Cha Lo: là tuyến có tính chất liên quốc gia kết nối Quảng Bình với Lào và Đông Bắc Thái Lan, với các điểm chính: thành phố Đồng Hới, Phong Nha - Kẻ Bàng, hệ thống hang động ở Tân Hóa, bản Rục, điểm dừng chân Khe Ve, Cha Lo - Cổng Trời.

- Tuyến Đồng Hới - Đông Hà - Lao Bảo: kết nối Quảng Bình với Lào, và Đông Bắc Thái Lan và đô thị trung tâm động lực: Huế - Đà Nẵng - Hội An - Mỹ Sơn.

- Tuyến du lịch đường Hồ Chí Minh huyền thoại

Kết nối Quảng Bình với các điểm đến theo tuyến hành trình con đường huyền thoại Hồ Chí Minh từ Bắc vào Nam, với các điểm chính: cửa khẩu Cha Lo - Cổng Trời, điểm dừng chân Khe Ve, Phong Nha - Kẻ Bàng, điểm dừng chân khu vực dân

tộc Vân Kiều, suối Bang và các di tích lịch sử: sân bay dã chiến Khe Gát, bến phà Nguyễn Văn Trỗi, bến phà Long Đại...

- Tuyển du lịch đường biển

Kết nối các cảng biển, trong đó cảng Hòn La là cửa ngõ chính với Quảng Ninh, Hải Phòng ở phía Bắc và Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu ở phía Nam.

Đối với Đà Nẵng

Du lịch Đà Nẵng cần phối hợp với các tỉnh lân cận hình thành một mạng lưới không gian du lịch với các tuyến, điểm, tour du lịch phong phú, đa dạng gắn kết với con đường di sản văn hóa thế giới (Phong Nha - Huế - Hội An - Mỹ Sơn - Tây Nguyên), trong đó cần chú trọng liên kết với Quảng Nam và Huế để làm phong phú thêm cho sản phẩm du lịch của Đà Nẵng bằng cách thu hút khách đến nghỉ tại Đà Nẵng và chỉ đi tham quan tại Huế và Hội An sau đó về lại Đà Nẵng. Việc hợp tác này, Đà Nẵng với sự thuận lợi về vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng du lịch đã trở thành một điểm dừng chân thay vì chỉ là điểm trung chuyển như trước đây. Ngoài ra, cần tăng cường hợp tác quảng bá du lịch ngay từ cửa ngõ sân bay quốc tế Đà Nẵng và tại các điểm ở Đồng Hới, Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn...

Đối với Khánh Hòa

Đẩy mạnh, tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp lữ hành của các địa phương như: ký kết biên bản hợp tác các Hiệp hội, giữa các thành viên của Hiệp hội với các doanh nghiệp tại các tỉnh: Phú Yên, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Thuận....., mở rộng liên kết vùng, kết hợp quảng bá các sản phẩm du lịch biển Nha Trang với sản phẩm du lịch cao nguyên, tìm hướng đi mới phù hợp với nội dung hợp tác liên kết phát triển du lịch giữa Khánh Hòa và 5 Tỉnh Tây Nguyên như: Đầu tư nâng cấp sản phẩm dịch vụ, tích cực mở rộng thị trường, nối kết tour tuyến.

3.2.5.3. Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế để phát triển hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung

Dựa vào định hướng phát triển hoạt động du lịch chung, một số hoạt động hợp tác trong thời gian tới của các tỉnh miền Trung đối với khu vực bao gồm tăng cường tạo thuận lợi cho đi lại của khách du lịch; phát triển các tuyến du lịch quốc tế trên hành lang và xây dựng hệ thống điểm dừng chân hấp dẫn trên toàn tuyến; các tỉnh miền Trung cùng các địa phương của Lào, Thái Lan và Myanmar trên EWEC nên có cơ chế

hợp tác phù hợp để bàn giải quyết các vấn đề chung, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đưa ra những ý tưởng, những giải pháp có giá trị thực tiễn, tạo điều kiện cho hoạt động du lịch của từng địa phương và cả miền Trung phát triển mạnh mẽ hơn.

Trong thời gian tới, hoạt động du lịch ở các tỉnh miền Trung cần hợp tác chặt chẽ hơn nữa với các nước ASEAN để hình thành các gói sản phẩm du lịch tàu biển, du lịch đường sông; du lịch văn hóa và du lịch gắn với các di sản, du lịch gắn với thiên nhiên, du lịch cộng đồng; cần chủ động và tích cực hơn trong việc mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc thù để thu hút khách trong khu vực ASEAN.

Các doanh nghiệp lữ hành du lịch ở các tỉnh miền Trung hiện nay cần tìm ra chiến lược phù hợp để đối phó với cạnh tranh từ doanh nghiệp lữ hành gửi khách nước ngoài trong giai đoạn tự do hóa thị trường du lịch sau khi gia nhập WTO. Một trong những chiến lược mà các doanh nghiệp cần quan tâm là trở thành các đối tác, liên minh chiến lược của các hãng lữ hành lớn và nổi tiếng trên thế giới dưới hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác, tái cơ cấu tổ chức theo hướng linh hoạt nhằm tận dụng được nguồn khách và nghiệp vụ quản lý, điều hành tiên tiến của các doanh nghiệp nước ngoài. Cần có chính sách quốc gia xuyên suốt để tạo điều kiện cho hoạt động du lịch cạnh tranh quốc tế, thực hiện đúng các cam kết về du lịch với các tổ chức quốc tế, nhất là các cam kết với WTO.

Đối với Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa cần coi trọng việc mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển nhanh hơn nữa du lịch của tỉnh, gắn thị trường du lịch Đà Nẵng với thị trường du lịch quốc gia, khu vực và thế giới. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác du lịch với các cá nhân và tổ chức quốc tế để tranh thủ kinh nghiệm, vốn và nguồn khách góp phần đưa du lịch Quảng Bình, Đà Nẵng và Khánh Hòa nhanh chóng đuổi kịp và hội nhập với trình độ phát triển chung của du lịch khu vực và thế giới.

3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các tỉnh nhằm hoàn thiện QLNN đối với phát triển du lịch. Cần đẩy mạnh việc thanh

tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của Chính phủ về tăng cường quản lý công tác trật tự trị an, bảo vệ môi trường tại các điểm tham quan du lịch, tình hình thực hiện quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng công tác thẩm định các cơ sở lưu trú; thực hiện nghiêm túc việc xét, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo đúng quy định của pháp luật; đẩy mạnh việc giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về du lịch; tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, của tỉnh cho các doanh nghiệp; xây dựng môi trường hoạt động kinh doanh lành mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực du lịch.

Để đạt được những nội dung trên, cần tập trung vào một số công việc chủ yếu như:

Một là, hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm mục đích vừa thúc đẩy các doanh nghiệp kinh doanh trung thực, minh bạch, vừa giúp Nhà nước phát hiện những sai sót của doanh nghiệp để có những biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo sự tôn nghiêm của pháp luật. Vì vậy, để công tác thanh tra, kiểm tra nói riêng, QLNN đối với HDDL nói chung có hiệu lực, hiệu quả cũng như đảm bảo quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh du lịch, phải xác định một cách chính xác phạm vi thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp.

Hai là, đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra. Trình tự, thủ tục thanh tra, kiểm tra phải được nghiên cứu và thiết kế lại một cách hết sức khoa học để làm sao vừa đảm bảo được mục đích, yêu cầu thanh tra, kiểm tra, vừa có sự kết hợp, phối hợp với các cơ quan chức năng khác để tiến hành gọn nhẹ, không trùng lặp chồng chéo, giảm bớt thời gian, không gây phiền hà cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Ba là, đào tạo, lựa chọn một đội ngũ những người làm công tác thanh tra, kiểm tra có đủ năng lực, trình độ, đáp ứng được yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm tra trong tình hình mới. Vấn đề này đòi hỏi người lãnh đạo quản lý và những người làm công tác thanh tra, kiểm tra phải thay đổi nhận thức về công tác thanh tra, kiểm tra. Năng lực của người cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra không đơn giản chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà đòi hỏi phải có một sự hiểu biết toàn diện về tình hình phát triển KT-XH và có quan điểm đúng đắn khi tiến hành thanh tra, kiểm

tra để có thể đánh giá nhanh chóng, chính xác, khách quan bản chất của vấn đề được thanh tra, kiểm tra, tránh sự khô cứng, máy móc.



3.3.1. Đối với Chính phủ

- Nghiên cứu một số chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tế; vì theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì các dự án nhóm B trở xuống nhà đầu tư phải thỏa thuận với các hộ dân để bồi thường, giải phóng mặt bằng là rất khó thực hiện. Do đó, hầu hết các dự án đầu tư nói chung và dự án về du lịch nói riêng đều triển khai rất chậm do vướng về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời tại điểm c điều 3 Nghị định 197/2004/NĐ-CP quy định: “Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư vào Việt Nam thì không phải trả tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư; trường hợp đã chi trả thì được trừ dần vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp”. Theo quy định này thì thể hiện sự không công bằng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Mặt khác, chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư nước ngoài thì ngân sách địa phương phải chi trả là không hợp lý và không cân đối được.

Triển khai kết luận của cuộc họp Tổng kết hoạt động của Ban điều phối Vùng Duyên hải miền Trung giai đoạn 2011-2015, định hướng hoạt động giai đoạn 2016-2020 “Hoàn thiện cơ chế điều phối, nâng cao vị trí, vai trò của Ban Điều phối vùng trong việc nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chủ trương, chính sách phát triển Vùng và định hướng phát triển các địa phương trong Vùng. Sớm triển khai nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng”

- Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Để triển khai các hoạt động điều phối phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Duyên hải miền Trung trong du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét xây dựng cơ chế điều phối các hoạt động trong du lịch các tỉnh miền Trung bao gồm xây dựng chương trình xúc tiến du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch, thu hút đầu tư du lịch cho cả vùng. Xem xét khả năng hình thành một cấp mới: Hiệp hội doanh nghiệp lữ hành, Hiệp hội các doanh nghiệp lưu trú,... của Vùng Duyên hải

miền Trung nhằm liên kết trong quản lý chất lượng, xúc tiến và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành.

Cùng với việc xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch giai đoạn 2015 - 2020 tầm nhìn 2030 làm cơ sở cho các địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ các cơ sở đào tạo du lịch trong nước được tiếp cận, hợp tác với các cơ sở đào tạo du lịch các nước có ngành du lịch phát triển; kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức làm công tác tham mưu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; xây dựng khung tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với khu vực và quốc tế, định mức lao động cho mỗi ngành nghề theo quy mô đầu tư, cấp hạng được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Phối hợp triển khai, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc điều tra và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về lao động của các địa phương.

Thiết lập văn phòng đại diện du lịch quốc gia ở những thị trường trọng điểm để hỗ trợ nghiên cứu thị trường, thiết lập quan hệ với các hãng lữ hành nước ngoài, cung cấp, hướng dẫn, giải đáp thông tin kịp thời cho du khách và xúc tiến trực tiếp tới du khách tiềm năng. Trước mắt, chưa có điều kiện thiết lập văn phòng đại diện ở nước ngoài, Tổng cục Du lịch có thể liên kết với Hãng không Vietnam Airlines đặt đại diện tại các thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam trong việc quảng bá đến các thị trường quốc tế và đóng góp kinh phí cho việc thúc đẩy các tuyến đường hàng không mới đến Việt Nam.

Định hướng và tạo điều kiện xúc tiến thành lập các Công ty du lịch mạo hiểm ở Việt Nam để phối hợp và hỗ trợ các điểm đến phát triển các sản phẩm du lịch mạo hiểm.

- *Đối với Bộ Giao thông vận tải:* Chú trọng hiện đại hóa hệ thống hàng không quốc tế; xây dựng các đường bay thẳng đến những thị trường khách trọng điểm và cải tiến hệ thống dịch vụ tại các sân bay. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy hoạch bền vững và điểm dừng tại các vị trí hợp lý trên các tuyến giao thông.

- *Đối với Bộ Công an*: Tăng cường chấp pháp; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm quy định về an toàn giao thông trên các tuyến đường nhằm đảm bảo an toàn của du khách tới các điểm du lịch.

- *Đối với Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh*: (Cục quản lý xuất nhập cảnh tại các thành phố lớn, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố) quy định thủ tục VISA đơn giản, nhanh chóng. Tiếp tục minh bạch hóa và tạo điều kiện thật thông thoáng để các công ty du lịch quốc tế, người nước ngoài tiếp cận VISA một cách đơn giản nhất, thuận lợi nhất; mở rộng hình thức cấp VISA trực tuyến qua mạng (VISA online), tạo thuận lợi và nhanh chóng cho việc cấp VISA tại cửa khẩu; điều chỉnh thời hạn tạm trú của khách du lịch được miễn thị thực là 30 ngày thay vì 15 ngày như hiện nay.

- *Đối với Bộ Tài chính*: Phối hợp với Bộ VHTT&DL triển khai hỗ trợ chương trình giảm giá đồng loạt khi cần thiết thực hiện chương trình kích cầu du lịch bằng cách giảm thuế cho các doanh nghiệp du lịch.

- *Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo*: Phối hợp với Bộ VHTT&DL đưa học phần về Di sản Việt Nam trong chương trình đào tạo của các trường du lịch; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo trong nước được hợp tác với các đối tác nước ngoài trong công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch; triển khai quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo về du lịch tại các trung tâm du lịch, xúc tiến nhanh việc mở trường đại học du lịch tại miền Trung.

- *Đối với Bộ LĐ - Thương binh và xã hội*: Phối hợp với Bộ VHTT&DL hoàn thiện xây dựng khung tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với khu vực và quốc tế, định mức LĐ cho mỗi chức danh của ngành du lịch, quy mô đầu tư, cấp hạng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- *Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ*: Phối hợp với Bộ VHTT&DL nghiên cứu ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng các dịch vụ du lịch và khuyến khích các doanh nghiệp du lịch áp dụng các hệ thống chất lượng quốc tế.

3.3.2. Đối với Hiệp hội du lịch Việt Nam

- Tăng cường cơ chế đối thoại công tư ở cấp quốc gia và cấp tỉnh. Tổ chức hội thảo theo Vùng định kỳ để xác định những ưu tiên phát triển trong kế hoạch hoạt động của Hiệp hội Du lịch Việt Nam trong những năm tới; đồng thời tìm ra các giải pháp nâng cao năng lực hoạt động của Hiệp hội Du lịch Việt Nam cũng như Hiệp hội Du lịch các tỉnh, thành phố.

- Tổ chức liên kết xây dựng tour, tuyến du lịch giữa các địa phương với nhau; thật sự đi vào chiều sâu, tạo điều kiện để hoạt động du lịch của các địa phương phát triển.



TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Chương 3 nêu rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương hướng hoàn thiện và giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch miền Trung trở thành ngành kinh tế động lực. Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam, định hướng phát triển KT-XH nói chung và du lịch nói riêng của các tỉnh miền Trung; NCS đã đưa ra một số nội dung chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác QLNN địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung. Cụ thể đã giải quyết những nội dung sau:

- Dự báo phát triển du lịch các tỉnh miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 bao gồm: định hướng phát triển KT-XH các tỉnh miền Trung đến năm 2030; dự báo phát triển du lịch các tỉnh miền Trung đến năm 2030.

- Biện pháp bảo đảm thực hiện phương hướng hoàn thiện QLNN địa phương với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung. Trong nội dung này, NCS tập trung vào 4 vấn đề là: Chuẩn bị nguồn nhân lực cho phát triển du lịch; giải quyết vốn đầu tư cho phát triển du lịch; cải cách thủ tục hành chính để phát triển du lịch; xã hội hoá một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch.

- Kiến nghị với Chính phủ và Hiệp hội du lịch Việt Nam về hoàn thiện một số chính sách, tạo cơ chế nhằm giúp cho các tỉnh miền Trung có điều kiện phát triển du lịch bền vững.

KẾT LUẬN

1. Trên thế giới hiện nay, ngành du lịch đang giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế. Du lịch đã tạo ra rất nhiều công ăn việc làm, đóng góp cho ngân sách nhà nước và là công cụ hữu hiệu để thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo cho những vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, việc phát triển quá nhanh, không có sự kiểm soát đã gây những ảnh hưởng lớn đến môi trường, xã hội và cả nền kinh tế. Điều đó đã làm cho những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch tìm kiếm con đường mới cho mình, đó chính là phát triển du lịch bền vững.

2. Miền Trung Việt Nam với lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cảng biển và sân bay quốc tế, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, bờ biển đẹp, các di sản thế giới và độ dày lịch sử, văn hoá, cách mạng đã tạo cho các tỉnh miền Trung có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch, đồng thời trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế. Với tiềm năng, thế mạnh và lợi thế cạnh tranh, chủ trương phát triển du lịch bền vững và sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của các tỉnh miền Trung Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của thế giới và Việt Nam.

3. QLNN đối với phát triển du lịch bền vững các tỉnh miền Trung là nhân tố quyết định đến sự phát triển của ngành du lịch, qua đó ảnh hưởng đến mức độ đóng góp của ngành này vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như sự phát triển chung về kinh tế, xã hội của một số tỉnh miền Trung. Với tinh thần đó, luận án đã giải quyết được một số vấn đề chủ yếu sau:

Một là, hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển du lịch bền vững và QLNN đối với phát triển du lịch bền vững của chính quyền địa phương hiện nay, như khái niệm, đặc điểm du lịch bền vững và các loại hình hoạt động kinh doanh du lịch; quan điểm, đặc điểm của QLNN đối với phát triển du lịch bền vững; vai trò của QLNN đối với phát triển du lịch bền vững; nội dung QLNN đối với phát triển du lịch bền vững của chính quyền các cấp.

Hai là, phân tích thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung giai đoạn 2001-2015. Trong đó, tập trung

các nội dung: (1) Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững; (3) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và các doanh nghiệp nhà nước địa phương hoạt động du lịch; (4) Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch; (5) Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững các tỉnh miền Trung. Trong đó, nêu lên những kết quả đạt được; những hạn chế, tồn tại; nguyên nhân của những hạn chế.

Ba là, đề xuất phương hướng và 07 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung hiện nay, bao gồm: (1) Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật về du lịch cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cán bộ, nhân dân trong địa phương; (2) Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch; (3) Củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến cơ sở, đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch; (4) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; (5) Tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch của tỉnh; (6) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung; (7) Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững.

Tóm lại, Quản lý nhà nước của chính quyền địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam nhằm thúc đẩy ngành du lịch phát triển, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế-xã hội của một số tỉnh miền Trung nói riêng và khu vực nói chung.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

TT	Các bài báo đã đăng	Năm	Nơi đăng
1	Du lịch Đà Nẵng - Tài nguyên và thực trạng, Tạp chí Thương mại số 14, năm 2010	2010	Tạp chí Thương mại
2	Du lịch Đà Nẵng - Những giải pháp phát triển bền vững, Tạp chí Thương mại số 16, năm 2010	2010	Tạp chí Thương mại
3	Phát triển bền vững thương mại hàng hóa thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh hội nhập quốc tế (đồng tác giả)	2013	Hội thảo quốc tế “Hội nhập quốc tế: Thành tựu và những vấn đề đặt ra” do Trường Đại học Thương mại tổ chức
4	Phát triển du lịch miền Trung bền vững, Tạp chí Du lịch số 9, năm 2014	2014	Tạp chí Du lịch
5	Bàn về nhân lực du lịch miền Trung, Tạp chí Du lịch số 10, năm 2014	2014	Tạp chí Du lịch
6	Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững trong và ngoài nước-Bài học rút ra cho Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	2016	Hội thảo quốc tế “Phát triển du lịch bền vững Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ” do Trường Đại học Thương mại, Trường Cao đẳng Thương mại và Trường Đại học Nam Hoa (Đài Loan) đồng tổ chức

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Vũ Xuân Cảnh (1997), *Quy hoạch tổng thể du lịch Việt Nam với chiến lược quản lý tài nguyên và môi trường*, Trung tâm KHTN và CNQG
2. Trịnh Xuân Dũng (1995), *Quản lý nhà nước về du lịch*, Du lịch.
3. Trịnh Xuân Dũng (1989), *Một số vấn đề về tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam*, Luận án PTS Khoa học kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Mạnh Cường (2015), *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
5. Dự án quốc gia VIE/95/050 (1999), *Quy hoạch chiến lược hợp nhất và kế hoạch đầu tư đa ngành*.
6. Dự án quốc gia VIE97/016 (2001), *Các vấn đề pháp lý và thể chế về chính sách cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Nghị quyết TW 3 khóa IX, Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 14-NQ/TW ngày 18/3/2002, Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 18/3/2002, Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001-2010*.
12. Trần Minh Đạo (chủ biên) (2006), *Giáo trình Marketing căn bản* (tái bản lần 1), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (chủ biên) (2004), *Giáo trình Kinh tế Du*

lịch, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

14. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (1995), *Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

15. Nguyễn Hồng Giáp (2002), *Kinh tế Du lịch*, Nhà xuất bản Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

16. Đỗ Thanh Hoa (2006), *Nghiên cứu đề xuất đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch Việt Nam tại một số thị trường du lịch quốc tế trọng điểm*, Đề tài cấp Bộ (Tổng cục Du lịch).

17. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội.

18. Nguyễn Thu Hạnh (2011), *Hiện trạng và giải pháp phát triển các khu du lịch biển quốc gia tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ*, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch.

19. Lưu Bích Hồ (2001), "*Một số vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010)*", Tạp chí *Cộng sản*, (8), Hà Nội.

20. Hoàng Văn Hoan (2002), *Hoàn thiện QLNN về lao động trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

21. Nguyễn Khoa Khôi, Đồng Thị Thanh Phương (2007), *Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

22. Phạm Trung Lương (2007), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

23. PGS.TS. Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*.

24. Nguyễn Văn Lưu (2009), *Nhu cầu nhân lực du lịch của Việt Nam đến năm 2020*. Báo cáo tại Hội thảo "Nhu cầu xã hội về nhân lực du lịch và sự cần thiết mở mã ngành đào tạo: Ngành du lịch". Đại học quốc gia Hà Nội.

25. TS. Hồ Kỳ Minh (2012), *Định hướng phát triển bền vững ngành du lịch thành phố Đà Nẵng*.

26. Trần Văn Mậu (2001), *Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

27. Đông Ngọc Minh, Vương Đình Lôi (chủ biên) (2000), *Kinh tế Du lịch và Du lịch học*, Nguyễn Xuân Quý dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
28. Bùi Xuân Nhân (2009), *Giáo trình marketing du lịch*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
29. Trần Nhạn (1996), *Du lịch và Kinh doanh du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
30. Nghị quyết 09 - NQ/ TW, *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*.
31. Quốc hội (2003), *Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003*, Hà Nội.
32. Quốc hội (2005), *Luật Du lịch số 44/2005/QH11*, Hà Nội.
33. Quốc hội (2005), *Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2005), *Luật Đầu tư ngày 29/11/2005*, Hà Nội.
35. Quốc hội CHXHCNVN (1993), *Luật Bảo vệ môi trường*, Nxb Chính Trị Quốc Gia.
36. Quốc hội CHXHCNVN (2001), *Luật Di sản Văn hóa*, Nxb Chính Trị Quốc Gia (sửa đổi năm 2009).
37. Quốc hội CHXHCNVN (2005), *Luật du lịch*, Nxb Chính Trị Quốc Gia.
38. Quốc hội CHXHCNVN (2008), *Luật Giao thông đường bộ*, Nxb Chính Trị Quốc Gia.
39. Quốc hội khoá XI (2005), *Luật Du lịch*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Bùi Tiên Quý (2000), *Phát triển và quản lý nhà nước về kinh tế dịch vụ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
41. Lương Xuân Quỳ (2006), *Quản lý Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Trương Sỹ Quý (2002), *Phương hướng và một số giải pháp để đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
43. PGS.TS. Bùi Thị Tám (2012), *Thực trạng, nhu cầu và định hướng liên kết đào tạo nguồn nhân lực Du lịch cho vùng duyên hải miền Trung*. Báo cáo tại Hội thảo khoa học “Liên kết đào tạo nguồn nhân lực các tỉnh duyên hải miền Trung”.

44. Thủ tướng Chính phủ "*Qui hoạch tổng thể phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*", Quyết định số 201/QĐ - TTg ngày 22/01/2013
45. Thủ tướng Chính phủ, "*Chiến lược phát triển DL Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*", Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011
46. Thủ tướng Chính phủ, "*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*", Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013
47. Thủ tướng Chính phủ, "*Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*", Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014
48. Thủ tướng chính phủ, *Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý môi trường, đảm bảo an ninh an toàn cho khách DL*, Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 4/9/2013
49. Tổng Cục Du lịch (2012), *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*
50. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2000), *Phát triển du lịch vùng kinh tế động lực miền Trung đến 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
51. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2011), *Phương hướng phát triển du lịch Nghiên cứu xây dựng tiêu chí các khu, tuyến, điểm du lịch ở Việt Nam*, Hà Nội.
52. Bùi Thị Hải Yến (2010), *Quy hoạch du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam
- B. Tiếng Anh**
53. Hamilton - Smint E. (2002), Report of Visit to Phong Nha/Ke Bang, IUCN Task Force on Cave and Karst Management.
54. Hunter C., Green H. (1995), National and Regional Tourism planning: Methodologies and Case Studies, Routledge, London
55. Iain T. Christie and Doreen E. Crompton, "*Tourism in Africa*", Africa Region Working Paper Series No. 12, February 2001.
56. J.R.Brent Ritchie, Geoffrey Ian Crouch (2003), *The Competitive Destination: A Sustainability Tourism Perspective*, CABI

57. Jonathan Bodlender và Jonathan Bodlender (1991), *Developing Tourism Destinations: Policies and Perspectives*, Longman.
58. Larry Dwyer and Chulwon Kim (2003), *Destination Competitiveness: A model and Determinants*, University of Western Sydney, Australia & Kemimyung University, Korea
59. Machado A. (1990), *Ecology, Environment and Development in the Canary Islands*, Santa Cruz de Tenerife.
60. Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development, Capacity Building for Tourism Development in VietNam, VNAT and FUEDES, VietNam*
61. Manning E. W. (1996), Carrying capacity and environmental indicators: What tourism managers need to know.
62. Marios Soteriades (2011), *Tourism Destination Marketing: Improving Efficiency and Effectiveness*, Lambert Academic Publishing
63. Metin Kozak, Seyhmus Baloglu (2010), *Managing and Marketing Tourist Destinations: Strategies to Gain a competitive Edge*, Madison Avenue, New York
64. Michael D. Beyard (2001), *Developing retail entertainment destinations*, Urban Land Institute.
65. Simon Anholt (2009), *Places: Identity, Image and Reputation*, Palgrave Macmillan.
66. Steven Pike (2013), *Destination Marketing Organisations*, Routledge
67. The World Economic Forum (WEF) (2004), *Competitiveness of destinations in the world in 2004*.
68. Yangzhou Hu, J.R. Brent Ritchie (1993), *Measuring Destination Attractiveness: A Contextual Approach*, CABI.
69. United Nations (1987), *Brundtland Report*, PD-UN



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VIỆT NAM



PHỤ LỤC 2

Bảng 1: Diện tích và dân số các tỉnh miền Trung

TT	Tỉnh/TP	Diện tích (km^2)	Dân số (nghìn người)	Tỉnh lỵ
1	Thanh Hóa	11.132,2	3.426,6	TP. Thanh Hóa
2	Nghệ An	16.490,9	2.952,0	TP. Vinh
3	Hà Tĩnh	5.997,8	1.230,5	TP. Hà Tĩnh
4	Quảng Bình	8.065,3	857,9	TP. Đồng Hới
5	Quảng Trị	4.739,8	608,1	TP. Đông Hà
6	Thừa Thiên-Huế	5.033,2	1.114,5	TP. Huế
7	Đà Nẵng	1.285,4	973,8	TP. Đà Nẵng
8	Quảng Nam	10.438,4	1.450,1	TP. Tam Kỳ
9	Quảng Ngãi	5.153,0	1.227,9	TP. Quảng Ngãi
10	Bình Định	6.050,6	1.501,8	TP. Quy Nhơn
11	Phú Yên	5.060,6	877,2	TP. Tuy Hòa
12	Khánh Hòa	5.217,7	1.183,0	TP. Nha Trang
13	Ninh Thuận	3.358,3	576,7	TP. Phan Rang-Tháp Chàm
14	Bình Thuận	7.812,8	1.193,5	TP. Phan Thiết
Cộng	14 tỉnh	95.835,8	19.173,6	

Nguồn: Niên giám Thống kê 2014

Bảng 2: Phân bố mẫu khảo sát của cơ quan quản lý nhà nước

STT	Tỉnh	Đơn vị hành chính		Phân bố mẫu điều tra	
		Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp xã	Đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị hành chính cấp xã
1	Quảng Bình	8	159	6	32
2	Đà Nẵng	8	56	6	20
3	Khánh Hòa	9	140	8	28
	Tổng	25	355	20	80

Kết quả khảo sát của NCS

PHỤ LỤC 3

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho cơ quan quản lý nhà nước)

Kính gửi Ông (Bà):.....

Để giúp có thêm thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam*”, kính mong Quý vị dành chút thời gian điền vào bảng hỏi dưới đây. Ý kiến của Quý vị được tích bằng dấu \surd vào ô tương ứng.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

- Tên tổ chức:

- Chức danh của Quý vị:

- Loại hình hoạt động :

UBND cấp xã/phường

UBND cấp quận/huyện

Sở, ban, ngành

Trung tâm xúc tiến du lịch

PHẦN II: Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Câu 1: Đánh giá của Quý vị về tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Tài nguyên du lịch tự nhiên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tài nguyên du lịch nhân văn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 2: Đánh giá của Quý vị về xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quan điểm phát triển	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu phát triển	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Định hướng phát triển	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Kế hoạch phát triển	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 3: Đánh giá của Quý vị về quy hoạch phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Xây dựng mô hình du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phân khu dịch vụ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phân khu dịch vụ hỗ trợ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tuyến, điểm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 4: Đánh giá của Quý vị về chính sách phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- CS quản lý phát triển du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS tạo môi trường thu hút đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS phát triển nguồn nhân lực du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS xúc tiến quảng bá du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Việc đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 5: Đánh giá của Quý vị về đầu tư phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quan điểm và chính sách đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Môi trường đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Thực hiện các dự án đầu tư trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư xúc tiến quảng bá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 6 : Đánh giá của Quý vị về phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ sở dịch vụ của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 7: Đánh giá của Quý vị về phát triển nguồn nhân lực du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chính sách đào tạo, thu hút nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình giáo dục và đào tạo kỹ năng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình nâng cao nhận thức du lịch cho cộng đồng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình chuyển giao, hỗ trợ doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình chăm sóc khách hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Tổ chức quản lý nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tổ chức đào tạo nhân lực (kế hoạch và tổ chức đào tạo hàng năm, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 8: Đánh giá của Quý vị về tính bền vững của du lịch địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương và giảm thiểu tác động tiêu cực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho du khách và giảm thiểu tác động tiêu cực di sản	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường tự nhiên và giảm thiểu tác động tiêu cực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 9: Đánh giá của Quý vị về phát triển sản phẩm du lịch và dịch vụ hỗ trợ du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Phát triển loại hình, sản phẩm du lịch chất lượng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển điểm hấp dẫn và trải nghiệm mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển các tuyến, tour mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển công nghệ thông tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 10: Đánh giá của Quý vị về hoạt động xúc tiến du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Chiến lược quảng bá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hiệu quả quảng bá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khai thác cơ hội thị trường mới và tập trung vào các đoạn thị trường mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển các chương trình, sự kiện thu hút khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Xúc tiến thị trường mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch của địa phương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nâng cao uy tín của cơ quan quản lý du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 11: Đánh giá của Quý vị về quản lý hoạt động du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quản lý nhà nước về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Quản lý doanh nghiệp du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hệ thống văn bản luật pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 12: Đánh giá của Quý vị về công tác an toàn và an ninh của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Bảo hiểm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương tiện y tế và tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Trang web liên kết cho khách và ứng trực 24/24 về dịch vụ y tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mạng lưới thông tin và biển chỉ đường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Công tác cứu hộ cứu nạn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình phòng chống tội phạm, khủng bố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo VSATTP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình phòng chống dịch bệnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo an toàn giao thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 13: Đánh giá của Quý vị về phát triển liên kết du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Liên kết trong quản lý nhà nước về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong xây dựng, tổ chức quản lý và thực hiện chương trình du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong quảng bá xúc tiến du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong sử dụng và phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 14: Đánh giá của Quý vị về mức độ thuận lợi của một số điểm du lịch của địa phương (điền điểm cụ thể: 1, 2, 3, 4, 5 tương ứng với mức đánh giá: Rất kém, Kém, Trung bình, Tốt, Rất tốt)

TT	Điểm du lịch	Tiêu chí đánh giá và hệ số quan trọng					
		Hấp dẫn (3)	CSVCKT - HT (3)	Thời gian hoạt động (3)	Vị trí (2)	Sức chứa (2)	Độ bền vững (1)
1	Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình)						
2	Thành cổ Quảng Trị (Quảng Trị)						
3	Đại nội Huế (Thừa Thiên-Huế)						
4	Núi Bạch Mã (Thừa Thiên-Huế)						
5	Bãi biển Lăng Cô (Thừa Thiên-Huế)						
6	Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng)						
7	Bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)						
8	Núi Bà Nà (Đà Nẵng)						

TT	Điểm du lịch	Tiêu chí đánh giá và hệ số quan trọng					
		Hấp dẫn (3)	CSVCKT - HT (3)	Thời gian hoạt động (3)	Vị trí (2)	Sức chứa (2)	Độ bền vững (1)
9	<i>Phố cổ Hội An (Quảng Nam)</i>						
10	<i>Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)</i>						
11	<i>Đảo Cù Lao Chàm (Quảng Nam)</i>						
12	<i>Khu chứng tích Sơn Mỹ (Quảng Ngãi)</i>						
13	<i>Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)</i>						
14	<i>Khu du lịch Ghềnh Ráng (Bình Định)</i>						
15	<i>Mộ Hàn Mạc Tử (Bình Định)</i>						
16	<i>Ghềnh Đá Đĩa (Phú Yên)</i>						
17	<i>Vinpearl Land (Khánh Hòa)</i>						
18	<i>Viện Hải dương học Nha Trang (KH)</i>						
19	<i>Tháp Bà Ponagar (Khánh Hòa)</i>						
20	<i>Mũi Né (Bình Thuận)</i>						
21	<i>Bàu Trắng (Bình Thuận)</i>						
22	<i>Bãi biển Ninh Chữ (Ninh Thuận)</i>						

Câu 15: Theo Quý vị, những loại hình du lịch nào phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch của địa phương

- | | | |
|---|------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Nghỉ dưỡng | <input type="checkbox"/> Sinh thái | <input type="checkbox"/> Khám phá |
| <input type="checkbox"/> Lễ hội | <input type="checkbox"/> Văn hóa | <input type="checkbox"/> Nghiên cứu, học tập |
| <input type="checkbox"/> Thể thao kết hợp | <input type="checkbox"/> Tôn giáo | <input type="checkbox"/> MICE |

Câu 16: Đánh giá của Quý vị về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch của địa phương

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất nhiều	Nhiều	Trung bình	Ít	Rất ít
1	Các yếu tố môi trường tự nhiên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Các yếu tố kinh tế	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Các yếu tố văn hóa xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Các yếu tố an ninh, chính trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Yếu tố chính sách, pháp luật của Nhà nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Yếu tố công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Xu hướng toàn cầu hóa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 17: Ý kiến của Quý vị về các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững của địa phương

TT	Giải pháp	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến
1	Hoàn thiện chiến lược và kế hoạch phát triển du lịch bền vững	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch bền vững	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Xây dựng mô hình du lịch và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp, đặc sắc, hấp dẫn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản, tu bổ các di tích danh thắng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Phát triển thương hiệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tăng cường xúc tiến quảng bá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết ngành	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Giải pháp khác (sự hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức Phi chính phủ trong và ngoài nước)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHẦN III: LỜI CẢM ƠN

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã bớt chút thời gian hoàn thành mẫu phiếu khảo sát này. Các thông tin liên quan đến phiếu này xin chuyển lại cho tác giả theo địa chỉ sau:

- Mail: *hoangtu0201@gmail.com*

- Địa chỉ: Nguyễn Hoàng Tứ, Trường Cao đẳng Thương mại

45 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.



PHỤ LỤC 4
PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho doanh nghiệp hoạt động du lịch)

Kính gửi Ông (Bà):

Để giúp có thêm thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh miền Trung Việt Nam*”, kính mong Quý vị dành chút thời gian điền vào bảng hỏi dưới đây. Ý kiến của Quý vị được tích bằng dấu √ vào ô tương ứng.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

- Tên tổ chức:

- Chức danh của Quý vị:

- Loại hình doanh nghiệp:

Doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp tư nhân

Công ty cổ phần

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Công ty TNHH

Loại hình khác

- Ngành nghề kinh doanh:

Lữ hành

Nhà hàng

Cơ sở DV vui chơi, giải trí

Khách sạn, resort

Dịch vụ vận chuyển

Dịch vụ mua sắm

Cơ sở lưu trú khác

Điểm tham quan

Kinh doanh DV khác

PHẦN II: Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

Câu 1: Đánh giá của Quý vị về quy hoạch phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Về mục tiêu của quy hoạch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phân khu dịch vụ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Xây dựng mô hình du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tuyển, điểm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 2: Đánh giá của Quý vị về chính sách phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- CS quản lý phát triển du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS tạo môi trường thu hút đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS phát triển nguồn nhân lực du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS xúc tiến quảng bá du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS xúc tiến thương hiệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS hoàn thuế giá trị gia tăng cho du khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Việc đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 3: Đánh giá của Quý vị về đầu tư phát triển du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quan điểm và chính sách đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Môi trường đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Thực hiện các dự án đầu tư	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Đầu tư xúc tiến quảng bá	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 4: Đánh giá của Quý vị về phát triển nguồn nhân lực du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chính sách đào tạo, thu hút nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình giáo dục và đào tạo kỹ năng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình nâng cao nhận thức du lịch cho cộng đồng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình chuyển giao, hỗ trợ doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình chăm sóc khách hàng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tổ chức quản lý nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tổ chức đào tạo nhân lực (kế hoạch và tổ chức đào tạo hàng năm, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 5: Đánh giá của Quý vị về du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quản lý hoạt động du lịch bền vững	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho du khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường tự nhiên	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 6: Đánh giá của Quý vị về phát triển sản phẩm du lịch và dịch vụ hỗ trợ du lịch của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Phát triển loại hình, sản phẩm du lịch chất lượng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển điểm hấp dẫn và trải nghiệm mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển các tuyến, tour mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển công nghệ thông tin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 7: Đánh giá của Quý vị về hoạt động xúc tiến thương hiệu du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Chiến lược tiếp thị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hiệu quả tiếp thị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khai thác cơ hội thị trường mới và tập trung vào các đoạn thị trường mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển các chương trình, sự kiện thu hút khách	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Xúc tiến thị trường mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phát triển hình ảnh và thương hiệu du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Nâng cao uy tín của cơ quan quản lý du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 8: Đánh giá của Quý vị về quản lý hoạt động du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Quản lý nhà nước về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Quản lý doanh nghiệp du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hệ thống văn bản luật pháp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 9: Đánh giá của Quý vị về công tác an toàn và an ninh của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Bảo hiểm du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Phương tiện y tế và tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mạng lưới thông tin và biển chỉ đường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Công tác cứu hộ cứu nạn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình phòng chống tội phạm, khủng bố	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo VSATTP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình phòng chống dịch bệnh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Chương trình đảm bảo an toàn giao thông	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 10: Đánh giá của Quý vị về phát triển liên kết du lịch bền vững của địa phương

Chỉ tiêu	Mức đánh giá				
	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
- Liên kết trong quản lý nhà nước về du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong xây dựng, tổ chức quản lý và thực hiện chương trình du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong quảng bá xúc tiến du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong sử dụng và phát triển nguồn nhân lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Liên kết trong đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 11: Theo Quý vị, doanh nghiệp đã xúc tiến quảng bá tới thị trường quốc tế qua những kênh nào (xếp thứ tự)

- Công ty du lịch/Văn phòng đại diện Internet
 Tạp chí, sách, tập gấp, băng đĩa Truyền hình
 Hội chợ du lịch Khác

Câu 12: Đánh giá của Quý vị về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững của địa phương

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất nhiều	Nhiều	Trung bình	Ít	Rất ít
1	<i>Các yếu tố môi trường tự nhiên</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	<i>Các yếu tố kinh tế</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	<i>Các yếu tố văn hóa xã hội</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	<i>Các yếu tố an ninh, chính trị</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	<i>Yếu tố chính sách, pháp luật của Nhà nước</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	<i>Yếu tố công nghệ</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	<i>Xu hướng toàn cầu hóa</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 13: Theo ý kiến của Quý vị để phát triển du lịch bền vững cần những giải pháp nào

TT	Giải pháp	Rất đồng ý	Đồng ý	Không ý kiến
1	<i>Hoàn thiện chiến lược và kế hoạch phát triển du lịch bền vững</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	<i>Hoàn thiện quy hoạch phát triển du lịch bền vững</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3	<i>Xây dựng mô hình du lịch và phát triển sản phẩm du lịch phù hợp, đặc sắc, hấp dẫn</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	<i>Phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	<i>Tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản, tu bổ các di tích danh thắng</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	<i>Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	<i>Phát triển thương hiệu</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	<i>Tăng cường xúc tiến quảng bá</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	<i>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	<i>Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	<i>Tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết ngành</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	<i>Giải pháp khác (sự hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức Phi chính phủ trong và ngoài nước)</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHẦN III: LỜI CẢM ƠN

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị đã bớt chút thời gian hoàn thành mẫu phiếu điều tra này. Các thông tin liên quan đến phiếu này xin chuyển lại cho tác giả theo địa chỉ sau:

- Mail: *hoangtu0201@gmail.com*

- Địa chỉ: Nguyễn Hoàng Tú, Trường Cao đẳng Thương mại

45 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

PHỤ LỤC 5
PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO DU KHÁCH

Nhằm phục vụ cho công tác đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch.
Đề nghị quý khách tham gia trả lời phiếu khảo sát với những nội dung sau:

I. Thông tin về du khách

Tên du khách (có thể không ghi mục này):.....

Đến từ:.....

Email:

II. Ý kiến đánh giá (đánh dấu vào ô tương ứng)

Câu 1: Xin vui lòng cho biết mức độ thường xuyên đi du lịch của Quý khách như thế nào?

- Dưới 1 tháng/ 1lần
- Từ 1 - dưới 3 tháng/ 1lần
- Từ 3 - 6 tháng/ 1lần
- Trên 1 năm/ 1lần

Câu 2: Xin vui lòng cho biết lý do mà Quý khách đi du lịch

- Nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và muốn khám phá
- Đi du lịch để khẳng định đẳng cấp
- Cơ quan và tổ chức cho đi
- Có chương trình khuyến mãi
- Khác

Câu 3: Xin vui lòng cho biết Quý khách thường xuyên đi du lịch vào dịp nào nhất?

- Vào các dịp các địa điểm du lịch tổ chức lễ hội
- Vào cuối tuần
- Vào lúc cơ quan và tổ chức cho đi
- Thăm người thân
- Khác

Câu 4: Xin vui lòng cho biết Quý khách thường thu thập thông tin về du lịch từ nguồn truyền thông nào nhất?

- Bạn bè, người thân giới thiệu
- Bruchure, tờ rơi.
- Quảng cáo trên Tivi, báo chí, truyền thanh, internet.....
- Tìm hiểu trực tiếp qua công ty lữ hành, đại lý du lịch
- Hội chợ, triển lãm
- Khác

Câu 5: Xin vui lòng cho biết tour du lịch nào mà Quý khách sẽ lựa chọn để đi du lịch trong thời gian tới?

- Du lịch nghỉ dưỡng ở núi rừng
- Du lịch đường bộ, caravan
- Du lịch phiêu lưu mạo hiểm như nhảy núi, lặn biển
- Du lịch tàu biển xuyên quốc gia
- Khác

Câu 6: Xin vui lòng cho biết Quý khách muốn tổ chức chuyến du lịch theo hình thức nào nhất?

- Tự tổ chức chuyến du lịch
- Theo các chương trình tour mà công ty du lịch đã thiết kế
- Liên hệ công ty du lịch để thiết kế chương trình riêng cho mình
- Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà chọn hình thức tổ chức
- Khác

Câu 7: Trong những địa điểm du lịch tại miền Trung Việt Nam, địa điểm du lịch nào sau đây mà Quý khách đã từng nghe nói đến hoặc đã đi nhiều nhất?

- Phong Nha - Kẻ bàng
- Thành Cổ Quảng Trị
- Cố Đô Huế
- Thành Phố Đà Nẵng
- Đô Thị Cổ Hội An

- Thánh Địa Mỹ Sơn
- Thành phố Nha Trang
- Mũi Né

Câu 8: Xin vui lòng cho biết Quý khách thường đi du lịch bằng phương tiện nào nhiều nhất?

- Máy bay
- Tàu lửa
- Ô tô
- Tàu biển

Câu 9: Xin vui lòng cho biết Quý khách thích tham gia vào các hoạt động nào nhất khi đến miền Trung Việt Nam?

- Mua sắm
- Tham quan các công trình kiến trúc cổ phương tây
- Tham quan các công trình kiến trúc cổ phương đông
- Tham quan, sinh hoạt tại các làng nghề truyền thống
- Tham gia các lễ hội dân gian
- Khác

Câu 10 Xin Quý khách vui lòng cho biết mức độ quan trọng của các yếu tố khi lựa chọn sản phẩm du lịch

	Hoàn toàn không quan trọng	Không quan trọng lắm	Bình thường	Tương đối quan trọng	Rất quan trọng
Giá cả	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thời gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chất lượng dịch vụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tuyến hành trình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính độc đáo, mới lạ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khả năng đẳng cấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Uy tín công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khác.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu 11: Xin vui lòng cho biết Quý khách nhận xét thế nào về những thông tin chi tiết sau đây:

1. Rất tốt; 2. Khá; 3. Trung bình; 4. Yếu; 5.Kém						
1	Cơ sở lưu trú đáp ứng đầy đủ cho các đối tượng khách	1	2	3	4	5
2	Cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu về hoạt động du lịch	1	2	3	4	5
3	Môi trường thân thiện, an ninh trật tự đảm bảo	1	2	3	4	5
4	Mức độ bảo vệ các khu du lịch đã được quy hoạch	1	2	3	4	5
5	Trình độ chuyên môn của đội ngũ CB quản lý và phục vụ	1	2	3	4	5
6	Thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và phục vụ	1	2	3	4	5

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý khách!



PHỤ LỤC 6

Questionnaire for Tourists

In order to evaluate the effect of tourism activities. We hope you save a little time to answer the questions below

I. Tourist Information

Guest's name (not inquired):

From:

Email:

II. Content

Question 1: How often do you travel?

- Once a month
- Once three months
- Once six months
- Once a year

Question 2: Why do you travel?

- Rest, recreation, entertainment and a desire for discovering
- Travelling to confirm the class
- Agencies and organizations holding
- Getting promotion programmes
- Other

Question 3: When do you often travel most?

- On the occasion of the tourist destinations having any festival
- At weekend
- On the occasions when the companies/organizations holding for staff to go
- Visiting relatives
- Other

Question 4: Which source of media do you often get travel information from?

- Friends, relatives' recommendation
- Brochures and leaflets

- Ads on TV, newspapers, radio and internet
- Directly getting information from travel agents and travel companies
- Fairs, exhibitions
- Other

Question 5: Which tours do you like best when deciding to travel next time?

- Mountain travel
- Travel, caravan tourism
- Adventurous travel such as climbing, diving
- Travel by ship through nations
- Other.

Question 6: According to what way would you like to organize your travel most?

- Self- organized tour
- Tours designed by the travel agents
- Dealing with travel companies to design your own programs
- Depending on specific cases to choose organizational forms
- Other

Question 7: Among the tourist attractions in Central in Vietnam, which tourist destinations have you heard or like most?

- Phong Nha – Ke bang Caves
- Quang Tri Ancient Citadel
- Hue Citadel
- Hoi An ancient town
- Hoi trade villages
- My Son Holly Land
- Nha Trang City
- Mui Ne

Question 8: Which means of transportation do you usually use for travelling most?

- Plane
- Train

Car

Ship

Question 9: Which activities would you like best when you travel in Central in Vietnam?

Shopping

Visiting the Western ancient architectural works

Visiting the Oriental old buildings

Visiting and taking part in traditional trade villages

Taking part in traditional folk festivals

Other

Question 10: Your opinions about the most important element when you choose the travel product

	Totally unimportant	Not very important	Normal	Fairly important	Very important
Price	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Time	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Service quality	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Routes	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unique and interesting characters	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Class assertion	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Company prestige	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Other.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Question 11: Your opinions about the following detailed information:

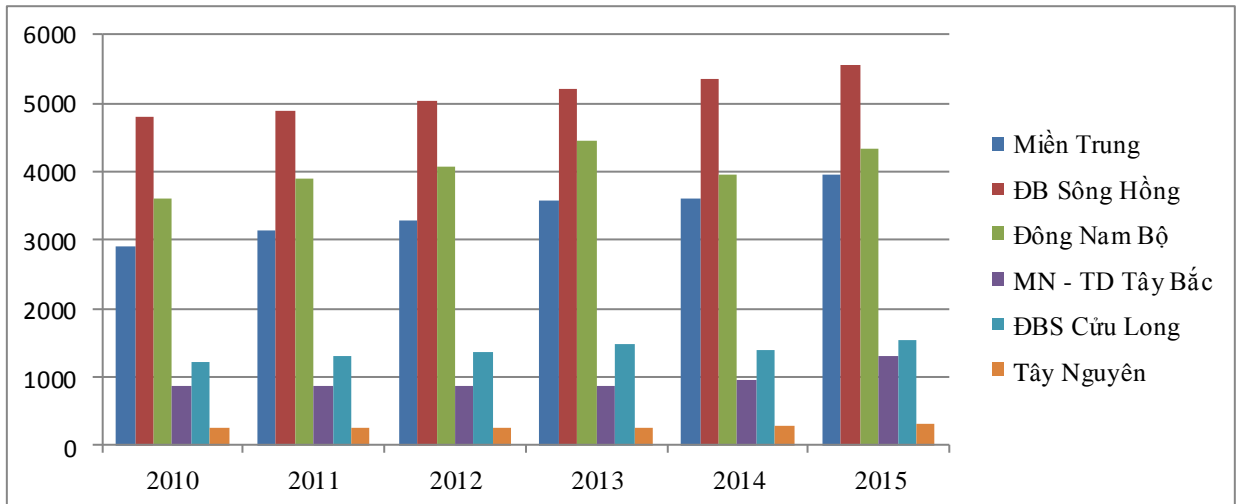
1. Very good; 2. Good; 3. Normal; 4. Bad; 5. Very bad					
1	Accommodation facilities meet different kinds of guests	1	2	3	4 5
2	Infrastructures meet requirements for tourism activities	1	2	3	4 5
3	Friendly environment, ensured safety and security	1	2	3	4 5
4	Level of security in planned tourist attractions	1	2	3	4 5
5	Qualification of management and service staff	1	2	3	4 5
6	Attitude of management and service staff	1	2	3	4 5

Sincerely thank you for your cooperation!



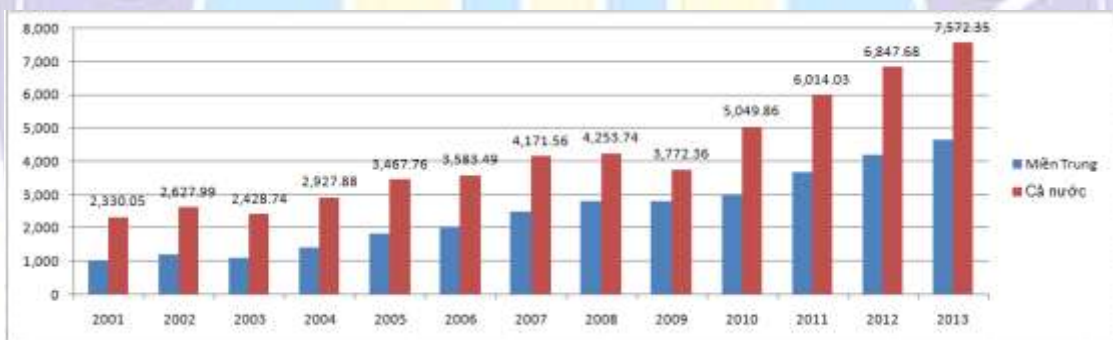
PHỤ LỤC 7

Biểu đồ 1: So sánh lượng khách quốc tế đến các tỉnh miền Trung với các vùng khác (2010 -2015)

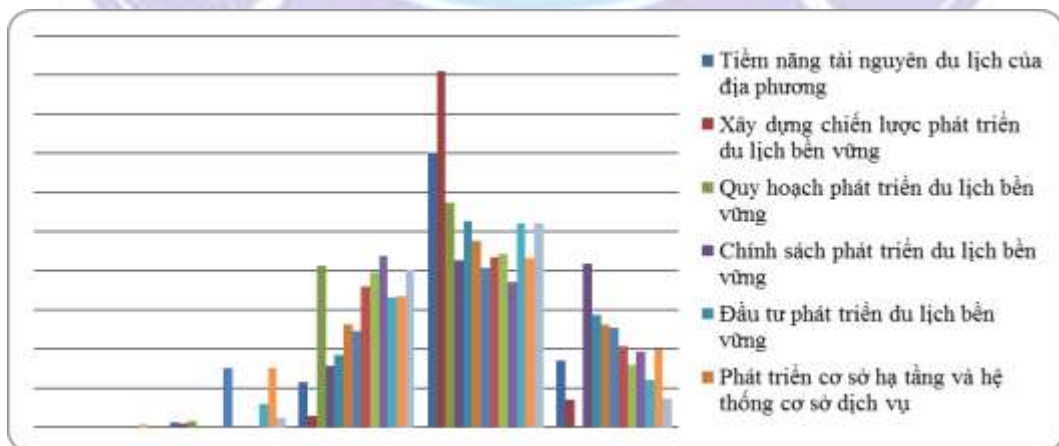


Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS

Biểu đồ 2: So sánh lượng khách quốc tế đến miền Trung với cả nước (2001-2013)



Nguồn: Kết quả khảo sát của NCS



Biểu đồ 3 : Mức độ tập trung các câu trả lời khảo sát

PHỤ LỤC 8

Bảng 3: Kết quả khảo sát cơ quan quản lý nhà nước

Các chỉ tiêu	<i>Kết quả khảo sát (1: thấp nhất, 5 cao nhất)</i>					Giá trị TB
	<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>	<i>Mức 4</i>	<i>Mức 5</i>	
Tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương	0%	1.3%	11.6%	70%	17.1%	4.03
Xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững	0%	1.1%	3%	90.8%	7.1%	4.01
Quy hoạch phát triển du lịch bền vững	0%	1.5%	41.3%	57.2%	0%	3.56
Chính sách phát triển du lịch bền vững	0%	0%	15.6%	42.6%	41.8%	4.26
Đầu tư phát triển du lịch bền vững	0%	0%	18.6%	52.5%	28.9%	4.1
Phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ sở dịch vụ	0%	0%	26.3%	47.5%	26.3%	4.01
Phát triển nguồn nhân lực DL	0%	15.2%	24.6%	40.7%	25.3%	3.82
Tính bền vững của du lịch địa phương	0%	0%	36%	43.5%	20.6%	3.84
Phát triển sản phẩm DL và dịch vụ hỗ trợ DL	0%	0%	39.6%	44.3%	16.1%	3.76
Hoạt động động xúc tiến thương hiệu du lịch	0%	0%	43.7%	37%	19.3%	3.76
Quản lý hoạt động du lịch	0%	6%	33.2%	52%	12.2%	3.75
Công tác an toàn và an ninh của địa phương	0.9%	15.2%	33.6%	43.3%	19.9%	3.53
Phát triển liên kết du lịch của địa phương	0%	2.4%	40%	52%	7.3%	3.66
Trung bình	0.07%	3.28%	28.24%	51.8%	18.61%	3.85

PHỤ LỤC 9

**Bảng 4: Các chương trình, dự án đầu tư phát triển
du lịch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn 2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án	Triệu USD	Giai đoạn			
		Tổng đầu tư	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
A	Đầu tư cho cơ sở vật chất kỹ thuật (35%)	32.970	6.475	8.400	8.820	9.275
A1	Các dự án khu du lịch quốc gia	30.930	6.360	8.010	8.240	8.320
	Vùng Bắc Trung bộ	2.810	610	630	650	920
1	Khu du lịch Thiên Cầm	700	50	100	200	350
2	Khu du lịch Phong Nha-Kẻ Bàng	750	50	100	200	400
3	Khu du lịch Đăk Rông	220	50	50	50	70
4	Khu du lịch Lăng Cô-Cảnh Dương*	1.140	460	380	200	100
	Vùng Duyên hải Nam Trung bộ	6.680	1.050	1.750	2.130	1.750
5	Khu du lịch Sơn Trà*	450	200	150	50	50
6	Khu du lịch Bà Nà	400	100	100	50	150
7	Khu du lịch Cù lao Chàm	350	50	100	150	50
8	Khu du lịch Mỹ Khê	500	50	150	250	50
9	Khu du lịch Phương Mai	890	40	150	350	350
10	Khu du lịch Vịnh Xuân Đài	1.440	40	250	550	600
11	Khu du lịch Bắc Cam Ranh*	1.320	470	400	250	200
12	Khu du lịch Ninh Chữ	950	50	250	400	250
13	Khu du lịch Mũi Né	380	50	200	80	50

A2	Đầu tư các cơ sở vật chất du lịch khác	2.040	115	390	580	955
B	Đầu tư hạ tầng (28%)	26.376	5.180	6.720	7.056	7.420
C	Quảng bá xúc tiến, xây dựng thương hiệu (15%)*	14.130	2.775	3.600	3.780	3.975
D	Đào tạo nhân lực (7%)*	6.594	1.295	1.680	1.764	1.855
Đ	Nghiên cứu & phát triển (7%)	6.594	1.295	1.680	1.764	1.855
E	Bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch (6%)	5.652	1.110	1.440	1.512	1.590
G	Khác (2%)	1.884	370	480	504	530
	TỔNG SỐ	94.200	18.500	24.000	25.200	26.500



PHỤ LỤC 10

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>Mức đánh giá</i>										<i>Điểm TB</i>
	<i>Rất tốt</i>		<i>Tốt</i>		<i>Trung bình</i>		<i>Kém</i>		<i>Rất kém</i>		
	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	
<i>1. Đánh giá của Quý vị về tiềm năng tài nguyên du lịch của địa phương</i>	80	17.1	327	70	54	11.6	6	1.3			4.03
- Tài nguyên du lịch tự nhiên	95	20.3	349	74.7	21	4.5	2	0.4			4.15
- Tài nguyên du lịch nhân văn	65	13.9	305	65.3	87	18.6	10	2.1			3.91
<i>2. Xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững</i>	33	7.1	424	90.8	14	3	5	1.1			4.01
- Quan điểm phát triển			451	96.6	9	1.9	7	1.5			3.95
- Mục tiêu phát triển	51	10.9	399	85.4	15	3.2	2	0.4			4.07
- Định hướng phát triển	12	2.6	438	93.8	11	2.4	6	1.3			3.98
- Kế hoạch phát triển	36	7.7	407	87.2	20	4.3	4	0.9			4.02
<i>3. Quy hoạch phát triển du lịch bền vững</i>			267	57.2	193	41.3	7	1.5			3.56
- Xây dựng mô hình DL			307	65.7	156	33.4	4	0.9			3.65
- Phân khu dịch vụ DL			275	58.9	187	40	5	1.1			3.58
- Phân khu dịch vụ hỗ trợ			272	58.2	189	40.5	6	1.3			3.57
- Tuyển, điểm DL			215	46	241	51.6	11	2.4			3.44
<i>4. Chính sách phát triển du lịch bền vững</i>	195	41.8	199	42.6	73	15.6					4.26

- CS quản lý phát triển du lịch	134	28.7	256	54.8	77	16.5					4.12
- CS tạo môi trường thu hút đầu tư	87	18.6	229	49	151	32.3					3.86
- CS phát triển nguồn nhân lực du lịch	167	35.8	213	45.6	87	18.6					4.17
- CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	193	41.3	245	52.5	29	6.2					4.35
- CS xúc tiến quảng bá du lịch	156	33.4	143	30.6	168	36					3.97
- CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch	245	52.5	213	45.6	9	1.9					4.51
- CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách	231	49.5	179	38.3	57	12.2					4.37
- CS ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội	346	74.1	113	24.2	8	1.7					4.72
<i>5. Đầu tư phát triển du lịch bền vững</i>	135	28.9	245	52.5	87	18.6					4.1
- Quan điểm và chính sách đầu tư	157	33.6	298	63.8	12	2.6					4.31
- Môi trường đầu tư	189	40.5	219	46.9	59	12.6					4.28
- Thực hiện các dự án đầu tư trong nước	165	35.3	266	57	36	7.7					4.28
- Thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài	32	6.9	291	62.3	144	30.8					3.76

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	123	26.3	217	46.5	127	27.2					3.99
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	165	35.3	171	36.6	131	28.1					4.07
- Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	191	40.9	213	45.6	63	13.5					4.27
- Đầu tư xúc tiến quảng bá	59	12.6	284	60.8	124	26.6					3.86
<i>6. Phát triển cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ sở dịch vụ</i>	123	26.3	222	47.5	123	26.3					4.01
- Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch	57	12.2	198	42.4	212	45.4					3.67
- Phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ	189	40.5	245	52.5	33	7.1					4.34
<i>7. Phát triển nguồn nhân lực DL</i>	118	25.3	190	40.7	115	24.6	71	15.2			3.82
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	87	18.6	266	57	114	24.4					3.94
- Chính sách đào tạo, thu hút nhân lực	69	14.8	203	43.5	103	22.1	92	19.7			3.54
- Chương trình giáo dục và đào tạo kỹ năng	212	45.4	165	35.3	90	19.3					4.26
- Chương trình nâng cao nhận thức du lịch cho cộng đồng	127	27.2	249	53.3	70	15	21	4.5			4.03
- Chương trình chuyên giao, hỗ trợ doanh nghiệp	141	30.2	126	27	141	30.2	59	12.6			3.75

- Chương trình chăm sóc khách hàng	23	4.9	215	46	139	29.8	90	19.3			3.37
- Tổ chức quản lý nguồn nhân lực	203	43.5	168	36	96	20.6					4.23
- Tổ chức đào tạo nhân lực (kế hoạch và tổ chức đào tạo hàng năm, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân)	85	18.2	126	27	165	35.3	91	19.5			3.44
<i>8. Tính bền vững của du lịch địa phương</i>	96	20.6	203	43.5	168	36					3.84
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương và giảm thiểu tác động tiêu cực	101	21.6	248	53.1	118	25.3					3.96
- Tối đa hóa lợi ích cho du khách và giảm thiểu tác động tiêu cực di sản	98	21	193	41.3	176	37.7					3.83
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường tự nhiên và giảm thiểu tác động tiêu cực	131	28.1	138	29.6	198	42.4					3.86
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực	52	11.1	234	50.1	181	38.8					3.72
<i>9. Phát triển sản phẩm DL và dịch vụ hỗ trợ DL</i>	75	16.1	207	44.3	185	39.6					3.76
- Phát triển loại hình, sản	47	10.1	284	60.8	136	29.1					3.81

phẩm DL chất lượng													
- Phát triển điểm hấp dẫn và trải nghiệm mới	85	18.2	168	36	214	45.8							3.72
- Phát triển các tuyến, tour mới	153	32.8	145	31	169	36.2							3.97
- Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ DL	18	3.9	262	56.1	187	40							3.64
- Phát triển công nghệ thông tin	70	15	178	38.1	219	46.9							3.68
<i>10. Hoạt động động xúc tiến thương hiệu du lịch</i>	90	19.3	173	37	204	43.7							3.76
- Chiến lược quảng bá	82	17.6	154	33	231	49.5							3.69
- Hiệu quả quảng bá	38	8.1	173	37	256	54.8							3.53
- Khai thác cơ hội thị trường mới và tập trung vào các đoạn thị trường mới	137	29.3	196	42	134	28.7							4.01
- Phát triển các chương trình, sự kiện thu hút khách	164	35.1	134	28.7	169	36.2							3.99
- Xúc tiến thị trường mới	144	30.8	213	45.6	110	23.6							4.07
- Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch của địa phương	56	12	164	35.1	247	52.9							3.59
- Nâng cao uy tín của cơ quan quản lý du lịch	9	1.9	177	37.9	281	60.2							3.42
<i>11. Quản lý hoạt động</i>	57	12.2	243	52	155	33.2	28	6					3.75

<i>du lịch</i>												
- Quản lý nhà nước về du lịch	71	15.2	264	56.5	132	28.3						3.87
- Quản lý doanh nghiệp du lịch	131	28.1	211	45.2	125	26.8						4.02
- Hệ thống văn bản luật pháp	9	1.9	287	61.5	139	29.8	32	6.9				3.59
- Hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ	8	1.7	211	45.2	248	53.1						3.49
- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về du lịch	68	14.6	243	52	132	28.3	24	5.1				3.76
<i>12. Công tác an toàn và an ninh của địa phương</i>	93	19.9	202	43.3	157	33.6	71	15.2	4	0.9		3.53
- Bảo hiểm du lịch	65	13.9	214	45.8	187	40	1	0.2				3.73
- Phương tiện y tế và tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe	38	8.1	162	34.7	247	52.9	18	3.9	2	0.4		3.46
- Trang web liên kết cho khách và ứng trực 24/24 về dịch vụ y tế	7	1.5	214	45.8	123	26.3	118	25.3	5	1.1		3.21
- Mạng lưới thông tin và biển chỉ đường			247	52.9	184	39.4	36	7.7				3.45
- Công tác cứu hộ cứu nạn			201	43	133	28.5	133	28.5				3.15
- Chương trình đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội	188	40.3	219	46.9	60	12.8						4.28

PHỤ LỤC 11

~~KẾ HOẠCH~~

~~KẾ HOẠCH~~

<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>Mức đánh giá</i>										<i>Điểm TB</i>
	<i>Rất tốt</i>		<i>Tốt</i>		<i>Trung bình</i>		<i>Kém</i>		<i>Rất kém</i>		
	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	<i>SP</i>	<i>%</i>	
<i>1. Quy hoạch phát triển du lịch bền vững</i>	46	8.2	424	75.4	70	12.5	22	3.9			3.88
- Mục tiêu của quy hoạch	56	10	456	81.1	39	6.9	11	2			3.99
- Phân khu dịch vụ du lịch	67	11.9	421	74.9	57	10.1	17	3			3.95
- Xây dựng mô hình du lịch	24	4.3	413	73.5	87	15.5	38	6.8			3.76
- Tuyển, điểm du lịch	36	6.4	407	72.4	98	17.4	21	3.7			3.81
<i>2. Chính sách phát triển du lịch bền vững</i>	189	33.6	235	41.8	138	24.6					4.09
- CS quản lý phát triển du lịch	187	33.3	256	45.6	119	21.2					4.13
- CS tạo môi trường thu hút đầu tư	98	17.4	259	46.1	205	36.5					3.81
- CS phát triển nguồn nhân lực du lịch	203	36.1	231	41.1	128	22.8					4.13
- CS phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	214	38.1	311	55.3	37	6.6					4.32
- CS xúc tiến quảng bá du lịch	197	35.1	167	29.7	198	35.2					4
- CS quản lý, bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch	156	27.8	231	41.1	175	31.1					3.97

- CS hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách	141	25.1	211	37.5	210	37.4					3.88
- Việc ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội	314	55.9	213	37.9	35	6.2					4.5
<i>3. Đầu tư phát triển du lịch bền vững</i>	106	18.9	244	43.4	94	16.7	118	21			3.6
- Quan điểm và chính sách đầu tư	131	23.3	311	55.3	12	2.1	108	19.2			3.82
- Môi trường đầu tư	123	21.9	219	39	59	10.5	161	28.6			3.54
- Thực hiện các dự án đầu tư	12	2.1	291	51.8	144	25.6	115	20.5			3.36
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực	123	21.9	217	38.6	127	22.6	95	16.9			3.66
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	154	27.4	171	30.4	131	23.3	106	18.9			3.66
- Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	154	27.4	213	37.9	63	11.2	132	23.5			3.69
- Đầu tư xúc tiến quảng bá	43	7.7	284	50.5	124	22.1	111	19.8			3.46
<i>4. Phát triển nguồn nhân lực DL</i>	77	13.7	190	33.8	179	31.9	116	20.6			3.41
- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	87	15.5	266	47.3	95	16.9	114	20.3			3.58
- Chính sách đào tạo, thu hút nhân lực	127	22.6	203	36.1	129	23	103	18.3			3.63
- Chương trình giáo dục	61	10.9	165	29.4	246	43.8	90	16			3.36

và đào tạo kỹ năng												
- Chương trình nâng cao nhận thức du lịch cho cộng đồng	55	9.8	249	44.3	167	29.7	91	16.2				3.48
- Chương trình chuyên giao, hỗ trợ doanh nghiệp	57	10.1	126	22.4	238	42.3	141	25.1				3.17
- Chương trình chăm sóc khách hàng	51	9.1	215	38.3	157	27.9	139	24.7				3.32
- Tổ chức quản lý nguồn nhân lực	87	15.5	168	29.9	211	37.5	96	17.1				3.44
- Tổ chức đào tạo nhân lực (kế hoạch và tổ chức đào tạo hàng năm, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân)	94	16.7	126	22.4	187	33.3	155	27.6				3.28
<i>5. Tính bền vững của du lịch địa phương</i>			200	35.6	199	35.4	164	29.2				3.07
- Quản lý hoạt động du lịch bền vững			171	30.4	213	37.9	178	31.7				2.99
- Tối đa hóa lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương			248	44.1	134	23.8	180	32				3.12
- Tối đa hóa lợi ích cho du khách			213	37.9	187	33.3	162	28.8				3.09
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường tự nhiên			151	26.9	236	42	175	31.1				2.96
- Tối đa hóa lợi ích cho môi trường xã hội			187	33.3	238	42.3	137	24.4				3.09
<i>6. Phát triển sản phẩm DL</i>			190	33.8	249	44.3	123	21.9				3.12

<i>và dịch vụ hỗ trợ DL</i>											
- Phát triển loại hình, sản phẩm DL chất lượng			141	25.1	270	48	151	26.9			2.98
- Phát triển điểm hấp dẫn và trải nghiệm mới			188	33.5	259	46.1	115	20.5			3.13
- Phát triển các tuyến, tour mới			195	34.7	214	38.1	153	27.2			3.08
- Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ DL			231	41.1	262	46.6	69	12.3			3.29
- Phát triển công nghệ thông tin			196	34.9	241	42.9	125	22.2			3.13
<i>7. Hoạt động động xúc tiến thương hiệu du lịch</i>			191	34	231	41.1	140	24.9			3.09
- Chiến lược quảng bá			164	29.2	254	45.2	144	25.6			3.04
- Hiệu quả quảng bá			181	32.2	276	49.1	105	18.7			3.14
- Khai thác cơ hội thị trường mới và tập trung vào các đoạn thị trường mới			241	42.9	156	27.8	165	29.4			3.14
- Phát triển các chương trình, sự kiện thu hút khách			178	31.7	178	31.7	206	36.7			2.95
- Xúc tiến thị trường mới			201	35.8	161	28.6	200	35.6			3
- Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch			179	31.9	279	49.6	104	18.5			3.13
- Nâng cao uy tín của cơ quan quản lý du lịch			194	34.5	314	55.9	54	9.6			3.25
<i>8. Quản lý hoạt động du</i>	28	5	203	36.1	197	35.1	151	26.9			3.13

<i>lịch</i>												
- Quản lý nhà nước về du lịch			231	41.1	161	28.6	170	30.2				3.11
- Quản lý doanh nghiệp du lịch			156	27.8	214	38.1	192	34.2				2.94
- Hệ thống văn bản luật pháp	32	5.7	213	37.9	251	44.7	66	11.7				3.38
- Hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ			199	35.4	144	25.6	219	39				2.96
- Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về du lịch	24	4.3	214	38.1	216	38.4	108	19.2				3.28
<i>9. Công tác an toàn và an ninh của địa phương</i>			203	36.1	157	27.9	202	35.9				3
- Bảo hiểm du lịch			214	38.1	187	33.3	161	28.6				3.1
- Phương tiện y tế và tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe			162	28.8	247	44	153	27.2				3.02
- Mạng lưới thông tin và biển chỉ đường			214	38.1	123	21.9	225	40				2.98
- Công tác cứu hộ cứu nạn			247	44	184	32.7	131	23.3				3.21
- Chương trình đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội			205	36.5	133	23.7	224	39.9				2.97
- Chương trình phòng chống tội phạm, khủng bố			219	39	60	10.7	283	50.4				2.89
- Chương trình đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường			174	31	128	22.8	260	46.3				2.85

PHỤ LỤC 12

10h30(am)

Đà Nẵng, 1/3/2013

PHIẾU PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA

Chuyên gia:.....Nguyễn Xuân Bình.....

Cơ quan:.....Trung tâm xúc tiến du lịch TP. Đà Nẵng.....

Chức vụ:.....Giám đốc.....

STT	Các nhân tố ảnh hưởng	Đánh giá của chuyên gia
①	Bãi biển đẹp	- Vấn đề về thiên tai → Bãi khai hoang (Tàu cứu)
②	Dịch vụ vui chơi, giải trí, ăn uống, lưu trú	K° đi tìm bãi, hướng nhồi DV phụ → KH hài lòng hơn
③	Vị trí địa lý ↳ Vận chuyển	Sân bay → Di chuyển thuận tiện (DK từ HN, SG) (Dù DV đôi lúc k° tốt = NT, Hải Nê)
④	Môi trường xung quanh ↳ yếu tố an toàn	Rất quan trọng * An ninh, trật tự
5	Tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất	
6	Môi trường xung quanh	
7	Các dịch vụ ăn uống, tham quan, giải trí, mua sắm	BS (c) Tích cực: Phong phú, đa dạng, chuyên nghiệp Tối cực: Chất kém
8	Vận chuyển	
9	Lưu trú	
5	⑩ Chi số giá (Giá)	→ Phụ thuộc tình hình kinh tế, loại khách Basic tourist → quan tâm đến giá

↳ Khác nhau về sự ảnh hưởng

- Độ tuổi : Nguồn lực, Thị hiếu
- Giới tính
- Quốc tịch

PHIẾU PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA

Chuyên gia:..... Cao Trí Dũng.....

Cơ quan:..... Công ty cổ phần VITOURS.....

Chức vụ:..... Giám đốc.....

STT	Các nhân tố ảnh hưởng	Đánh giá của chuyên gia	
3	1 Tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất	- Tương đồng với các trạm DL' bình khác	3
5	2 Môi trường xung quanh	- Quản lý MT đô thị (SB, hợp chế chất chôn)	5
2	3 Các dịch vụ ăn uống, tham quan, giải trí, mua sắm	- Sự phù hợp của hệ thống dịch vụ: giá và chất lượng đa dạng, điều kiện (SS vs giá)	2
3	4 Vận chuyển	- Vận chuyển hàng k° (Sở lý chuyển bay, ngựa, xu) (SS vs giá). Khả năng tiếp cận DV	
1	5 Lưu trú		1
4	6 Chi số giá	→ Ảnh hưởng quyết định	4
	7 Di sản và văn hóa	→ K° nhau	
	8 Sinh thái tự nhiên	→ Sản phẩm kết hợp → Đa dạng hơn	
	9		
	10		

PHIẾU PHÒNG VẤN CHUYÊN GIA

Chuyên gia: Hà Quang Thọ

Cơ quan: Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

Chức vụ: Giảng viên

STT	Các nhân tố ảnh hưởng	Đánh giá của chuyên gia
1	① Tài nguyên thiên nhiên và cơ sở vật chất → Yếu tố nền tảng	- Khí hậu - Bờ biển ⇒ Nét riêng có - Họ tầng (Đường sá, ...) - Quy hoạch
4	② Môi trường xung quanh	- Bảo vệ MT - Tôn tạo cảnh quan - Cơ sở giao thoa giữa KDL và cộng đồng lớn → Thái độ của người dân
2	③ Các dịch vụ ăn uống, tham quan, giải trí, mua sắm	} Sự đa dạng của SPDL biển' (SP/DV)
	④ Vận chuyển	
	⑤ Lưu trú	
3	⑥ ^{Chỉ số giá} Giá cả	- Mặt bằng giá so với các ĐDL biển' khác ⇒ DVDL - Giá cả sinh hoạt giữa ĐDL so với nơi cư trú
	7 ↪ Đặc biệt quan trọng đ/v KDL nội địa	
5	8 Sản phẩm kết hợp	⇒ Yếu tố thiết yếu ⇒ Tạo ra đồng lực thu hút KDL
6	9 An toàn	- Yếu tố tự nhiên - Yếu tố liên quan đến con người (Môi trường)
	10	

⇒ Mức độ ảnh hưởng khác nhau tùy thuộc vào các đặc điểm nhân khẩu học: giới tính, trải nghiệm du lịch, trình độ học vấn, thu nhập, ...